

HOÀNG DƯƠNG CHƯƠNG - TRỊNH THỊ NGA

*Sưu tầm - biên soạn*

# ĐÔNG A nhân kiệt



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

HOÀNG DƯƠNG CHƯƠNG - TRỊNH THỊ NGA  
Sưu tầm - Biên soạn

# Đông A nhân kiệt

(IN LẦN THỨ HAI, CÓ SỬA CHỮA BỔ SUNG)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN  
*Hà Nội - 2010*

## LỜI GIỚI THIỆU

Nam Định - mảnh đất địa linh nhân kiệt nổi tiếng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, sừng sững một triều Đông A hiển hách với Thiên Trường bất tử. Đất Tức Mặc cổ hương của vương triều Trần, nơi sinh ra những minh quân, danh thần, danh tướng làm rạng rỡ non sông gấm vóc Việt Nam.

Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, hai tác giả Hoàng Dương Chương và Trịnh Thị Nga biên soạn cuốn **Đông A nhân kiệt** để tri ân tiền nhân xưa - những người đã xây dựng, bảo vệ non sông đất Việt.

Nhà Lý khởi dựng sự nghiệp, xây kinh thành Thăng Long. Nhà Trần kế tục nhà Lý đã làm cho Đại Việt trở thành một quốc gia cường thịnh về mọi mặt, với chiến công hiển hách ba lần chiến thắng quân Nguyên - Mông, một đế quốc hùng mạnh có biên giới trải rộng từ Á sang Âu.

Dòng tộc Đông A đã dựng lên một vương triều hiển hách muôn đời rạng rỡ. Đó là những đức minh quân sáng chói: Từ Trần Thái Tông người đặt nền móng cho triều Trần, đến Thánh Tông ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, Nhân Tông người anh hùng dân tộc, Đệ nhất tổ Trúc Lâm, Anh Tông, Minh Tông là các hoàng đế văn trị kế nghiệp anh minh.

Nói đến Đông A nhân kiệt không thể không kể đến các thái sư của dòng tộc Đông A. Đó là Trần Thủ Độ,

người có công lớn nhất trong việc khởi dựng vương triều Đông A. Vị Thái sư thứ hai toàn tài là Trần Quang Khải đã điều binh, khiển tướng tài ba trong kháng chiến chống giặc và củng cố vương triều. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Thượng phụ Thái sư đã trở thành vị Thánh trong lòng dân. Vị Thái sư cuối được hai soạn giả lựa chọn để gửi tới người đọc là Tăng thánh Thái sư Trần Nhật Duật. Sự uyên thâm và tận tụy với dân, với nước của Trần Nhật Duật thật là niềm tự hào cho dòng tộc Đông A và là gương sáng mãi mãi cho muôn đời.

Thật mừng là sau khi viết về các đấng mày râu, sách đã dành những trang viết đầy suy tư về các hoàng hậu, công chúa trong dòng tộc Đông A rất tâm huyết. Đây là những nữ nhân luôn đứng phía sau và là chỗ dựa không thể thiếu cho những thành công của mỗi danh nhân, và mỗi chiến công hiển hách của dòng tộc Đông A.

Mở trang sách *Đông A nhân kiệt* người đọc còn biết nhiều tư liệu về dòng tộc Đông A trong truyền thuyết, thần phả, ngọc phả. Tuy nguồn tư liệu này không thấy liệt kê trong chính sử, nhưng nó vẫn và sẽ còn được lưu truyền mãi mãi theo truyền thống dân tộc.

Chúng tôi thật vui mừng viết những lời này bởi được đọc bản thảo trước khi đưa in. Với nguồn tư liệu đa dạng, việc xử lý thật không dễ dàng. Đó đây nếu còn có khiếm khuyết cũng là điều dễ hiểu. Chúc hai soạn giả luôn mạnh khoẻ để bạn đọc có những ấn phẩm mới.

**TRẦN HỒNG - HOÀNG NGUYÊN**

*Hội VHNT Nam Định*

## LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến Trung Hoa đưa nước Việt Nam đến độc lập tự chủ và phát triển ngày một cường thịnh. Trong hơn mươi thế kỷ độc lập tự cường (thế kỷ X đến thế kỷ XX), các triều đại phong kiến Việt Nam đã để lại những trang sử chống ngoại xâm vàng son của dân tộc. Trong đó vương triều Trần giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

Nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, chúng tôi biên soạn cuốn **Đông A nhân kiệt** để tri ân các tiền nhân xưa, những người đã có công xây dựng, bảo vệ non sông gấm vóc để có nước Việt Nam ngày nay.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ khởi dựng sự nghiệp, xây kinh thành Thăng Long cho Đại Việt. Triều Lý với 215 năm trị vì đất nước đã mở ra cho lịch sử của dân tộc những trang huy hoàng rực rỡ. Năm 1225, nhà Trần kế tục nhà Lý làm cho Đại Việt trở thành một quốc gia cường thịnh về mọi mặt. Đặc biệt là chiến công hiển hách ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, một đế quốc vô cùng hùng mạnh có biên giới trải rộng từ Á sang Âu.

Với lòng nhiệt tình và tâm huyết, chúng tôi đã cố gắng phác họa lên những trang tuấn kiệt của vương triều Đông A. Đó là những đức vua anh minh, sáng suốt, văn võ song toàn, hết lòng vì đất nước, vì tổ tông xã tắc; kiên quyết

chống lại kẻ thù, mà vẫn luôn có lòng khoan dung. Đó là những thái sư mẫn tiệp, đã xả thân vì nước, không quản vất vả gian lao để ứng phó hữu hiệu với thù trong giặc ngoài. Tất cả đã dùng tài năng và trí tuệ xây dựng vương triều Đông A thành một nhà nước, một quốc gia hùng mạnh, góp phần làm nên những chiến công vàng son hiển hách.

Bên cạnh những trang mày râu tuấn kiệt, không thể quên những nội tướng đã góp công không nhỏ cho quốc gia đại sự. Đó là các hoàng hậu, công chúa, vương phi Trần tộc đã phụng sự hoàng tộc và các đức lang quân để có một triều đại Đông A rạng rỡ.

Tất cả họ là những người làm nên lịch sử và họ cũng chính là những con người của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Thưa bạn đọc quý mến, khi biên soạn cuốn sách này chắc rằng vẫn còn có những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý và giúp đỡ của độc giả xa gần để lần xuất bản sau được tốt hơn.

**Thành Nam, mùa xuân 2010**

PHẦN I

*Khởi nguồn Đông Á*

# I. TRUYỀN THUYẾT VÀ SỰ THẬT

GHI THEO TRẦN THỊ GIA HUẤN

Trong *Trần thị gia huấn* hiện được lưu giữ tại kho tư liệu của Bảo tàng tỉnh Nam Định có chép như sau:

"... Đời trước vốn là người chau Mân, anh em tinh thông "địa lý". Các nhà địa lý khác đều suy tôn họ là người đầy đủ tú lực<sup>1</sup>; đi xem đất cát cho các nơi đã được tiếng là thầy địa lý hay. Về phần mộ gia tiên đã yên ổn. Khi đi nhiều nơi thấy có một số huyệt rất là tôn quý, nhưng sợ phúc nhà hèn kém, e không với được. Anh em bèn bàn với nhau phải đi tìm chốn có cơ nêng vương nghiệp. Thế rồi vượt biển đi về phía nam, ban đầu tới núi Yên Tử chiếm đất có địa thế, dựng một ngôi chùa nhỏ thờ Phật ở vùng chân núi, sau này có thể làm nơi cho họ hàng ăn ở yên vui (đất này nay thuộc xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) hiện vẫn còn am thờ Phật của Trần tộc, rồi đem số vàng mang theo làm nghề chài cá để sinh kế lâu dài".

Một ngày kia lại đến đất khu Khang Kiện vùng Tức Mặc (nay vẫn còn nơi thờ tự - miếu nhà Trần ở đó). Nơi

---

1. Tú lực: tâm lực, mục lực, học lực, cước lực.

đây thế đất vòng vo có chỗ kiều như "sao thuỷ phù mộc" mạch đi chữ "càn" liên tiếp ba chữ giữa có nét ngang, đằng trước có ao nhỏ. Người anh nói: đất phát vương đây rồi! Người em khảo lại, nói: địa thế rộng rãi, cái án tựa như đám áo bỏ rông, tuy được dương trạch nhưng chưa có nơi âm phán, nay hãy dựng nhà ở đây để làm nơi kiếm kế sinh nhai, trời đã cho nơi ở, tất sẽ có nơi để mộ. Rồi chia ra ở hai nơi (Yên Tử và Túc Mặc), người anh dựng chùa thờ Phật ở núi Yên Tử tạo nên vườn An Lạc, người em dựng gia từ tại khu Khang Kiện (Túc Mặc) để thờ tổ tiên, nối đời tích góp âm công sinh ra người giỏi. Qua năm đời thì thấy đất Thái Đường bằng phẳng, trước có tam thai, mặt trông ra vũng nước nhiều bùn chảm bao giờ cạn, sau có thắt tinh. Nay là xã Thái Đường, huyện Hưng Nhân (Hưng Hà), tỉnh Thái Bình (cũng có miếu nhà Trần ở đó).

Chuyện kể lại, trước đó có người làng bên tên là Nguyễn Cố ở Tây Nha mời thầy địa lý người Tàu đi tìm đất tốt. Thầy biết đây là đất phản sư nên đòi nhiều vàng và nói: Đất tuy là tốt nhưng mạch ngang hùng, nếu trời không cho tất sẽ đánh lật quan tài lên, họa đến không phải là nhỏ, có trốn tránh cũng khó kịp. Đặt tạm vào đó sau trăm ngày sẽ đắp yên ổn. Ba năm sau tôi trở lại cho tôi một nửa. Cần nên chú ý trong lúc mưa gió ra xem trên mộ nếu có điều lạ thì phải dời mộ đi, để lâu chắc sẽ chảm tránh nổi sự tai biến. Cố nghe xong, đem việc bàn với vợ. Vợ nói dẫu rằng được đất phát phúc, nhưng đã mất nhiều vàng, sau lại mất nửa thiên hạ thì còn được mấy. Cố nghĩ ra cách sẽ dùng mưu kế, liền đưa cho thầy một nửa số vàng rồi chuẩn bị bày tiệc tiễn biệt nhưng ngầm dùi

thủng thuyền để thầy chìm xuống nước mà lấy lại vàng bạc. Cố tướng thầy bị chết. Không ngờ thầy biết bơi lội đã bì bõm trong đêm bồng bềnh đến Ngốc Khẩu, gặp thuyền chài. Thuyền của ông họ Trần đang đêm nghe có tiếng gọi thì đến cứu rồi thay quần áo, sưởi ấm, lại cho ăn uống tử tế. Thầy nói nguồn gốc rồi xin đem đất ấy tạ lại.

Ông họ Trần nghe theo, gặp đêm mưa gió, đã đem lưỡi búa "tầm sét" chẽ săn để xối trộn vào nấm mộ, lại đổ nước gỗ vang lên giả làm sét đánh "chảy máu đất" cho nhà kia sợ phải chuyển mộ đi. Nhằm khi nơi ấy hố đào chưa lấp thì để luôn hài cốt tổ tiên vào rồi phủ đất, tưới nước đẫm để lấp dấu vết. Huyệt mộ Thái Đường khi táng xong rồi đêm đến có mưa gió sấm chớp ầm ầm. Rồi thấy vùng ba xã Thái Đường, Đặng Xá, Tây Nha có những đá tai mèo nổi lên khắp nơi vườn tược bờ ao, nay cũng vẫn còn dấu vết thiêng liêng ấy. Thầy Tàu nói: Đất này phát phúc, nhưng không tránh khỏi nhiều người bị giết. Đất là trời cho, công tôi tuy chưa trả được, tôi cũng không cần, đã có bể trên soi xét, nếu có hậu trọng thì sẽ được dài đời, còn như không thì sẽ ngắn thôi.

Từ khi ông họ Trần được đất, thì sau đã có người ra làm tướng nhà Lý. Ông chú ruột là Trần Thủ Độ được phong tới Điện tiền chỉ huy sứ, quản quân cấm vệ. Bấy giờ Lý Huệ Đế không có con trai, nên nhường ngôi cho con gái thứ là Công chúa Chiêu Hoàng, đã sai truyền con em các quan triều vào hầu.

Trần Cảnh được Điện tiền Trần Thủ Độ đưa vào cung hầu Chiêu Hoàng. Một hôm Trần Cảnh bưng chậu nước tới cho Chiêu Hoàng, Chiêu Hoàng lấy tay vục

nước té lên người Trần Cảnh. Cảnh đem việc này kể với chú Thủ Độ. Trần Thủ Độ dặn cháu: lần sau như thế thì quỳ xuống đưa hai tay ra tâu rằng bệ hạ cho nước, thì kẻ hạ thần xin nhận. Thủ Độ sợ việc tiết lộ thì mắc tội, bèn cho gia nhân vào cấm thành đóng chặt các cửa lại. Trăm quan vào hầu phải đứng bên ngoài. Thủ Độ thông báo: Bệ hạ đã có chồng rồi. Quần thần đều vâng dạ và xin chọn ngày đến triều kiến. Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho chồng. Trần Cảnh lên ngôi phong tổ phụ (Trần Thừa) làm Thượng hoàng coi giữ quốc chính. Như thế là việc được thiên hạ đều do công của người chú Thủ Độ cả.

Từ đó các vua Trần truyền kế trải 14 đời đều giữ lòng nhân hậu trị quốc. Phần lớn các vua sau khi nhường ngôi cho con thì thường lui về cung Thiên Trường cả. Nay là nơi miếu nhà Trần ở hương Tức Mặc (phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định).

#### TRUYỀN THUYẾT VỀ NGÔI MỘ KẾT PHÁT

Thời nay không còn mấy ai tin tưởng rằng con cháu được phú quý, thịnh vượng là do hài cốt ông cha được mai táng trên một cát địa. Nhưng ở thời xa xưa, có rất nhiều người tin phong thuỷ (địa lý). Cứ dòng họ nào làm nên cõ nghiệp thì cho là nấm xương của tiền nhân đã được để tại ngôi đất kiều nộ, kiều kia kết phát đến bá, vương, hầu hay đa đinh, đa tài. Nhà Trần thay nhà Lý trị vì thiêん hạ, người ta cũng cho là do được mả.

Phả họ Đặng và sử sách chép rằng: cha con Trần Hấp, Trần Lý chuyên nghề chài lưới trên các dòng sông,

một đêm kia vớt được một người trong rọ là thầy địa lý nên sau được hậu báo.

Chuyện kể rằng: Thầy phong thuỷ nọ đã để mả cho người nhà giàu Nguyễn Cố ở xã Tây Nha rồi trồng một khóm tre bên phần mộ hẹn sau ba năm trở lại mà thấy nhà làm ăn thịnh vượng giàu có thêm thì đốn hết tre của khóm ấy mọc lên, chè tre làm lạt, xâu tiền đủ số lạt đã chè để lấy làm tiền công. Quả nhiên, nhà Nguyễn Cố làm ăn phát đạt như có người xe của đến cho, trở nên giàu có gấp bội. Khóm tre mọc xanh tốt, cành lá rườm rà. Nếu lấy hết số tre đem chè lạt xâu tiền thì hết cả gia tài vạn ức cũng vừa. Cha con Nguyễn Cố bèn nảy ý gian. Khi đến hẹn ba năm, đã chặt bỏ bớt số tre đi, chỉ để lơ thơ ít cây. Thầy phong thuỷ trở lại, thấy nhà chủ đã giàu có lớn, mà khóm tre thì xơ xác, biết là nhà chủ gian, lòng dạ không tốt, liền bảo rằng: "Tôi chỉ cốt thử xem ông có trung hậu hay không mà thôi, chứ đâu có muốn đòi lấy hết cả cơ nghiệp. Khóm tre kia nếu cứ để mọc xanh tốt rườm rà thì nhà ông sẽ càng ngày càng hưng thịnh. Nhưng ông đã chặt phá khóm tre thì rồi nhà ông sẽ mạt". Cha con Nguyễn Cố vừa xấu hổ, vừa tức, nghĩ chắc thế nào thầy phong thuỷ cũng sẽ phản mình, nên định tâm ra tay trước để trừ khử đi và giữ trọn sự giàu có, bèn giả cách xin lỗi rồi làm cơm rượu sang trọng mời thầy ăn uống say sưa. Khi đã chuốc rượu uống đến say mê, cha con đem bỏ thầy vào rọ rồi đưa quăng ra sông cho mất tích. Không ngờ cha con Trần Hấp lại tình cờ vớt lên cứu sống được sinh mạng thầy.

Thầy phong thuỷ muốn tạ ơn người đã cứu vớt mình, bèn chỉ cho một thế đất quý, phát đến đế vương. Từ đấy

họ Trần làm ăn ngày càng thêm thịnh vượng, hiển đạt, của cải thêm nhiều, vàng bạc như tự tìm đến. Chẳng bao lâu trở nên giàu có nhất vùng. Mọi người tranh nhau đến làm môn hạ. Dời sau con cháu trở nên đại quý, phát tích đế vương.

\*  
\* \* \*

Trong sách *Công Dư Tiệp Ký* (Vũ Phương Đê) còn chép một truyền thuyết đại lược rằng: Xưa có thầy địa lý người Hán tìm được ngôi mộ quý phát đến đế vương, có Nguyễn Cố người xã Tây Vệ xin táng. Thầy đòi ngay một trăm quan tiền công và giao hẹn nếu về sau được thiên hạ phải chia đôi. Táng xong thấy có sự lạ xảy ra, Nguyễn Cố mừng rõ nhưng vợ y bảo lấy đâu ra một trăm quan tiền tạ thầy, mà thiên hạ đâu có thể đem chia cho người được. Nguyễn Cố bội ơn lập mưu bắt trói quăng thầy phong thuỷ xuống sông. Người đánh cá họ Trần tình cờ vớt được và cứu sống, sau được trọng tạ. Thầy bày kế mua đồng đúc lưỡi tầm sét và mua tô mộc nấu nước vang, trong đêm có giông tố sấm chớp, đến vảy nước vòng quanh mộ nhà Nguyễn Cố, lại cắm những lưỡi tầm sét bên mộ. Nguyễn Cố thấy thế sợ hãi, vội dời phần mộ đi nơi khác. Họ Trần đưa hài cốt gia tiên kín đáo để vào đây.

Kiểu đất này "Phấn đại dương mi chiểu, yên hoa đối diện sinh. Tất dī nhan sắc thiên hạ"; nghĩa là: son phấn yên hoa bày trước mặt, tất sẽ nhờ nhan sắc đẹp mà được thiên hạ. Quả vậy, khi Hoàng tử Sám chạy loạn về Hải

Ấp đã lấy Trần Thị Dung con gái nhà Trần Lý rồi sinh ra Thuận Thiên và Chiêu Hoàng. Một hôm cháu ngoại nhà họ Trần là vua Chiêu Hoàng vui chơi đã ném chiếc khăn gói trầu (trầu cau là cơ duyên của hôn nhân) cho Trần Cảnh. Thủ Độ cho là điềm tốt đã đến. Ông liền nhân đó loan báo cho mọi người: "Bệ hạ đã có chồng rồi". Ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1225) bấy tôi tiến triều lạy mừng, nhà vua xuống chiếu truyền ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Ngày 12 tháng Chạp năm Ất Dậu (1225) Trần Cảnh chính thức lên ngôi ở điện Thiên An.

Sau này, con cháu thầy phù thuỷ nọ ở Trung Quốc vẫn thường sang nước ta, được các vua Trần cung phụng rất hậu. Đến đời các vua Dụ Tông, Nghệ Tông trong nước đói kém, loạn lạc, không có nhiều tiền của để thoả lòng tham của con cháu thầy địa lý. Chúng không vừa lòng đã giải trình với vua Trần rằng: Ngôi mộ Thái Đường sắp hết lộc, muốn thịnh lâu dài phải khai thông "Thuỷ đạo" bằng cách cho đào một con sông từ sông Cái xã Phú Xuân, kéo quanh về xã Đại Đường. Khi sông được đào thì long mạch bị đứt, nhà Trần mất ngôi.

### LĂNG MỘ NHÀ TRẦN

Theo Tộc phả nhà Trần và sử sách thì mộ tổ nhà Trần ở Thái Đường (Tam Đường) huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi vua Trần Thái Tông mất ngày 1 tháng 4 năm Đinh Sửu (1277) tại cung Vạn Thọ đã làm lễ an táng ngài tại Chiêu lăng. Khi Trần Thánh Tông

mất tại cung Nhân Thọ ngày 25 tháng 5 năm Canh Dần (1290) đã an táng ở Dụ lăng. Vua Trần Nhân Tông mất ở trên núi Yên Tử, xá lị của Phật Hoàng được để ở ba nơi: Phật Hoàng tháp trên núi Yên Tử; trên tháp Phổ Minh ở Tức Mặc; ở một ngôi chùa lớn tại kinh thành Thăng Long<sup>1</sup>.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược lần thứ hai, quân giặc đã tới khu mộ tổ nhà Trần, đập bối phá huỷ khu lăng mộ này. Sau ngày đại thắng quân Nguyên - Mông, các vua Trần đã tới làm lễ bái yết ở Chiêu lăng, rồi tu sửa lại lăng tẩm của các tiên đế như xưa.

Khi vua Trần Anh Tông mất ngày 16 tháng 3 năm Canh Thân (1320) tại cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, thì ngày 12 tháng Chạp cuối năm ấy được táng vào Thái lăng ở An Sinh. Vua Trần Minh Tông mất ngày 19 tháng 2 năm Đinh Dậu (1357) được táng vào Mục lăng cũng ở An Sinh.

Sau khi vua Duệ Tông tử trận ở Chiêm Thành, để tránh sự tàn phá của Chiêm Thành, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông đã cho xây dựng khu lăng mộ các vua Trần tại An Sinh vào năm Tân Dậu (1381). Sau đó chuyển lăng mộ các tiên đế nhà Trần từ Thái Bình, Nam Định về khu vực An Sinh, Đông Triều (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh).

Tại khu An Sinh còn có Ngải Sơn lăng của vua Hiến Tông tọa lạc tại xóm Trại Lốc 2. Vua Hiến Tông sau khi mất được táng vào An lăng (huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) đến năm 1381 thì chuyển về Ngải Sơn lăng.

---

1. Theo tương truyền tại địa phương.

Phụ Sơn lăng là nơi an nghỉ của vua Trần Dụ Tông được xây dựng năm Kỷ Dậu (1369). Khi Thượng hoàng Nghệ Tông qua đời vào ngày 15 tháng Chạp năm Giáp Tuất (1394) đã an táng ở Nguyên lăng (thung lũng khe Nghệ, núi Dốc Trại, xóm Bãi Đá, xã An Sinh). Đồng Hỷ lăng là nơi chiêu hồn vua Duệ Tông an nghỉ. Vua Duệ Tông mất ngày 24 tháng Giêng năm Đinh Ty (1377). Vua Trần Phế Đế mất ngày 6 tháng Chạp năm Mậu Thìn (1388) được phụ táng ở khu lăng Tư Phúc (núi An Bài). Ở khu lăng mộ nhà Trần còn có đền An Sinh, là nơi khách thập phương làm lễ khi đến viếng các vua Trần. Khu lăng mộ này đã được xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia năm 1962.

Vào thế kỷ XVII, Tiến sĩ Đặng Phi Hiển khi tới thăm lăng mộ nhà Trần ở Thái Đường có đề bài thơ "Thái Đường lăng".

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

### 太堂陵

不知是否太堂陵  
祠廟香花日月恆  
陳族或言仁德治  
南方誰道異靈弘  
土牛石馬能為輔  
水伯山神亦護登  
幾度帝王標國祭  
四民來禱漸升騰

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thái Đường lăng*

*Bất tri thị phủ Thái Đường lăng  
Tử miếu hương hoa nhật nguyệt hằng  
Trần tộc hoặc ngôn nhân đức trị  
Nam phương thuỷ đạo dị linh hoàng  
Thổ ngưu thạch mã năng vi phu  
Thuỷ bá sơn thần diệc hộ đăng  
Kỷ độ đế vương tiêu quốc tế  
Tử dân lai đảo tiệm thăng đăng*

DỊCH THO:

Rằng đây có phải Thái Đường lăng  
Mà thấy hương hoa dân rất chấm  
Quốc sách nhà Trần nhân đức trị  
Lòng dân ghi tạc đã bao năm  
Trâu sành ngựa đá chờ sai khiến  
Thuỷ bá, sơn thần săn kế lăng  
Vua chúa tới đây làm quốc lễ  
Muôn người cầu đảo thấp hương đăng.

(Hoàng Dương Chương - dịch)

## **II. NGUỒN GỐC VƯƠNG TRIỀU TRẦN**

Theo sử sách và các tài liệu hiện còn lưu thì họ Trần có nguồn gốc làm nghề chài lưới - đánh cá trên sông nước từ vùng Đông Bắc - An Bang (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) di chuyển qua Đông Triều, Hải Dương, rồi Thái Bình, Nam Định. Cuộc sống của họ nay đây mai đó theo các dòng sông, sau rồi mới dựng nhà cửa. Ban đầu người họ Trần dừng chân ở vùng núi Yên Tử (Đông Triều). Đến Trần Kinh thì dựng nhà lấy vợ ở Khang Kiện (Tráng Kiện) tức hương Tức Mặc (nay là thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định) sinh ra Trần Hấp (Trần Tự Hấp). Trần Hấp sinh ra Trần Lý. Tiếp đó họ Trần lại di chuyển đến Hải Ấp (nay là xã Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) lập nghiệp. Trần Lý sinh ra Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thị Dung. Nhà Trần Lý làm ăn ngày một thịnh vượng, trở thành gia đình thanh thế cả một vùng.

Vào cuối triều Lý, vua Cao Tông mới lớn lên không nghe theo lời dặn của Tô Hiến Thành đã cử Đỗ Yến Di làm phụ chính, còn vua Cao Tông chỉ ham săn bắn, vơ vét tiền của xây cung điện thoả chí vui chơi. Dân

chúng trăm bể cực khổ, trộm cướp nỗi lên như ong. Năm Mậu Thìn (1208) xảy ra binh đao, Phạm Du làm phản, khi vào triều lại kêu oan. Vua nghe lời đã sai bắt giam Phạm Bỉnh Di. Bộ tướng của Bỉnh Di là Quách Bốc đem quân đến phá cửa thành. Vua chạy lên vùng Tam Nông (Phú Thọ), còn Hoàng tử Sảm chạy về Hải Ấp vào ở nhà Tô Trung Từ. Hoàng tử thấy con gái nhà Trần Lý là Trần Thị Dung xinh đẹp thì lấy làm vợ, rồi phong cho Trần Lý tước Minh Tự, phong cho Tô Trung Từ là cậu của Trần Thị Dung làm Điện tiền chỉ huy sứ. Từ đó anh em nhà họ Trần, Tô mỗ quân giúp Hoàng tử Sảm khôi phục lại sự nghiệp, lại lên vùng Tam Nông đón vua Cao Tông trở về kinh thành Thăng Long. Khi Lý Cao Tông mất, Thái tử Sảm lên ngôi lấy hiệu là Huệ Tông, phong cho Trần Tự Khanh làm Chương Tín Hầu, Tô Trung Từ làm Thái úy Thuận Lưu bá. Sau Huệ Tông lại phong cho Trần Tự Khanh làm Phụ chính, Trần Thừa (anh của Tự Khanh) làm Nội thị phán thủ. Năm Quý Mùi (1223) Tự Khanh mất, vua phong cho Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy, năm sau phong cho Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ. Từ đó hầu như mọi việc trong triều đều do Thủ Độ điều hành, Lý Huệ Tông không quan tâm đến triều chính, suốt ngày rượu chè say sưa. Vua không có con trai chỉ sinh hai công chúa, chị là Thuận Thiên công chúa gả cho Trần Liễu con trưởng Trần Thừa, em là Chiêu Thánh công chúa tên là Phật Kim được lập làm

Thái tử. Tháng 10 năm Giáp Thân, vua xuống chiếu truyền ngôi cho con gái rồi vào chùa Chân Giáo đi tu và mất ở đó.

Trần Thủ Độ đã xếp đặt để Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh là con của Trần Thừa, rồi Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng vào năm Ất Dậu (1225). Vương nghiệp nhà Trần bắt đầu từ đó.

Các vua Trần bắt đầu từ Trần Cảnh đã xây dựng vương nghiệp, tạo ra một nhà nước phong kiến Việt Nam cường thịnh. Trong 175 năm tồn tại, nhà Trần đã lãnh đạo quân dân cả nước giữ vững biên cương, mở rộng bờ cõi, ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông ghi dấu ấn vàng son trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Về kinh tế, thời Trần đã cho khẩn đất hoang, mở nhiều đồn điền, lập nhiều điền trang thái ấp, xây dựng đê điều, khơi sông, đào kênh dẫn thuỷ, phát triển tiểu thủ công, đẩy mạnh lưu thông hàng hoá. Bộ máy điề hành đất nước được quan tâm, ban hành bộ luật "Quốc triều thống chế", lại tổ chức thi cử thường xuyên để tuyển chọn nhân tài; định ra khoa giáp tạo điều kiện cho sự nảy sinh nhân tài như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi...

Nhà Trần đã nâng hương Tức Mặc lên làm phủ Thiên Trường năm 1262; lập các cung Trùng Quang để Thượng hoàng ngự, cung Trùng Hoa để vua về chầu, các cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ cho hoàng thân quốc thích.

Đời vua Trần Anh Tông đã làm lễ truy tôn các tiên đế nhà Trần như sau:

Trần Kinh là Mục tổ Hoàng đế.

Trần Tự Hấp là Ninh tổ Hoàng đế.

Trần Lý là Nguyên tổ Hoàng đế.

Trần Thừa là Thái tổ Hoàng đế.

PHẦN II

*Đông Á hoàng đế*

# I. CÁC MINH QUÂN HOÀNG ĐẾ

## TRẦN THÁI TÔNG

NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO VƯƠNG TRIỀU TRẦN

Trần Thái Tông (1225-1258) tên là Trần Cảnh, húy là Trần Bồ, là con thứ của Trần Thừa, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần (1218) tại hương Túc Mặc, nay thuộc thôn Túc Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định.

Khi Trần Cảnh lên tám tuổi được người chú là Trần Thủ Độ lúc đó là Điện tiền chỉ huy sứ của triều Lý đưa vào cung nhận chức Chi hậu chính chi ứng cục hậu cần để hầu vua, sau đó kết duyên với Lý Chiêu Hoàng - nữ vương triều Lý. Ngày 12 tháng Chạp năm Ất Dậu (1225), Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng. Trần Cảnh trở thành vị vua khai lập ra vương triều Trần, một vương triều phong kiến cường thịnh của Đại Việt. Vì Trần Cảnh còn nhỏ tuổi, nên việc triều chính đều nằm trong tay Trần Thủ Độ. Sau mười hai năm lấy nhau mà Chiêu Hoàng chưa có con nên Thủ Độ đã ép vua giáng Chiêu Hoàng xuống làm công chúa để lập chị là Thuận Thiên làm hoàng hậu. Khi ấy Thuận Thiên đang là vợ của người anh Trần Cảnh là Trần Liễu và đã có mang

ba tháng. Trần Liễu tức giận nổi loạn. Thái Tông vô cùng đau xót, đang đêm đã cùng một số tuỳ tùng bỏ ngôi báu, rời hoàng thành lên núi Yên Tử. Được tin, Trần Thủ Độ tức tốc tập hợp trọng thần văn võ đến Yên Tử đón vua hồi kinh. Vua không chịu xuống núi và nói: "Trẫm vì non trẻ chưa cáng đáng nổi sứ mệnh nặng nề, Phụ hoàng lại vội vã lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, nên không dám giữ ngôi mà làm nhục xã tắc"<sup>1</sup>.

Biết vua chưa nguôi giận, Trần Thủ Độ cố nài xin nhưng vua không nghe. Thấy vậy, Thủ Độ mới bảo quân thần rằng: "Xa giá ở đâu tức triều đình ở đó". Nói rồi Thủ Độ cho quân lính chặt cây, cắm nêu dựng trại chuẩn bị xây cung điện. Trước tình thế đó, Trần Thái Tông đành phải trở về Thăng Long.

Lòng Thái Tông trăn trở bởi ông đã ngồi trên ngai vàng hàng chục năm mà thực tế chưa có một quyền hành gì. Đối với nhà Lý, Thái sư họ Trần đã cho giết Lý Huệ Tông (dù đã bị tẩm thân và bỏ đi tu). Vào năm Nhâm Thìn (1232), trong một dịp các tôn thất nhà Lý gặp mặt, Trần Thủ Độ đã lập mưu chôn sống lực lượng này. Rồi lại chính Trần Thủ Độ quyết định phế truất Lý Chiêu Hoàng. Bản thân vua không tự quyết định được việc triều chính cũng như việc gia đình riêng tư. Vì vậy việc trở lại Thăng Long là một quyết định khó khăn. Chính việc trở lại ngai vàng là một bước ngoặt đối với vị vua đầu tiên của vương triều Trần.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, H. 1998, tr. 16.

Trần Liễu nổi loạn nhưng tự lượng thấy thân đơn lực mỏng đã sớm phải đến với Thái Tông xin hàng. Trần Thủ Độ đem quân đến định giết, Thái Tông đã lấy thân mình che cho anh trai. Với hành động này, ông bước đầu đã làm chủ được sự thế. Đúng như nhận định của sử gia Ngô Sĩ Liên: "Thái Tông lấy được thiên hạ đều là mưu sức của Thủ Độ cả, cho nên Nhà nước phải nhờ cậy, quyền cao hơn cả vua"<sup>1</sup>. Cũng chính từ đây, Thái Tông thực sự ở cương vị Hoàng đế đầu triều, phẩm chất của một minh quân ngày một rạng danh.

Nhà Trần từ khi lấy được thiên hạ đã đẩy mạnh việc củng cố chế độ phong kiến Trung ương tập quyền nhằm xây dựng một quốc gia ngày càng cường thịnh.

Để ổn định đất nước khỏi cảnh loạn ly, cát cứ của thời cuối triều Lý, nhà Trần đã thi hành nhiều biện pháp hữu hiệu như: Đầu năm Canh Dần (1230), vua Thái Tông cho ban hành bộ *Quốc triều thống chế* (gồm 20 quyển) quy định việc tổ chức chính quyền với quy chế hành chính thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở luật pháp mới ban hành, năm Nhâm Dần (1242) Nhà nước phân chia lại địa danh hành chính từ 24 lộ thời Lý đã gộp lại thành 12 lộ, dưới lộ là phủ, dưới phủ là huyện (vùng đồng bằng và trung du) và châu (vùng rừng núi) với tổ chức hành chính cơ sở là hương làng. Nhà nước còn đặt các cơ quan chuyên trách ở Trung ương như: Quốc sử viện, Thái y viện, Thẩm hình viện, Tam ty

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, H. 1998.

viện... Nhà Trần quy định chức Tể tướng là thuộc dòng tôn thất nhưng phải là người có tài, có đức, tinh thông lục nghệ; rồi đặt quan chức hành chính đến tận các địa phương; và tiến hành duyệt nhân khẩu. Tại các cấp lỵ, phủ, huyện (châu), các quan hành chính đồng thời coi cả việc pháp luật kiện tụng.

Để quản lý bộ máy nhà nước từ Trung ương xuống địa phương cần phải có một đội ngũ quan lại cả văn lẫn võ được đào tạo có trình độ, nên nhà Trần đã tổ chức thi cử để tuyển dụng. Việc tuyển dụng nhân tài qua khoa cử được nhà Trần tiến hành bắt đầu vào năm Đinh Hợi (1227) bằng việc mở khoa thi Tam giáo sau một năm nhà vua làm lễ đăng quang. Khoa thi này có định ra các bậc Giáp, Ất để phân biệt thứ vị cao thấp cho người dự thi.

Tiếp sau đó là mở khoa thi Thái học sinh, lần đầu vào năm Nhâm Thìn (1232), rồi theo lệ cứ bảy năm mở một lần (Thái học sinh tương đương với Tiến sĩ của các triều sau này). Khoa thi Thái học sinh thường được tiến hành vào mùa xuân (tháng 2) thì cũng vào mùa thu năm ấy, triều đình lại tổ chức khoa thi Tam giáo. Điều đó chứng tỏ Trần Thái Tông không độc tôn Nho giáo hay Phật giáo. Năm 1247, nhà vua đặt lệ lấy Tam khôi trong kỳ thi Thái học sinh. Tam khôi gồm ba người đỗ đầu là Trạng nguyên, thứ hai là Bảng nhãn, thứ ba là Thám hoa. Khoa Đinh Mùi, năm thứ 16 (1247) (Tống, Thuần Hựu năm thứ 7) đã chọn được Nguyễn Hiền đỗ

Trạng nguyên<sup>1</sup>, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa<sup>2</sup>. Nguyễn Hiền đã trở thành vị trạng nguyên trẻ tuổi nhất trong lịch sử.

Nhà Trần trước việc phải củng cố địa vị của vương triều thì nhu cầu đào tạo một lớp nhân tài trẻ là cấp bách. Đó cũng chính là sự anh minh sáng suốt của một minh quân. Năm Quý Sửu (1253), nhà vua cho lập Quốc học viện để giảng Tứ thư, Ngũ kinh và mở Giảng Võ Đường tại kinh thành để đào tạo, luyện tập võ nghệ. Vua còn cho mở trường tại Văn Hưng (Mỹ Lộc) dành cho con em dòng họ của quê hương và tổ chức thi Hương tại đây.

Vào những năm cuối triều Lý, vua, quý tộc và quan lại chỉ lo vơ vét của cải để ăn chơi, dân chúng thì bị tô thuế nặng nề, quanh năm lao dịch. Hết hạn hán lại lụt lội, mất mùa xảy ra liên tiếp. Để phục hồi nền kinh tế bị suy thoái, vua Trần Thái Tông đã cho thi hành nhiều biện pháp tích cực. Nhà nước cho mở rộng diện tích canh tác, đặt chức đồn điền, chánh sứ và phó sứ để chăm lo việc khẩn hoang của nhà nước và tư nhân. Năm Bính Dần, vua xuống chiếu cho các vương hầu, cung phi, công chúa, phò mã được phép chiêu mộ dân nghèo phiêu tán làm nô tỳ để khẩn đất hoang, lập thành điền trang thái ấp.

---

1. Nguyễn Hiền 13 tuổi quê Dương Miện, huyện Thượng Nguyên nay là thôn Dương A, huyện Nam Trực.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 20.

Dưới triều vua Trần Thái Tông, việc trị thuỷ cũng rất được chú trọng như việc đắp đê phòng lụt hàng năm được tiến hành với quy mô rộng lớn trên khắp các lưu vực sông thuộc châu thổ Bắc Bộ và Thanh - Nghệ, từ thượng nguồn đến cửa biển. Vùng ven biển thì có đê quai vạc, đặt chức hà đê chánh sứ, phó sứ quan để trông coi đê điểu. Việc đắp đê luôn được coi trọng, "năm nào cũng vậy, cứ đầu năm các quan coi đê phải lo đốc thúc dân phụ cận, không kể sang hèn, già trẻ đều phải đi đắp đê". Năm Tân Mão (1231), vua sai Nguyễn Băng Cốc đem quân bản phủ đi đào kênh Trầm từ Thanh Hóa đến Diễn Châu. Năm Mậu Thân (1248), lại cho khơi dòng sông Tô Lịch, chẳng những nhằm đảm bảo giao thông mà còn để phục vụ cho việc tưới tiêu đồng ruộng xung quanh kinh thành Thăng Long. Năm Giáp Dần (1254), vua Thái Tông còn cho phép bán công điền "mỗi diện là 5 quan tiền cho dân mua làm của tư"<sup>2</sup>.

Qua việc khẩn đất, thuỷ lợi, đê điểu cho thấy nhà vua rất quan tâm đến phát triển nông nghiệp. Chính sách "ngụ binh ư nông" đã tạo cho kinh tế Đại Việt ngày càng phồn thịnh. Trong nông thôn lúc này đã xuất hiện nhiều nghề thủ công, chuyên sản xuất những mặt hàng nhất định như nghề làm nón Ma Lôi (Hải Dương), nghề rèn Hoa Chàng, Tùng Lâm (Nghệ An); nghề gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội)... Tại kinh thành mọc lên

---

1. Cao Hùng, *An Nam chí nguyện*, bản dịch tạp chí Văn Sử Địa số 20, tháng 8 năm 1956.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 25.

nhiều phố xá, phường nghề thủ công, chợ búa, bến thuyền tập nập đông vui. Sách *Đảo di chí lược* chép: "Đất Giao Chỉ săn vàng, bạc, đồng, thiếc, chì, ngà voi, lông chim chả, nhục quế, cam. Hàng trao đổi thì dùng các thứ như the, lĩnh các màu, lụa vải thanh bố, lược ngà, giấy, đồng, than, sắt... Lưu thông sử dụng tiền đồng". Cùng với sự phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công và trao đổi hàng hoá thương nghiệp, nền kinh tế Đại Việt ngày càng vững mạnh.

Về bang giao, vua Thái Tông đã sai sứ sang du thuyết các nước lân cận, đặt mối quan hệ lân bang. Vua Chiêm Thành tuy đã thần phục, cho sứ giả sang cống nạp, nhưng từ khi nhà Lý suy yếu vẫn luôn có ý ngang ngược, đem quân sang cướp phá, nhòm ngó với ý định đòi lại đất cũ là ba châu Địa Lý, Bố Chính và Ma Linh do Chế Củ đã dâng cho vua nhà Lý vào năm Kỷ Dậu (1069). Trần Thái Tông đã trực tiếp cầm quân đi phương Nam để chinh phạt Chiêm Thành.

Đối với nhà Tống ở phương Bắc, Đại Việt giữ mối quan hệ mềm dẻo, vẫn chịu sự thụ phong, nhưng luôn giữ gìn và canh phòng biên ải nghiêm ngặt, nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cho đất nước. Năm Tân Sửu (1241), vua đi tuần du vùng biên giới phía Bắc, đã cho chèo thuyền từ Vĩnh Bình sang tận Khâm Châu, Liêm Châu, để nghiên cứu phòng thủ biên giới và sai

---

1. Uông Đại Uyên: *Đảo di chí lược*. Dẫn theo Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIV*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1975, tr. 27-28.

Trần Khuê Kinh đánh Bằng Tường để lấy đường thông sang nhà Tống.

Trong lúc nhà Trần đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước thì đế quốc Mông Cổ lại trở thành mối hiểm họa khôn lường cho dân tộc. Với đội quân hùng tướng mạnh tung hoành khắp từ Á sang Âu, quân xâm lược Mông Cổ đã cho sứ sang ép vua Trần phải đầu hàng. Vua Thái Tông chẳng những không tuân theo mà còn ra lệnh tống giam sứ thần của Mông Cổ, rồi ra lệnh cho cả nước sắm sửa vũ khí, sẵn sàng chiến đấu. Các đạo quân thuỷ bộ được đưa lên biên giới bố trí phòng thủ.

Đầu năm Mậu Ngọ (1258), khoảng ba vạn quân Mông theo bờ sông Hồng ào ạt tràn vào nước ta. Ngày 17 tháng 1 năm 1258 chúng tiến đến Bình Lệ Nguyên. Tại đây, dưới sự chỉ huy trực tiếp của vua Thái Tông, quân dân nhà Trần đã lập phòng tuyến để chống giặc. Thấy được âm mưu của chúng là bao vây để tiêu diệt đại quân của ta, nên ta đã tổ chức rút lui, chỉ đánh cầm chân địch nhằm bảo toàn lực lượng. Quân Đại Việt đã mau chóng rút khỏi Thăng Long, thực hiện chính sách "Vườn không nhà trống", lui về căn cứ Thiên Mặc.

Trước tình thế bị giặc vây ép, nhiều người tỏ ra lo sợ. Tướng quốc Thái úy Trần Nhật Hiệu (Hạo), khi được nhà vua hỏi về kế sách đánh giặc, đang ngồi trên thuyền không đứng lên được, chỉ lấy tay chấm xuống nước rồi viết lên ván thuyền hai chữ "Nhập Tống". Còn Thái sư Trần Thủ Độ thì kiên quyết đánh giặc với lời nói bất hủ: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo".

Chỉ mười hai ngày sau khi quân giặc chiếm được Thăng Long, vua Trần đã huy động được binh lực tiến quân về Thăng Long. Quân nhà Trần đã đánh cho giặc một trận thất bại bát đảo tại Đông Bộ Đầu, buộc chúng phải chạy tháo thân về nước. Cuộc kháng chiến của Đại Việt chống quân Mông xâm lược lần thứ nhất dưới sự chỉ huy trực tiếp của vua Trần Thái Tông giành thắng lợi nhanh chóng, đất nước sạch bóng quân thù.

Ngay sau ngày chiến thắng quân xâm lược, vua Trần Thái Tông đã nhường ngôi cho con là Thái tử Hoảng (tức Trần Thánh Tông) vào ngày 24 tháng 2 năm 1258. Trần Thái Tông lui về làm Thái Thượng hoàng và chuyên chú vào Phật học. Tuy vậy, trên thực tế ngài vẫn điều hành đất nước để giúp vua Thánh Tông từng bước vững vàng trong xây dựng đất nước Đại Việt. Sử gia Ngô Sĩ Liên nhận xét trong *Đại Việt sử ký toàn biên* như sau: "Con đã lớn thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Tử, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc về sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định".

Thượng hoàng đã rời kinh thành, nhưng không phải là về cố hương Tức Mặc nghỉ ngơi, mà đã có những chuyến đi bí mật đến nhiều miền của đất nước. Đức Thượng hoàng biết mối hiểm họa của ngoại bang còn đang đe dọa, nên lập kế hoạch chuẩn bị đối phó. Ngài đã tìm đến An Khang thuộc địa giới xã Vũ Lâm, Trường Yên. Thấy nơi đây núi non hùng vĩ hiểm trở, mà cảnh lại thơ mộng thiên tiên, ngài lập am tu hành, rồi mở mang đường sá, sông ngòi để tiện đi lại, khuyến khích dân địa phương sản xuất và chiêu dân các nơi đến đây

khai hoang trồng cây. Không phải ngẫu nhiên mà Thượng hoàng lập am tu hành ở Thái Vi, có thể coi đây là căn cứ để chống ngoại xâm. Cả một vùng quanh Thái Vi trở thành một điện trang thái ấp, hoàn toàn có thể tự cung, tự cấp. Nơi đây hiểm trở, không những an toàn cho việc bảo vệ lực lượng, mà còn thuận lợi cho việc tiến quân nhanh chóng bằng đường thuỷ trên sông, có lối thông ra biển qua cửa Thần Phù cũng như qua cửa Đại Nha. Nhận định của Hoàng thượng thật sáng suốt, căn cứ Trường Yên đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược lần thứ hai. Tại căn cứ Trường Yên xưa, nay còn lưu truyền nhiều địa danh lịch sử: làng Văn Lâm nơi làm việc của các quan văn, làng Vũ Lâm nơi làm việc của các quan võ; làng Hành Cung nơi vua tạm dừng chân nghỉ ngơi khi đi tuần du; làng Khả Lương nơi có kho lương thực; làng Hạ Trạo nơi thuyền bè phải dừng chèo lại để kiểm tra; làng Tuân Cáo là chỗ nhận sớ tấu trình của các nơi gửi về; Đinh Các là nơi chỉnh đốn trang phục trước khi vào Thái Vi cáo yết. Từ Đinh Các vào Thái Vi còn phải qua cửa Quèn là trạm đầu, rồi tới gò Mưng là trạm thứ hai và phải qua trạm thứ ba mới vào được Thái Vi. Quy mô của vùng căn cứ Thái Vi xưa, nay nằm trên địa phận các xã Ninh Thắng, Ninh Vân, Ninh Hải, Ninh Xuân thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian tại vị cũng như lúc làm Thượng hoàng, Trần Thái Tông luôn là người ham học hỏi, nghiên cứu đạo thiền để trị vì đất nước, bởi khi ấy đạo Phật gần như là một quốc giáo. Nay có điều kiện để tìm về nguồn

gốc sâu xa của Phật giáo cũng là lẽ đương nhiên. Trong bài tựa *Kinh Kim cương tam muội* của sách *Khoá hưng lục*, Trần Thái Tông nói về sự học của mình như sau: "Trẫm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lẩn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều, công việc thì có hàng vạn thứ, mà thi giờ nhàn rồi không có bao nhiêu. Siêng công việc, tiếc ngày giờ, trẫm cố học hành thêm. Chữ nghĩa thì không biết được bao nhiêu, cho nên ban đêm đến giờ khuya vẫn còn phải thức để đọc sách; học sách Nho rồi học kinh Phật".

Kết quả của việc kiên trì học tập đã giúp nhà vua có một khả năng uyên thâm cả Nho giáo lẫn Phật học. Vì thế, những sáng tác của Trần Thái Tông có giáo lý của Nho giáo lại chứa đựng tư tưởng của Thiền học, nó đã thể hiện một thái độ dung hợp tam giáo. Tư tưởng Nho giáo của nhà vua được thể hiện qua các sắc chỉ, đạo dụ, còn hệ tư tưởng thiền thì thể hiện qua *Thiền tông chỉ nam* được trước tác ngay từ khi Trần Thái Tông còn tại vị. Khi không làm vua nữa thì ngài có các tác phẩm: *Kinh Kim cương tam muội chú giải*, *Lục thi sám hối khóa nghi*, *Bình đẳng lê sám văn*. Trong các trước tác, chỉ có *Khoá hưng lục* là bộ sách hiện còn được lưu giữ đến ngày nay, các sách còn lại phần lớn đã bị thất lạc hoặc chỉ còn lời tựa. Tác phẩm *Khóa hưng lục* đã cho thấy Trần Thái Tông là một tác gia Hán - Nôm tiêu biểu của thời Trần. *Khoá hưng lục* không chỉ là tác phẩm của Thiền học, mà còn là áng thơ của một thi sĩ có tâm hồn vô cùng nhạy cảm. Trong thi ca cũng như đời sống thực tại, cái chết luôn là một đề tài bất tận. Bài kệ thứ tư đã diễn tả

về cái chết. Trần Thái Tông muốn thức tỉnh đời rằng: cuộc đời chỉ là một ảo ảnh giữa bão giông rồi sẽ biến mất và chỉ còn lại sự tĩnh lặng mãi mãi. Tác giả đã mượn hình ảnh ông chài say tuý luý trên chiếc thuyền câu nhỏ với dòng nước trong cuồng phong dưới ánh trăng nhằm nêu lên cuộc đời là hư ảo bất định.

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

擺 荘 狂 風 怪 地 生  
漁 翁 醉 裏 釣 舟 橫  
四 垂 雲 合 陰 霽 色  
一 派 波 翻 鼓 動 艦  
雨 腳 陣 催 飄 歷 歷  
雷 車 輪 轉 怒 轟 轟  
暫 時 塵 斂 天 邊 淨  
月 落 長 江 夜 幾 更

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Bãi đăng cuồng phong quát địa sinh  
Ngư ông tuý luý điếu chu hoành  
Tứ thuỷ vân hợp âm ly sắc  
Nhất phái ba phiên cổ động thanh  
Vũ cước trận thôi phiêu lịch lich  
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh  
Tạm thời trần liêm thiên biên tĩnh  
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh

DỊCH THƠ:

Đất nổi cuồng phong cát bụi bay  
Ông chài say tít mặc thuyền quay  
Bốn phương mây tụ màu u ám  
Một sóng trào dâng tiếng chuyển lay  
Sầm sập trận mưa dồn dập đổ  
Âm âm xe sấm tít mù xoay  
Bụi trần tạm lảng bên trời tạnh  
Trăng lặn sông dài canh mấy đây.

Vua Trần Thái Tông chẳng những là một minh quân có tài trị nước biết thắng thù trong giặc ngoài, đã tạo dựng cơ sở vững chắc cho sự hưng thịnh của vương triều Trần, vua còn là một nhà thiền học đã đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm Việt Nam, là một thi sĩ, một tác gia Hán - Nôm tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

Vua Trần Thái Tông băng hà ngày 1 tháng 4 năm Đinh Sửu (1277), hưởng thọ sáu mươi tuổi với ba mươi ba năm làm vua (1225-1258), mươi chín năm lui về làm Thái Thượng hoàng (1258-1277).

## TRẦN THÁNH TÔNG

### NGƯỜI ANH HÙNG CỨU NƯỚC BA LẦN ĐÁNH TAN GIẶC NGUYÊN - MÔNG

Thánh Tông hoàng đế (1258-1278), huý là Hoảng, con trưởng của vua Trần Thái Tông và bà Thuận Thiên công chúa họ Lý. Ông sinh ngày 25 tháng 9 năm Canh Tý (1240), mất ngày 25 tháng 5 năm Canh Dần (1290), quê gốc tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, nay là thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, là vị vua thứ hai của triều Trần. Ông được thừa hưởng hai dòng máu: bên ngoại, mẹ là Công chúa Thuận Thiên con gái cả vua Lý Huệ Tông, một triều đại tôn sùng đạo Phật, lấy "nhân trị" làm quốc sách; bên nội họ Trần, khởi phát từ dân chài lưới trên sông nước, với ý thức rèn luyện văn võ, gắng vươn lên quản lý đất nước một cách xuất sắc, đã xây dựng nền "văn trị".

Thái tử Trần Hoảng (Trần Thánh Tông) cùng phụ vương đã không ngần ngại xông pha trận mạc để đánh bại kẻ thù hung hãn khi chúng xâm lăng Đại Việt. Ông được kế vị vào ngày 24 tháng 2 năm Mậu Ngọ (1258) và đặt niên hiệu là Thiệu Phong, làm vua hai mươi mốt năm (1258-1278), có nhiều đóng góp trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Ông là người biết sử dụng nhân tài, biết chăm lo việc triều chính của đất nước.

Năm 1278, ông nhường ngôi cho Hoàng Thái tử Khâm giữ ngôi Thái Thượng hoàng. Khi giặc Nguyên lại lăm le xâm lược nước ta ông cùng vua con tổ chức hội nghị Bình Than (1282), hội nghị Diên Hồng (1284), phát động tinh thần yêu nước của toàn dân. Ông trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử năm 1285 và 1288, bẻ gãy ý đồ xâm lược của kẻ thù. Do đoán trước được nguy cơ xâm lược của thế lực phong kiến phương Bắc, một đế quốc hùng mạnh, Thánh Tông biết lo xa đã tuyển lựa dân đinh khoẻ mạnh bổ sung cho quân đội, đồng thời kiện toàn bộ máy chỉ huy quân sự của vương triều.

Tháng 3 năm Nhâm Tuất (1262) vua Trần xuống chiếu cho các đạo sản xuất binh khí, đóng thuyền chiến và cho quân tập trận ở ven sông, sẵn sàng đối phó với quân xâm lược. Nhiều lần Thánh Tông sai sứ thần sang nhà Nguyên cống nạp để làm dịu tình hình, kéo dài thời gian hoà hoãn, tích lương thảo dồi dào chuẩn bị kháng chiến. Tháng 10 năm Bính Dần (1266), Thánh Tông xuống chiếu cho các vương hầu, công chúa, phò mã, phi tần được phép chiêu tập người phiêu tán làm nô tỳ để khai khẩn đất hoang, lập các điền trang thái ấp. Và đây cũng là những cơ sở phục vụ cho kháng chiến kể cả nhân lực, vật lực khi cần thiết. Trong tổ chức quản lý đất nước, về cơ bản nhà Trần vẫn giữ các chế độ như thời nhà Lý, nhưng có những thay đổi, bổ sung một số chính sách trong xây dựng quân đội và phát triển kinh tế.

Vua Thánh Tông đã định lệ phong ấm cho người trong Hoàng tộc với thời hạn năm đời khiến sự gắn bó

giữa quý tộc và triều đình được tăng lên, tạo sức mạnh trong Hoàng tộc "Tông thất duy thành".

Ông còn nói: "*Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ, tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để nhớ lâu đừng quên, thế là phúc muôn năm cho tông miếu xá tắc!*"<sup>1</sup>. Thánh Tông còn xuống chiếu sau buổi chầu thì vào điện Lan Đình cùng nhau ăn uống, hoặc khi trời tối thì đặt gối dài, trải chăn rộng cùng ngủ liền giường với nhau, nhưng khi lễ lớn, chầu mừng thì phải theo ngôi thứ cao thấp phân minh. Mọi người vừa thân mật vừa kính sợ, không dám kiêu căng khinh nhau. Và đây là sự đoàn kết bền chặt, là sức mạnh nội sinh dẫn đến thắng lợi chống đế quốc Nguyên - Mông thế kỷ XIII của Đại Việt:

Anh em đệ mèn cả gối dài  
Sân trong yến tiệc, cõi ngoài ấm phong  
Một thiên truyền phụ phép lòng  
Di mưu cho kẻ nối dòng ngày sau  
Văn nho khuya sớm giảng cầu  
Kẻ tu sử ký, người chầu kinh diên  
Bề ngoài nghiêm việc phòng biên  
Kén quân đoàn luyện, tập truyền cửu sa<sup>2</sup>

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 37.

2. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Khoa học xã hội, H. 1997, tr. 11.

Về giáo dục, có thể nói đời Trần đã mở ra một giai đoạn mới cho sự nghiệp giáo dục nước ta. Triều đình chọn các nho sinh hay chữ vào các quán, các sảnh, viện để tăng hiệu lực cho bộ máy nhà nước. Đặc biệt mùa xuân năm Nhâm Thân (1272) giao cho Hàn lâm viện Học sĩ kiêm Quốc sử viện Giám tu Lê Văn Hưu soạn bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ đến Lý Chiêu Hoàng gồm 30 quyển. Bộ *Đại Việt sử ký* soạn xong được vua Trần Thánh Tông quan tâm và khen ngợi.

Thánh Tông hoàng đế cho tìm người thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Ai biết giảng dạy Tứ thư, Ngũ kinh được vời vào hầu vua và dạy hoàng tử. Lê Phụ Trần (Lê Tân) được làm Thiếu sư kiêm chức Sừ cung giáo thụ ở cung Thái Từ. Nhà vua còn đích thân viết thơ để dạy hoàng tử và làm tập "*Di hậu lục*" gồm hai quyển truyền cho đời sau.

Năm Ất Hợi (1275), triều đình mở khoa thi tuyển người tài lấy đỗ Thái học sinh gồm 27 người và chọn Tam khôi gồm Trạng nguyên, Thám hoa, Bảng nhãn.

Vai trò Thượng hoàng vô cùng quan trọng dù trong bối cảnh nội tộc có sự bất hòa, nhưng ông vẫn tin tưởng và cử Trần Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh toàn quân. Phải nói Thượng hoàng Thánh Tông có con mắt tinh đời hơn người nên vừa chọn được hiền tài, lại làm voi đi hiềm khích, củng cố sức mạnh đoàn kết trong Hoàng tộc nhà Trần.

Người thống nhất quan điểm với Hưng Đạo Vương về "Lấy dân làm gốc" chính là Thánh Tông và nhờ

những quan điểm ấy nêu cuộc kháng chiến chống quân Nguyên nhanh chóng thắng lợi đưa lại chiến công huy hoàng về cho đất nước Đại Việt.

Thánh Tông thấu hiểu công lao cũng như xương máu của quân và dân nên sau mỗi trận đánh, Thượng hoàng cùng vua cho hội họp luận bàn công trạng để ban thưởng cho quân cũng như dân. Ông cũng nói rõ quan điểm của nhà vua chống tư tưởng thích ban khen nhiều, thưởng thật hậu, mà sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã đề cập: "Các người quả biết rõ là giặc Hồ nhất định không dám xâm lấn nữa thì nói rõ cho trẫm biết, dù có thăng lên đến cực phẩm trẫm cũng không tiếc. Nếu không thể đã vội thưởng hậu, lỡ ra giặc Hồ trở lại mà bọn người lại lập công nữa thì trẫm lấy gì mà thưởng để khuyến khích thiên hạ" (*Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, q. 5, tr. 70).

Sau chiến thắng Nguyên - Mông, triều đình định công lao tướng sĩ. Ai có công lớn được chép vào sách "Trung hưng thực lục" và được vẽ hình lưu lại làm gương, đặc biệt là có định lệ phong ấm tới năm đời để "cố kết" lòng trung thành với triều đình.

Trần Thánh Tông không chỉ là ông vua có tài thu phục nhân tâm, đề ra quyết sách để an dân, dựng sự bình yên cho đất nước. Ông còn là vua anh hùng trong kháng chiến chống đế quốc Nguyên - Mông, nổi bật là sau khi nhường ngôi ông đã chú trọng nghiên cứu Thiền tông, cuối đời ông đi tu lấy hiệu Vô Nhi Thượng. Bản tính ông ham thích làm thơ, ông có viết: "Trần Thánh Tông thi tập", thơ ông bị thất lạc nhiều nay chỉ

còn một số bài như "Cảnh mùa hè", "Ra phủ an bang"... làm theo thể Đường luật hiện chép tại *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Toàn Việt thi lục*. Một số tác phẩm như: "Chỉ giá minh", "Cơ cùu lục", "Di hậu lục", "Hoàng tông ngọc điệp", "Phóng cuồng ngưu", là những công trình công phu đáng giá, nhưng thật đáng tiếc là các tác phẩm trên đều không còn. Song qua một số bài thơ còn lại có thể khẳng định chất trữ tình, phóng khoáng thể hiện tinh thần chiến đấu quật cường, ý thức dân tộc sâu sắc. Ông là một tác gia Hán - Nôm được lưu danh thiên cổ.

Sách "Thánh đăng thực lục" chép được một số bài thơ về Thiền học và một số câu vấn đáp về Phật học.

Trong những bài thơ còn lại tới ngày nay trong thi tập của vua Thánh Tông, nổi tiếng nhất là bài *Hạnh Thiên Trường hành phủ* (Chơi hành cung Thiên Trường).

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

### 幸天長行府

景清幽物亦清幽  
十一仙洲此一洲  
百部生歌禽百舌  
千行奴僕橘千頭  
月無事照人無事  
水有秋涵天有秋  
四海已清塵已靜  
今年遊勝昔年遊

DỊCH NGHĨA:

*Hạnh Thiên Trường hành phủ*

Cảnh thanh nhã, vật cũng thanh nhã  
Đây là một trong mười một châu thiên tiên  
Trăm giọng chim là trăm bộ sáo đàn  
Hàng ngàn ngọn quýt là hàng ngàn tết tớ  
Trăng nhàn hạ soi người nhàn hạ  
Nước mùa thu ngậm trời mùa thu  
Bốn bề đã trong, bụi đã lắng  
Năm nay chơi thu hơn hẳn cuộc đi chơi năm xưa<sup>1</sup>

DỊCH THƠ:

*Chơi hành cung Thiên Trường*

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u  
Mười một tiên châu đây là một  
Trăm tiếng đàn ca chim sánh giọng  
Nghìn hàng tết tớ quất nhô đầu  
Trăng vô sự chiếu người vô sự  
Nước ngậm thu lồng trời ngậm thu  
Bốn bề đã trong như đã lắng  
Năm nay chơi thu vượt năm nào

(*Nguyễn Đổng Chi - dịch*)

Đây là bài thơ rất đặc sắc, kết hợp hài hoà tinh  
thần tự hào dân tộc của người chiến thắng với tấm

---

1. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Trần Thánh Tông, tr.15.

lòng yêu cuộc sống bình yên, khi đất nước thanh bình, biểu hiện vua Thánh Tông "văn túc là người vậy".

Trên đây là tâm sự của nhà thơ sau khi cha con ngài bôn ba nơi chiến trận đánh quân Nguyên - Mông xâm lược. Dẹp xong bọn giặc già xe non sông đất nước, quân dân ca khúc khải hoàn, nhà vua trở lại thôn quê thấy cảnh sinh tình, nghĩ lại những việc đã qua khi vận nước nghiêng ngả tưởng không còn có được ngày nay, nên đã thốt ra lời thơ cảm xúc, phiêu diêu của một vị đế vương có tâm hồn đạo sĩ và nghệ sĩ. Rõ ràng văn thơ Thánh Tông dù là thơ văn chiến trận, hay cảm hoài tả cảnh, tả tình đều gắn bó với nhân dân, với cuộc sống, với cuộc kháng chiến chống xâm lược. Tác giả đã sẵn có tâm hồn thiền tinh tuý nơi tâm linh với tôn giáo và ngay cả trong hành động. Đối với cái tâm thiền ấy thì "Chân là Mỹ và Mỹ là Chân". Tuyệt đối là Chân - Thiện - Mỹ và tương đối là đời sống thế gian thị phi, thiện ác. Vua Trần Thánh Tông ở đây đã cảm nhận sự dung hòa giữa thiện - ác, xấu - tốt, nhân cảnh vật hiện ở trước mắt, ngài liên tưởng một tiên cảnh bồng lai:

Cảnh thanh u, vật diệc thanh u  
Thập nhị tiên châu, thủ nhất châu

Thực tế vị tất đã đẹp đến thế? Vì chiến trận cảnh chém giết tàn phá, tội ác, lầm than cực khổ vẫn chưa phai mờ. Ngài mơ tưởng một thế giới thần tiên cho nhân dân cũng như cho chính mình trong ấy tràn đầy

nguồn sống cho tất cả, cho cảnh tình cũng như cho sự vật hết thảy đều vui vẻ, ai nấy đều được hân hoan:

Bách hộ sinh ca, cầm bách thiệt  
Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu

Tâm của Người dường như thanh thản để phục hồi đời sống thế gian, như ánh trăng sáng soi chiếu chung cả đất trời không riêng tư, trong trẻo như nước mùa thu phản chiếu cả một bầu trời thu man mác:

Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự  
Thuỷ hữu thu hàm thiên hữu thu

Ở đây dường như tâm hồn của vua Thánh Tông đã siêu thoát, siêu thoát là bản chất của tâm thiền luôn luôn vươn lên, tỏa sáng như bông sen: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" sống trong trần thế với tín ngưỡng siêu thế, đi trong đêm tối sương mù luôn luôn tiến ra ánh sáng, tuy cái động "Huyền Thiên" đã bị mây che khuất nhưng đây mới là quê nhà của Bạch đế, là Tây phương Phật quốc.

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

### 題玄天洞

雲掩玄天洞  
湮開玉帝家  
步虛聲寂寂  
鳥散落山花

DỊCH NGHĨA:

***Để Huyền Thiên động***

Mây che động Huyền Thiên  
Khói toả nhà Ngọc Hoàng  
Tiếng tụng kinh sao im ắng  
Chim bay tán loạn làm rụng hoa núi

DỊCH THƠ:

Mây che mờ mịt Huyền Thiên động  
Khói toả long lanh điện Ngọc Hoàng  
Tiếng kệ cầu kinh sao vắng vẻ  
Chim bay tan tác rụng hoa ngàn<sup>1</sup>

(Đào Phương Bích - dịch)

Trong khi leo lên sườn núi với niềm tin ngưỡng về  
quê Phật nơi Huyền Thiên động để tưởng về Tây  
phương một mình lặng lẽ trong hưu tịch, vui với cảnh  
hoa rơi như đón chào người đạo sĩ đang trở về thiên  
thai. (*Cung viên xuân nhật ức cựu*)

宮園春日億舊  
宮門半掩徑生苔  
百晝沉沉少往來  
萬紫千紅空爛漫  
春花如許為誰開

---

1. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, tr. 271. Theo *Toàn Việt thi lục*, Lê Quý Đôn.

DỊCH THƠ:

*Ngày xuân trong vườn ngự nhớ người cũ*

Cửa ngõ lờ mờ dấu bụi rêu  
Chìm chìm ngày bạc vẻ đìu hiu  
Đầy vườn rực rõ hồng chen tía  
Hoa héo vì ai vẫn nở nhiều<sup>1</sup>

(Ngô Tất Tố - dịch)

Người đời đã mấy ai biết sống, biết thưởng thức cái đẹp thiên nhiên mà cứ mãi tìm ở đâu đạo lý "thiên đường". Kỳ thực thiên đường ở ngay trước mắt, chân không xán lạn khắp nơi, sao không mấy người thấy để cho vật đục mờ che mất "bản lai diện mục" như Thánh Tông đã than trong bài "*Tự thuật*":

Nhân đắc bản lai chân diện mục  
Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu

Nghĩa là nhận ra được cái chân thật vốn có bản nhiên của mình, cho nên mới bâng khuâng mà tự hỏi "Hoa xuân kia vì ai đua nở" và bài "*Hạ cảnh*":

### 夏景

窈窕華堂畫影長  
荷花吹起北窗涼  
園林雨過綠成幄  
三兩蟬聲鬧夕陽

---

1. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Sđd, tr. 272.

DỊCH THƠ:

### *Cảnh mùa hè*

Bóng ác đỗ dài dãi gác hoa  
Nhị sen đưa mắt trước song qua  
Sau mưa cây cổ buông màn biếc  
Vài tiếng ve kêu rộn bóng tà<sup>1</sup>

(Đinh Văn Chấp - dịch)

Gác hoa với chiều sâu thăm thẳm, bóng đổ dài như vẽ, với mùi thơm của hoa sen đưa hương thơm mát đến bên cửa sổ và vườn rừng sau cơn mưa, cây cổ được nhà thơ ví như tấm màn biếc. Cùng với đó là tiếng ve khua rộn bóng chiều tà. Cảnh mùa hè được tác giả điểm xuyết thật nên thơ.

Theo Tuệ Trung thượng sĩ thì tinh thần thiền học của vua Thánh Tông hợp nhất cả trí tuệ của thiền học với tình yêu của giáo tôn cùng sự quan tâm cứu khổ, cứu nạn. Sự hợp nhất ấy không những tỏ rõ ở người anh hùng chiến thắng quân Mông Cổ, mà còn hiểu để hoà mục trong nhà, trong họ, nhân từ đối với dân trong nước. Thơ của Thánh Tông còn cho thấy nghệ thuật cao siêu qua câu thơ ở mỗi trước tác. Với vua Thánh Tông "Đạo học là thi ca, và thi ca là đạo học".

Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự  
Thuỷ hữu thu hàm thiên hữu thu

---

1. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Sđd, tr. 274.

Trăng hồn nhiên không bận lòng với những lo lắng của con người, soi sáng lòng người thoát tục thành thơ. Nước thu trong phản chiếu cảnh trời thu trong. Thật là trong ngoài tương ứng, cho nên Lê Trừng đã nhận định về con người Trần Thánh Tông: "Tự tính thanh cao, thiên nhiên phú quý quốc quân phong vị dữ nhân từ biết hỷ". Nghĩa là tự bẩm tính nhà vua thanh cao, giàu sang phong vị để vương một nước, khác hẳn với người ta vậy!

Các tác giả văn học thời đầu thịnh Trần đều là những nhà trí thức lớn nhưng vị trí xã hội khác nhau và họ đã mở nước giữ gìn và phát triển triều Trần từ đầu cho đến khi cực thịnh. Một phương diện nữa của văn học thời kỳ thịnh Trần. Văn học thời kỳ này không ít tác phẩm của nhà nho, nhưng đâu đó lại mang triết lý Phật học. Trong khi đó một số bài thơ của Thánh Tông lại có tư tưởng Nho gia, những câu thơ của Trần Nhân Tông cùng Thượng hoàng làm sau khi đánh tan giặc Nguyên được đời đời truyền tụng:

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá  
Non sông thiên cổ vững âu vàng  
Một thuở công danh thiên hạ có  
Hai triều trung hiếu thế gian không<sup>1</sup>

Phan Huy Chú trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* có nhận xét: "Thơ Trần Thánh Tông các bài đều có phong vị thơ Đường".

---

1. *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Sđd, tr. 268.

Trần Thánh Tông là vị vua không chỉ có tài thu phục nhân tâm cùng những quyết sách để an dân, lấy sự thanh bình cho đất nước. Một ông vua anh hùng trong kháng chiến đánh tan giặc Nguyên - Mông xâm lược, lại biết lấy đức để trị và chính đức sáng của ông đã quy tụ được toàn dân trong cuộc chiến tranh tự vệ cứu nước đầy gian nguy, khốc liệt.

Thánh Tông quả là người nhân từ như cổ nhân đã nói: "*Duy nhân giả, nồng hiếu nhân, nồng ố nhân*". (Duy có người nhân mới biết yêu, ghét người một cách chính đáng).

Trương Hán Siêu, một danh sĩ thời Trần, trong bài *Bạch Đằng Giang phú* đã ca ngợi công đức nhà vua:

Anh minh hai vị thánh quân  
Bởi đâu đất hiềm cốt mình đức cao  
(*Nam Ông mộng lục* - Lê Trừng - Ký lục vựng biên, q.15)

## TRẦN NHÂN TÔNG

### ANH HÙNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỐI LẠC

Hoàng đế Trần Nhân Tông (1279-1293) tên là Trần Khâm, con trưởng của vua Trần Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu, sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (7-12-1258). Ông ở ngôi mười bốn năm (1279-1293), rồi nhường ngôi cho con lên làm Thái Thượng hoàng năm năm (1293-1298), xuất gia đi tu (1293-1308), viên tịch ngày 3 tháng 11 năm Mậu Thân (1308), thọ năm mươi mốt tuổi.

Hoàng tử Trần Khâm sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Với tư chất thông minh, ông đã nhanh chóng lanh hội được tri thức về trị quốc của Nho giáo, tinh thần nhân văn của Phật giáo. Nhà vua đã kế thừa được kinh nghiệm về nội trị và ngoại giao của các tiên đế.

Nói đến vua Trần Nhân Tông, trước hết là nói đến người anh hùng cứu dân, cứu nước. Ông là một nhà chiến lược có tài chỉ huy quân sự đã đứng ra lãnh đạo quân dân Đại Việt vượt qua mọi thử thách, đưa cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên tới thắng lợi huy hoàng. Thái tử Trần Khâm được vua cha truyền ngôi khi mới hai mươi mốt tuổi, vào thời kỳ quân Mông

Cỗ đánh bại Nam Tống lập ra triều Nguyên. Biết được dã tâm xâm lược của kẻ thù, nhà vua đã cùng quân dân Đại Việt gấp rút chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến bảo vệ giang sơn. Vua biết chọn người tài, giao cho họ những chức quan trọng. Tháng 12 năm 1282, vua lấy Thái úy Trần Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư, Đinh Cửng Viên làm Hàn lâm viện Học sĩ, Trần Khánh Dư làm Phó đô Tướng quân. Tháng 10 năm 1283, Nhân Tông tiến phong Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội cả nước.

Vua cũng nhận rõ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân nên có sáng kiến tổ chức hai hội nghị lớn: Tháng 10 năm 1282, vua và Thượng hoàng mở hội nghị quân sự Bình Than họp với các vương hầu và bách quan bàn kế sách đánh giặc, cử các tướng lĩnh đem quân đi trấn giữ các nơi hiểm yếu. Tháng 12 năm 1284, vua triệu tập các vị bô lão đại diện cho nhân dân cả nước họp ở điện Diên Hồng để hỏi kế đánh giặc: "Các vị phụ lão đều nói đánh, muôn người cùng hô một tiếng"<sup>1</sup>.

Qua sự kiện trên ta thấy, vai trò đứng đầu nhà nước của vua Trần Nhân Tông trong hai lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông (1285 và 1288) là vô cùng to lớn.

Vua Trần Nhân Tông đã nhiều lần trực tiếp cầm quân đánh giặc, xông pha tới nơi hiểm yếu để động viên

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 50.

khích lệ tướng sĩ. Trận Bạch Đằng (1288) được coi là trận đánh bại hoàn toàn giặc Nguyên. Ở trận này khi chiến thuyền quân Nguyên vướng cọc, sử chép: "*Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn; quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vây đǒ ngầu cả*"<sup>1</sup>.

Cũng trong kháng chiến chống Nguyên - Mông, vua Nhân Tông đã thể hiện tài năng ngoại giao kiệt xuất thực thi một chính sách đối ngoại linh hoạt, mềm dẻo có nguyên tắc trên cơ sở bảo vệ chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc. Một mặt vua giữ lễ thường qua lại thăm viếng, cống nạp như trước. Trong khi kẻ thù thì khiêu khích, đe dọa, Nhân Tông không dứt khoát cự tuyệt mà tìm cách trì hoãn, nhằm tranh thủ thời gian hoà hoãn để củng cố và khẩn trương xây dựng lực lượng. Vua tìm cách thoái thác những yêu sách xâm hại đến chủ quyền quốc gia và lợi ích của Đại Việt, như khi sứ nhà Nguyên sang dụ hàng, vua đã không trả lời mà còn bắt giam sứ giả, rồi tích cực chuẩn bị kháng chiến.

Với quân xâm lược khi chúng giày xéo non sông thì vua thẳng tay trường trị, với kẻ thất trận thì rộng lượng khoan hồng. Tù binh quân Nguyên thất trận được cấp lương ăn và phương tiện về nước.

Khi đất nước sạch bóng quân thù, vua chú trọng đến khuyến khích sản xuất, tổ chức học hành thi cử, tuyển chọn nhân tài. Lúc yên giặc trở về kinh đô thì xuống

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 61-62.

chiếu ra lệnh đại xá cho thiên hạ. Nơi nào bị binh lửa cướp phá thì miễn tô dịch... Khi có nạn đói (1290), vua cho lấy thóc công chẩn cấp cho dân nghèo và miễn thuế lệ.

Năm Quý Tỵ (1293), vua nhường ngôi cho con là Thái tử Thuyên (tức vua Anh Tông) lên làm Thái Thượng hoàng. Đến năm 1299, xuất gia tu hành nhưng vẫn luôn quan tâm tới việc nước, việc dân. Sử chép: Vào một ngày mùa hạ năm Kỷ Hợi, Thượng hoàng Nhân Tông trở về kinh sư. Các quan không ai biết, vua Anh Tông thì uống rượu say, Thượng hoàng giận lắm, liền xuống chiếu cho các quan phải về Thiên Trường để điểm danh. Khi vua Anh Tông dâng biểu tạ tội, Thượng hoàng cho gọi vua vào, nói: "*Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà người còn dám như thế, huống chi sau này?*"<sup>1</sup>.

Nhà vua còn đặt mối bang giao với các nước láng giềng tạo sự hiểu biết, nhằm củng cố và mở rộng bờ cõi như gả Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành.

Không chỉ là một chính khách kiệt xuất, một hoàng đế anh minh, Trần Nhân Tông còn là một triết gia, một nhà văn hoá lớn. Trong sự nghiệp của mình, vua Nhân Tông đã để lại nhiều trước tác có giá trị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như văn, triết, sử, Phật.

Về lĩnh vực văn học, Trần Nhân Tông là một nhà thơ - một thi sĩ trác việt. Người đời cho rằng, thơ

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 77.

Nhân Tông "có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do thích thắng của một nghệ sĩ. Ở đây cũng thể hiện sự hoà hợp khó chia tách giữa một ngòi bút vừa cung đình vừa bình dị, dân dã, có cả những kiến thức sách vở uyên bác lẫn sự từng trải lịch lâm"<sup>1</sup>. Vua làm thơ phú để ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên kỳ thú, sự vũng vàng của non sông xâ targ Đại Việt.

Năm 1288, sau khi chiến thắng quân xâm lược, từ chiến trường trở về, cáo yết thế miếu, Nhân Tông đã viết những câu thơ đầy cảm khái:

社稷兩回勞石馬

山河千古奠金甌

DỊCH NGHĨA:

Xâ targ lưỡng hồi lao thạch mā  
Sơn hà thiên cổ điện kim âu

DỊCH THƠ:

Xâ targ hai phen chôn ngựa đá  
Non sông nghìn thuở vũng âu vàng

Thơ Trần Nhân Tông đa dạng về đề tài và thể loại, đã hình thành một thi pháp có ảnh hưởng sâu sắc tới thơ văn các thế hệ sau. Với sự uyên bác về văn hoá, lại

---

1. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, H. 1977, tr. 452.

có tấm lòng trong sáng, đức thanh cao, trái tim nhạy cảm, tư duy năng động, thơ Trần Nhân Tông đã khắc một mốc son trong tiến trình thi ca của dân tộc Việt Nam. Nét đẹp bình dị nhưng tinh tế, thơ mộng của cảnh vật nơi thôn dã trong thơ ông làm người đọc cảm nhận được tư tưởng Lão Trang của Nhân Tông - nhà Thiền học (*Thiên Trường văn vọng*).

## 天長晚望

村後村前淡似煙  
半無半有夕陽邊  
牧童笛裡歸牛盡  
白鶯雙雙飛下田

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

### *Thiên Trường văn vọng*

Thôn hậu thôn tiền đậm tự yên,  
Bán vô bán hữu tịch dương biên,  
Mục đồng địch lý quy ngưu tận,  
Bạch lộ song song phi hạ điền.

DỊCH THƠ:

*Ngắm cảnh chiều ở Thiên Trường*  
Trước xóm sau thôn tựa khói lồng  
Bóng chiều dường có lại dường không  
Mục đồng sáo vắng trâu về hết  
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Trần Nhân Tông, người sáng lập ra Phật phái Trúc Lâm Yên Tử là một Phật phái mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Để truyền giáo lý, thu phục tín đồ, Trần Nhân Tông đã tiến hành truyền giáo, đấu tranh chống dị giáo; điển hình là việc cho phá bỏ các "đâm từ"<sup>1</sup>. Từ một vị vua, Trần Nhân Tông đã thành Trúc Lâm đệ nhất tổ tạo ra Phật giáo của dân tộc Việt. Đức điêu ngự Nhân Tông đã suy nghĩ và kiến giải hầu hết các vấn đề mà Phật giáo đặt ra: "tâm", "Phật", "vô", "hữu", "sinh", "tử". Ngoài những kiến giải các vấn đề của triết học Phật giáo, người sáng lập Trúc Lâm Yên Tử không kêu gọi tín đồ phải rời bỏ cuộc sống trần tục, mà cần sống, tu và hành đạo theo cách "hoà lẩn thói thường chứ không làm cách trái hẳn với đời" (Thượng Sĩ hành đạo): "*Cư trần lạc đạo thả tuỳ duyên*" (Sống giữa phàm trần, hãy tuỳ duyên mà vui với đạo).

Trúc Lâm khuyên mọi người phải tự mình soi xét cái tâm của mình, diệt trừ mọi dục vọng để trở thành Phật, trở thành người có ích cho quốc gia xã tắc.

Từ cuộc đời, văn thơ đến giáo lý Trúc Lâm cho thấy Trần Nhân Tông luôn nung nấu tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, lòng dũng cảm "vô uý" (không sợ) của Thiền tông Trúc Lâm.

Trải qua mười thế kỷ (thế kỷ X - XX) tồn tại của nhà nước phong kiến tự chủ Việt Nam, Trần Nhân

---

1. Đâm từ: là nơi thờ các sinh thực khí với các nghi lễ rất khác biệt. Theo Nguyễn Văn Hinh, *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*.

Tông nổi lên là một vị vua anh minh lỗi lạc. Ông là người có công bảo vệ non sông, giống nòi, trùng hưng đất nước. Dù khi làm vua hay khi đã xuất gia, Trần Nhân Tông luôn hướng mọi hành động của mình vào lợi ích của đất nước, của dân tộc, trọng đai công thần và hiền tài, chăm lo cho cuộc sống của dân chúng. Ông thật xứng đáng là chính khách kiệt xuất của một quốc gia.

## TRẦN ANH TÔNG

### MINH QUÂN HOÀNG ĐẾ KẾ NGHIỆP ĐÔNG Á

Trần Anh Tông (1293-1314) tên là Trần Thuyên, sinh ngày 17 tháng 9 năm Bính Tý (1276), quê gốc ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định). Ông là con trưởng của vua Trần Nhân Tông và Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu, lên ngôi từ năm mười bảy tuổi (1293), ở ngôi hai mươi mốt năm, sau đó nhường ngôi làm Thái Thượng hoàng sáu năm. Trần Anh Tông là một ông vua có tài, có đức, và có công lao trong việc giữ cho đất nước thanh bình, thịnh trị.

Từ nhỏ, Trần Anh Tông đã được vua cha rèn cắp việc học hành. Ở tuổi thiếu niên, Anh Tông đã phải đi lánh nạn trong hai cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Nguyên - Mông (1285 và 1288). Qua đó, Anh Tông ít nhiều chứng kiến cuộc kháng chiến tuy đầy gian khổ nhưng rất huy hoàng của quân dân Đại Việt, từ đó rút ra những bài học lớn lao cho bản thân về kinh nghiệm giữ nước và dựng nước, kinh nghiệm về việc dùng người hiền tài và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Ngày 25 tháng 5 năm 1290, Thượng hoàng Trần Thánh Tông băng hà. Ngày 3 tháng 2 năm 1292, vua

Trần Nhân Tông lập Đông cung Thái tử Thuyên là Hoàng Thái tử. Đến tháng 3 năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho Hoàng Thái tử Trần Thuyên. Sau khi lên ngôi, Anh Tông đổi niên hiệu là Hưng Long, đại xá thiên hạ, tôn Thượng hoàng làm Hiếu Nghiêu Quan Thánh Thái Thượng Hoàng đế, tôn mẹ làm Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu.

Do tuổi trẻ nên Anh Tông vẫn còn thích chơi những thú chơi của tuổi thanh niên như đá cầu, uống rượu, rồi cùng thị vệ dạo chơi ngoài phố vào ban đêm. Lắm hôm bị bọn cướp ném đá vào kiệu, thị vệ phải quát lên rằng đó là kiệu vua chúng mới thôii. Tình cờ một hôm, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư, các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu say bỗng khuya. Thượng hoàng thong thả đi khắp cung điện một hồi lâu, tới khi cung nhân vào trong nội cung đánh thức mà vua vẫn chưa tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội. Khi vua tỉnh giấc nghe tấu trình, hoảng sợ vội rảo bước ra khỏi cung, qua chùa Tư Phúc thấy trò Đoàn Nhữ Hài ngồi học bài bên cửa chùa, vua dẫn Nhữ Hài vào phòng ngủ và bảo: "Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến trước mặt ngài tạ tội, ngươi hãy thảo cho ta bài biếu"<sup>1</sup>. Thế rồi, vua đưa Nhữ Hài theo mình về Thiên Trường. Nhữ Hài quỳ ở sân cung điện từ sáng đến chiều lại gặp

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 76.

mưa kéo đến, lúc đó Thượng hoàng mới sai đem biểu vào để xem. Thấy lời lẽ nhận tội chân thành, Thượng hoàng mới cho gọi nhà vua đến bảo: "*Trẫm còn có con khác cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà ngươi còn dám như thế, huống chi sau này?*"<sup>1</sup>. Vua cúi đầu tạ tội, rồi cùng quần thần trở về kinh sư. Cũng từ đó về sau, Anh Tông không bao giờ dám uống rượu say và trễ nải việc triều chính nữa. Ở phủ Thiên Trường về, vua phong cho Nhữ Hài làm Ngự sử Trung tán.

Nhữ Hài là cận thần của vua. Vua nói năng, hành động gì Nhữ Hài đều được biết cả. Sau ông trở thành tướng tài, từng giúp vua chiêu dụ giặc giã, làm thuyết khách, đi sứ sang Chiêm Thành, làm quan Hành khiển đến vỗ về yên dân ở châu Ô, châu Lý, phù tá đắc lực cho vua Anh Tông.

Xưa nay nước ta vẫn có tục xăm mình. Thượng hoàng Nhân Tông muốn vua phải xăm mình rồng vào người theo tục lệ cũ để giữ gìn truyền thống, đồng thời thể hiện sự hùng dũng nên đã cho gọi thợ đến, trực tiếp Thượng hoàng xem thợ xăm cho vua. Trần Anh Tông không muốn làm theo tục lệ ấy. Nhân lúc Thượng hoàng ngoảnh đi nơi khác, nhà vua bỏ trốn không thực hiện. Do vậy, lệ này không còn dùng trong việc nối ngôi nữa (bắt đầu từ Trần Anh Tông).

Trong hai mươi mốt năm làm vua, Trần Anh Tông rất chú trọng đến việc kén chọn nhân tài. Ông nhận thấy các vị khai quốc công thần tài ba, lối lạc như

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 77.

Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đều đã tuổi cao sức yếu, nếu không có đội ngũ kế cận thì việc trị nước sẽ gặp nhiều khó khăn. Do vậy, ngoài các danh tướng vào bậc quốc lão như Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão, Trần Khánh Dư, Trần Quốc Chẩn... vua Anh Tông còn chọn lựa những người trẻ tuổi như Đoàn Nhữ Hài, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trần Thị Kiến, Trần Đạo Tái, Đinh Cửng Viên xem xét kỹ rồi cho giữ các chức vụ quan trọng trong triều.

Thời trị vì của Anh Tông, ngoài các kỳ thi Thái học sinh, triều đình còn cho tổ chức nhiều khoa thi khác. Năm 1295, nhà Trần cho tổ chức kỳ thi Miên sam, tức thi cho các quan đã từng đỗ Bảng nhãn, Thám hoa trở xuống để kiểm tra thực tài, bổ dụng cho làm chức Hiệu thư quyền miện hoặc Bao thư mạo sung vào thuộc viên các nha cho nên hiền tài được bổ sung cho bộ máy nhà nước.

Ngày 24 tháng 6 năm 1300, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn ốm nặng. Vua Trần Anh Tông tới tận nhà thăm Quốc Tuấn. Nhà vua hỏi Quốc Tuấn: "Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?". Trần Quốc Tuấn trả lời: "Ngày xưa vua Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã (vườn không nhà trống), đại quân Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 798.

*Trường Sa, còn đoán binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng được người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dã, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm lược địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Linh là vì có thế.*

*Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoán binh. Dùng đoán chế trường là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì chế ngự. Nếu nó tiến chậm như tằm ăn không cầu thang chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vây, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại khoan thư sức dân để làm kể sâu rẽ bền gốc, đó là thương sách giữ nước vậy*<sup>1</sup>.

Qua đây, ta thấy được vua Anh Tông tuy có những sai lầm của tuổi trẻ nhưng ông đã nhanh chóng nhận ra và sửa chữa, ham học hỏi những kinh nghiệm của lớp cha ông đi trước. Chính những kinh nghiệm mà Hưng Đạo Vương đã tổng kết giúp Trần Anh Tông cũng như các vị vua nhà Trần sau này có những đối sách đúng đắn với kẻ thù phương Bắc.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 79.

Trần Anh Tông là người rất công bằng trong việc khen thưởng cho những người có công. Điều này đã được thể hiện trong lời nói của nhà vua sau lần chinh phạt Chiêm Thành trở về vào năm 1311 như sau: "*Công lao của các quan ở lại giữ nước và các tướng theo ta đi đánh trận là ngang nhau. Vì Thái tử còn trẻ dại, nên việc ở lại giữ nước vào lúc này không giống như các lúc trước, còn các tướng đi theo thì cũng có công*<sup>1</sup>".

Trong những năm làm vua, Trần Anh Tông đã thi hành một đường lối ngoại giao đúng đắn để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Mặc dù ba lần xâm lược Đại Việt thất bại, nhưng nhà Nguyên vẫn cho sứ giả sang hạch sách đòi cống phẩm, bắt vua Trần phải sang châu. Trần Anh Tông với lời lẽ mềm dẻo, viện lý do ốm đau đã khéo khước từ và có những thái độ cương quyết khiến sứ thần nhà Nguyên phải chịu thất bại trở về. Có lần người Nguyên vào lần chiếm hàng nghìn mảnh ruộng ở châu Từ Lang (vùng biên giới phía Bắc) và cướp đi nhiều vàng bạc, của cải của nhân dân, Trần Anh Tông liền cho quân đánh đuổi sang châu Quy Thuận và châu Dương Lợi. Nhà Nguyên phải hạ lệnh cho quan lại ở biên giới giữ nguyên địa giới không sang quấy phá nữa.

Biên giới phía Tây thời gian này thường bị quân Ai Lao quấy nhiễu. Ngay sau khi lên ngôi, vua Trần Anh Tông đã sai Phạm Ngũ Lão đem quân đi đánh dẹp nhiều trận, nhờ vậy biên giới phía Tây được yên ổn.

Đối với biên giới phía Nam, Trần Anh Tông đã chủ trương giữ mối quan hệ bang giao tốt đẹp, nhưng khi

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 98.

Chiêm Thành trở mặt, nhà vua cũng rất kiên quyết trừng trị. Một lần Trần Anh Tông trực tiếp cầm quân đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải, vua cho đóng quân tại đây. Nửa đêm vua mơ thấy một nữ thần khóc lóc và nói: "*Thiếp là cung phi nhà Triệu Tông, bị giặc bức bách gấp phải sóng gió, trôi dạt đến đây. Thượng đế phong thiếp là thần biển đã lâu, nay bệ hạ mang quân đi thiếp xin giúp đỡ lập công*"<sup>1</sup>. Anh Tông tỉnh dậy, ông cho gọi các bô lão, hỏi rõ sự thực, cho tế lễ rồi lên đường. Lần ấy vua quân tiến thẳng tới Đồ Bàn, bắt được vua Chiêm đem về. Từ đó, vua cho lập đền thờ nữ thần tại cửa biển Cần Hải<sup>2</sup>, hàng năm tổ chức cúng tế.

Dưới thời Trần Anh Tông, pháp luật được thực thi rất nghiêm túc. Triều đình kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm phép nước. Các quan đánh bạc phải xử tội rất nặng. Thượng phẩm Nguyễn Hưng phạm tội đánh bạc, vua Anh Tông hạ lệnh đánh đến chết. Nhà vua rất coi trọng phép nước, ngay cả những quy định nhỏ cũng để ý đến. Có lần Hoàng phi theo hầu Anh Tông, theo lệ thì không được đi kiệu, nhưng Bảo Từ Hoàng hậu cho lấy kiệu của mình để dùng. Anh Tông liền bảo: Bảo Từ có yêu quý Huy Từ thì cho thứ khác, còn cái kiệu (để ngồi) thì đã có điểm chế quy định, không thể đem cho được. Nguyễn Quốc Phụ làm Nội thư Chánh trưởng là người hầu cận Thượng hoàng Trần Nhân Tông. Triều đình khuyết chức Hành khiển, Thượng hoàng muốn cân nhắc Quốc Phụ nhưng nhà vua đã từ chối và nói: Nếu lấy ngôi thứ mà nói thì Quốc Phụ

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, tr. 98.

2. Nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

đáng lắm, nhưng chỉ uống rượu mà thôi. Vì thế, Quốc Phụ không được cất nhắc, giữ chức cũ đến khi chết.

Trần Anh Tông mất ngày 16 tháng 3 năm Canh Thân (1320) tại cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, thọ bốn mươi lăm tuổi. Trần Anh Tông băng hà đã để lại nhiều sự luyến tiếc cho hoàng tộc và nhân dân cả nước.

Không chỉ là ông vua anh minh của triều Trần, khéo nối chí, giữ nghiệp mà Trần Anh Tông còn là một tác gia văn học tiêu biểu thời Trần, tác phẩm của ông gồm có: "Hiệu đính công văn cách chức". "Pháp sự tân văn". "Thúy Vân tuy bút ngự tập". "Thạch dược châm". Đáng tiếc là trước khi mất, ông sai người đốt sách vở của mình nên hiện nay chỉ tìm thấy 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục* và một số bài chép trong *Trần triều thế phả hành trạng*.

Thơ Trần Anh Tông bài nào cũng thanh và có sức mạnh. Trước hết, Trần Anh Tông là một nhà thơ Thiền thời Trần, nhiều bài thơ của ông mang ý vị thiền rõ rệt, trong đó có bài *Ký Phổ Tuệ tôn giả*.

### 寄普慧尊者

種種虛偽  
無法可得  
病眼空花  
妄分南北  
也不造惡  
也不修善  
睡來打眠

饑來喫飯  
從他擾擾  
任爾紛紛  
元來依舊  
泰宇主人

\*  
\*      \*

幻軀雖堅不足憂  
客雲聚散水浮泡  
憶來佛法危如縷  
獨對寒燈淚暗流

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Ký Phổ Tuệ tôn giả  
Chủng chưng hư nguy,  
Vô pháp khả đặc  
Bệnh nhãnh không hoa,  
Vọng phân Nam Bắc.  
Dã bất tạo ác,  
Dã bất tu thiện.  
Thủy lai đả miên,  
Cơ lai khiết phạn.  
Tòng tha nhiễu nhiễu,  
Nhậm nhĩ phân phân.  
Nguyên lai y cựu  
Thái vũ chư nhân.*

\*  
\*      \*

*Huyền khu tuy kiên bát túc ưu,  
Khách vân tụ tán, thuỷ phù bào.  
Ức lai Phật pháp nguy như lũ,  
Độc đối hàn đăng lệ ám lưu.*

DỊCH NGHĨA:

Muôn vật ảo huyền,  
Không sao nắm được.  
Mắt bệnh quáng mờ,  
Chia bữa Nam Bắc.  
Cũng không làm ác,  
Cũng chẳng làm lành.  
Buồn ngủ thì ngủ,  
Đói bụng thì ăn.  
Mặc chúng quần quanh,  
Mặc chúng rối bời.  
Gốc xưa không dời  
Chủ vẫn là người.

\*

\* \* \*

Đừng lo làm mãi thân hư ảo,  
Mây hợp rồi tan, bọt nước trôi.  
Phép Phật huyền bí bùng nhớ lại,  
Đèn xanh một bóng lệ thầm rơi.

(Trần Lê Văn - dịch)

Trong bài thơ, Trần Anh Tông đã giải thích những quan điểm triết lý của Phật giáo, mà theo đó mọi vật trong vũ trụ đều là hư ảo. Cái triết lý ấy được gắn với những sinh hoạt đời thường của con người, với thiên nhiên để rồi khẳng định cái vũ trụ bao la và cái huyền bí của Phật giáo...

Có những bài thơ của Trần Anh Tông vừa mang tính triết lý vừa mang tính trữ tình, như *Vân Tiêu am*:

### 雲霄庵

亭亭寶蓋高摩雲  
金仙宮闕無凡塵  
絕風更有學佛者  
清風明月相爲鄰  
清風匝地無休歇  
明月堂空皎冰雪  
此風此月與此人  
合成天下三奇絕

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

### *Vân Tiêu am*

*Đình đình bảo cái cao ma vân,  
Kim tiêu cung khuyết, vô phàn trần.  
Tuyệt phong cách hữu học tiên giả,  
Thanh phong minh nguyệt tương vi lân.  
Thanh phong tấp địa vô hữu yết.*

*Minh nguyệt đương không kiểu băng tuyết  
Thử phong, thử nguyệt dữ thử nhân,  
Hợp thành thiên hạ tam kỳ tuyệt.*

DỊCH NGHĨA:

### ***Am Văn Tiêu***

Quả núi như tàn với chạm mây,  
Cung tiên chẳng bợn chút trần ai.  
Đỉnh núi có người tu học đạo,  
Cùng với gió trăng vui tháng ngày.  
Gió mát từ thời quấy mặt đất,  
Trăng thanh giữa trời trăng như tuyết.  
Trăng đây, gió đây cùng người đây,  
Hợp thành thiên hạ ba kỳ tuyệt.

(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2)

Bài thơ đã miêu tả trực tiếp các hiện tượng của thiên nhiên như: mây, gió, trăng... một cách rất tự nhiên. "Gió mát", "trăng thanh" và trong khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp như thế lại có thêm con người, để rồi khái quát nêu: "Trăng đây, gió đây cùng người đây; Hợp thành thiên hạ ba kỳ tuyệt". Nhưng dường như hình ảnh thiên nhiên và con người được tác giả miêu tả bằng bạc trong một không khí, một tâm thức thiền với "cung tiên", "chút trần ai", "người tu học đạo". Đó chính là tâm hồn thi sĩ siêu thoát vào cõi vô cùng của nhà Phật.

Thi phẩm của Trần Anh Tông còn có những bài thiền về tả cảnh, tiêu biểu như bài *Đông Sơn tự*:

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

### 東山寺

風交解虎秋蟬迴  
月瀉軍持夜澗寒  
休向五臺勞夢寐  
看來天下幾東山

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

### *Đông Sơn tự*

*Phong giao giải khổ thu thiền quá,  
Nguyệt tả quân trì dạ giản hàn.  
Hưu hương Ngũ Đài lao mộng mị.  
Khán lai thiên hạ kỵ Đông San!*

DỊCH THƠ:

### *Chùa Đông Sơn*

Gió lay thiền tr匡 ve im tiếng,  
Trăng chảy trong bình suối lạnh hơn.  
Mơ ước Ngũ Đài chi nửa chí,  
Trên đồi hồ dẽ mấy Đông Sơn.

(Huệ Chi - dịch)

Bài thơ này tác giả tả về cảnh đẹp, về không gian của một ngôi chùa quê hương - chùa Đông Sơn (Ý Yên - Nam Định) với lời thơ hồn nhiên trong trẻo. Chùa Đông Sơn được gợi tả với khung cảnh thiên nhiên có ánh trăng, khe suối, tiếng ve... tạo nên một dáng vẻ đẹp lạ thường, thiên hạ ít có nơi đẹp như Đông Sơn. Khi chiêm ngưỡng cảnh Đông Sơn, người đời cũng không cần phải nghĩ và mong tới Ngũ Đài Sơn - một vùng có nhiều danh lam thắng cảnh ở Trung Quốc. Xét về phương diện nghệ thuật và ngôn ngữ thơ ca thì *Đông Sơn tự* quả là một tuyệt bút của thi sĩ - Hoàng đế Trần Anh Tông, đã góp vào dòng thơ Thiền Việt Nam một bức tranh thiên nhiên, danh thắng mang dáng nét riêng của Đại Việt.

Một nét đặc sắc trong sự nghiệp văn chương của Trần Anh Tông: ông là người mở đầu cho dòng thơ vịnh sử các vương triều với hàng loạt bài như: *Hán Cao Tổ*, *Hán Văn Đế*, *Hán Vũ Đế*, *Hán Quang Vũ*, *Đường Túc Tông*, *Tống Độ Tông*...

Dưới triều đại nhà Trần, tất cả các mặt kinh tế, văn hoá, tư tưởng, giáo dục, quân sự... của nước Đại Việt đều đạt được những thành tựu hết sức rực rỡ. Ông đóng góp vào những thành tựu ấy, công đầu thuộc về các vị vua đầu triều Trần. Họ đều là những vị hoàng đế anh minh, lỗi lạc, luôn giữ cho đất nước thanh bình, thịnh trị, những danh nhân văn hóa của quê hương và đất nước. Riêng về lĩnh vực sáng tác, cả năm vị vua thời thịnh Trần đều là những nhà thơ Thiền nổi tiếng. Đối với Trần Anh Tông, mặc dù thi phẩm của ông chỉ còn lại rất ít nhưng cũng đủ để khẳng định ông là một tác gia thơ văn tiêu biểu thời Trần.

## TRẦN MINH TÔNG

### HOÀNG ĐẾ VĂN TRỊ

Hoàng đế Trần Minh Tông (1314-1329) huý là Mạnh, vị vua thứ năm của vương triều Trần được đánh giá là có tài văn trị. Hoàng tử Mạnh sinh ngày 21 tháng 8 năm Canh Tý (1300), là con thứ tư của vua Trần Anh Tông với Hoàng phi Trần Thị con gái Bảo Nghĩa Đại Vương Trần Bình Trọng. Vua Anh Tông thấy ba hoàng tử anh của Mạnh không nuôi được nên khi hoàng tử mới ra đời đã nhờ Công chúa Thuy Bảo là bà ngoại của hoàng tử nuôi hộ. Nhưng Công chúa Thuy Bảo (vợ Trần Bình Trọng) lại cho là đời bà có nhiều vận hạn nên đã đem Hoàng tử Mạnh đến nhờ anh trai mình là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật nuôi hộ, còn bà thì đến tu ở chùa Phúc Lâm, xã An Lạc (nay là xã Tam Thanh, huyện Vũ Bản, tỉnh Nam Định).

Trần Nhật Duật quý cháu như con đẻ nên đã đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh, giống như tên hai con mình là Thánh An và Thánh Nô. Công lao nuôi dạy của Trần Nhật Duật đối với Hoàng tử Mạnh hết sức đặc biệt. Trần Nhật Duật là người có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với trí tuệ, tài năng, đạo đức phong cách của nhà vua tương lai.

Năm Ất Ty (1305), Hoàng tử Mạnh được lập làm Đông cung Thái tử. Vua cha Anh Tông rất quan tâm đến sự giáo dục hoàng tử nên đã làm bài thơ "Thạch dược châm" ban cho Thái tử để tỏ ý dạy dỗ nghiêm khắc.

Hoàng tử Mạnh sớm bộc lộ phẩm chất của một minh quân. Năm Giáp Dần (1314), khi mới mười lăm tuổi, Hoàng tử Mạnh đã được vua cha truyền cho ngôi báu để trị vì đất nước.

Nhà vua trẻ đã tổ chức các kỳ thi Thái học sinh để chọn nhân tài cho đất nước. Vua Minh Tông rất trọng dụng hiền tài để họ đóng góp công sức vào sự hưng thịnh của quốc gia Đại Việt. Các quan dưới triều Minh Tông tài giỏi, kiên trung, luôn trung thành với vua, với nước như Trương Hán Siêu, Trần Thủ Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hứ, Nguyễn Dữ, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Ngộ, Phạm Mại, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Lê Cư Nhân... đã nối tiếp nhau làm việc giúp vua, đưa ra nhiều kế sách hay, được lòng dân, giữ yên bờ cõi, làm cho kinh tế nước nhà phồn vinh, văn hoá phát triển. Trong triều có Phạm Ngộ làm chức Tuỳ nội thư học sinh theo hầu, giúp vua trong việc văn từ, kinh sách sau được thăng tối chức Tri chính sự đồng tri Thượng thư Tả tri sự rất thanh liêm cẩn mẫn. Phạm Mại là Ngự sử Đại phu cương trực dám nói thẳng. Còn bên ngoài có quan Kinh lược sứ Đỗ Thiên Hứ tận tuy vì dân được dân mến mộ, đến cả dân Ai Lao, Chiêm Thành cũng đều nể phục.

Các công thần có nhiều công lao được vua tôn vinh như Điện suý Thượng tướng Phạm Ngũ Lão được lập

phủ đệ ngay trong vườn thành. Khi Phạm Ngũ Lão qua đời, nhà vua vô cùng thương tiếc đã tổ chức tang lễ trọng thể, cho bái triều năm ngày. Phi Mộc Lạc, người từng phục vụ vua cha Anh Tông từ khi còn làm Chi hậu bạ thư chánh trưởng đã luôn tận tụy giúp vua, được vua đổi tên thành Bùi Mộc Đạc để tỏ ý tôn trọng. Vua sai người vẽ chân dung Mộc Đạc đặt ở nơi đọc sách.

Vua Minh Tông luôn quan tâm theo sát các quan triều, đánh giá họ đúng mức, thưởng phạt công minh. Đoàn Nhữ Hài làm Kinh lược sứ Nghệ An được cử làm đốc tướng trong lần đi chinh phạt bọn giặc đánh phá biên giới phía Tây Nam. Đoàn Nhữ Hài đánh thắng nhiều trận, có ý tự phụ, nên đã tự mình đem quân truy kích địch. Đến khi gặp mây mù che phủ, quân Ai Lao phục kích đánh úp lại, quan quân thất thế thua to sa xuống nước chết quá nửa. Nhữ Hài cũng bỏ thân trong đám quân chết đuối. Nhà vua được tin, ngậm ngùi thương tiếc mà rằng: Nhữ Hài dùng mưu mà thắng, thừa thế tất công lớn tới dần, cuối cùng lại bị quân giặc nhử mồi mà chết. Nhữ Hài không phải là người không biết thế giặc, chỉ vì muốn thắng to nên mới thế, thế mới biết sự mong muốn của con người không thể vượt qua vận hạn được. Đỗ Thiên Hứ tuy ốm vẫn theo vua đi đánh giặc, gấp chướng khí nơi rừng núi mà chết, nhà vua còn cho tế bằng nhạc Thái thường như đối với các bậc đại công thần.

Vua Minh Tông cũng vô cùng quý trọng các bậc nho học, họ là tầng lớp trí thức trong xã hội đã góp nhiều

công sức trong điều hành, quản lý triều chính. Nguyễn Trung Ngạn đỗ Thám hoa năm mươi sáu tuổi được vua tin dùng thăng từ chức Thự ngự sử tri thẩm hình viện sự đến Hành khiển tri khu mật sự. Nguyễn Trung Ngạn đã lập ra Bình Doãn đường tiếp xúc rộng rãi với dân chúng nhằm xét xử các vụ kiện công minh nhanh gọn không có oan sai. Nhà vua thường cho Nguyễn Trung Ngạn đi theo trong những lần chinh chiến, thăng cho Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện phó sứ giữ sổ sách ở nội thành cung Quan Triều, sau phong Trung Ngạn làm Quốc sử, kiêm An phủ sứ Nghệ An, hành Khoái Châu lỵ Tào vận sứ. Nguyễn Trung Ngạn kiến nghị lập kho chứa thóc tô ruộng để chẩn cấp cho người nghèo, vua cho là kế hay đã xuống chiếu để các lộ làm theo. Thượng hoàng Minh Tông đưa Trung Ngạn làm Đại doãn kinh sư xây dựng và bảo vệ thành Thăng Long...

Đối với thiếu sót của các quan, dù là đại thần hay cận thần, nhà vua vô cùng nghiêm khắc. Vua đã giáng Nguyễn Trung Ngạn xuống hai cấp khi ông mắc sai lầm. Với Trương Hán Siêu vốn là môn khách của Trần Hưng Đạo được Thượng hoàng trọng dụng nhưng có sai phạm khi nói rằng: Hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Nhà vua nghe biết, ngay lập tức cho người đi dò xét thực hư. Hán Siêu hoảng sợ nói với một người rằng: Tôi làm việc ở chính sảnh được vua tin dùng nên mới dám nói thế chứ biết đâu nhà vua lại cho xét hỏi. Lời nói đó cũng đến tai vua. Vua Minh Tông đã nghiêm khắc nói rằng: Hành khiển là quan ở

sảnh, Thẩm hình là quan ở viện, ta đều tín nhiệm như nhau, sao dám nói để ta tin quan ở sảnh mà ngờ quan ở viện. Sự việc được xem xét công minh, Trương Hán Siêu đuối lý bị phạt ba trăm quan tiền. Lại có lần Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài cùng các quan đàm đạo ở sảnh đường giữa lúc tạm nghỉ chầu, Trần Khắc Chung nói khôi hài đùa cợt, mọi người cười rộ. Nhữ Hài bỏ đi nơi khác. Quan Ngự sử hặc tội. Nhữ Hài tâu: Lúc cười đùa ấy thì thần đã đi rồi. Vua bảo: Nhữ Hài biết là đùa cợt mà không ngăn lại, lại còn bỏ đi, như thế là cố ý hăm mọi người vào tội lối mà tránh lối cho mình, nên phạt Khắc Chung và Nhữ Hài để giữ nghiêm túc trong giờ nghỉ chầu ở thẩm viện.

Mạc Đĩnh Chi là người có tài, thi đậu Trạng nguyên, làm quan nổi tiếng liêm khiết, sống thanh bần, giản dị, vua hiểu rõ nên muốn giúp đỡ sai người đem một trăm quan tiền đêm đến bỏ vào cửa nhà Trạng. Sáng hôm sau Mạc Đĩnh Chi vào chầu, đem việc đó tâu lên nhà vua. Vua Minh Tông vờ như không biết mà tuyên rằng: "Nếu không ai đến nhận tiền đó, thì khanh cứ việc lấy nó mà dùng".

Để hiểu lòng cẩn thận, một hôm vua đem hai hòm đựng áo ra nói: Một cái áo do Thượng hoàng làm, một cái do nội nhân Lê Kế làm. Hiệu Khả hãy định xem cái nào khéo. Hiệu Khả tâu: Chúa thượng có cái khéo của chúa thượng, thần hạ cũng có cái tài của thần hạ. Qua đó, nhà vua hiểu thêm lòng xảo trá, bợ đỡ của Hiệu Khả. Đến khi Hiệu Khả khen vua giỏi hơn Thượng hoàng, vua Minh Tông liền đổi nét mặt nghiêm giọng:

"Phàn khen người ta, bảo người ấy giỏi hơn cha vốn là người ấy bất hiếu với đấng thân cho nên mới nói như vậy".

Vua Minh Tông định kỳ tổ chức các kỳ thi Thái học sinh để chọn nhân tài. Mùa xuân năm Ất Dậu (1345) vua cho phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa và thơ phú. Đây là sự quan tâm có chủ ý cải cách thi cử của nhà vua đối với các kỳ thi.

Minh Tông là hoàng đế rất chăm lo đến việc triều chính. Năm Giáp Ty (1324) đã xét định lại các sắc mục tập lưu nội thư, năm 1325 cho kiện toàn Nội mật viện và Môn hạ sảnh để giúp vua điều hành đất nước. Vua định kỳ xuống chiếu cho các quan ngoài khảo sát các thuộc viện do mình quản lý, ai không làm việc hoặc không làm được việc thì cho về nghỉ. Nhà vua khuyến khích việc cấy ruộng tịch điền, coi trọng việc đắp đê, làm thuỷ lợi, đặt quan Hà đê chánh, phó sứ mỏ Ty khuyến nông và thân hành đi xem xét đê điêu. Để phát triển kinh tế điền trang thái ấp, vua khuyến khích việc khai khẩn đất đai, đặt đồn điền sứ để trông coi. Việc tranh chấp đất đai được vua quan tâm đến bằng nhiều biện pháp. Mùa đông năm Canh Thân (1320), nhà vua xuống chiếu rằng đất tranh nhau khám ra không phải của mình mà cố tranh bậy phải phân toạ, tính giá tiền đâm đất bắt bồi thường gấp đôi. Nếu làm giả mạo văn khế thì chặt một đốt ngón tay bên trái. Việc kiện tranh ruộng mà có lúa đang cấy thì hãy chia làm hai, để lại cho người cấy một phần, còn một phần lưu lại chờ xử. Vua cũng không vị nể tình

riêng trong hoàng tộc, nhưng biết xử lý để bảo vệ uy danh hoàng tộc mà lại giữ nguyên phép nước. Trước đây, mẹ Công chúa Huy Chân ý quyền thế, chiếm ruộng của dân, nay dân làm đơn kiện, nhà vua đã cho chồng Công chúa Huy Chân là Uy Giản Hầu đến đưa đơn kiện cho xem và bảo rằng: Trẫm không giao cho quan xét xử, sợ làm nhục đến phi tần của tiên hoàng, khanh nên theo đơn này mà trả ruộng cho dân, không những cho người có đơn mà cho cả những người có ruộng bị mẹ công chúa chiếm tuy chưa có đơn. Uy Giản Hầu vâng lệnh. Nhà vua đã khen ngợi việc làm của Uy Giản Hầu.

Trần Minh Tông ở ngôi đã lâu thì mẹ đếch là Thái hậu Bảo Từ mới sinh con trai. Ngày Hoàng tử đầy tuổi, gấp lúc Thượng hoàng Anh Tông đi tuần du nơi xa, mọi việc ở hoàng cung đều do Minh Tông quyết định, có quan xin theo tư cách thế tử để làm lễ nhưng quan Hữu ty lại có ý ngần ngại. Vua bảo rằng: Còn ngần ngại gì nữa, trước đây con đếch chưa sinh nên ta tạm quyền ở ngôi vua, nay Thái hậu đã sinh người đếch của Hoàng thượng thì tấn phong làm thế tử, để khi nào lớn lên ta trả ngôi vua có gì khó. Điều đó chứng tỏ vua Minh Tông là người xem nhẹ ngôi vị đế vương chứ không tranh nhau ngai vàng dẫn đến huynh đệ tương tàn.

Vua Minh Tông có một lần xử trí oan, giết chết bố vợ là Trần Quốc Chẩn. Việc xảy ra lúc vua ở ngôi mười lăm năm mà chưa lập thái tử. Trần Quốc Chẩn bố hoàng hậu muốn đợi hoàng hậu sinh con đếch mới lập thái tử, còn Hoàng tử Vượng do Hoàng phi Lê Thị sinh

ra đã chín tuổi được giao cho Trần Khắc Chung nuôi dạy. Cương đông Văn Hiến Hầu muốn đánh đổ hoàng hậu để lập Hoàng tử Vượng làm thái tử đã tìm cách vu cho Quốc Chẩn mưu phản. Văn Hiến Hầu đưa một trăm lạng vàng đút cho Trần Phẫu là gia thần của Quốc Chẩn để tên này vu cho Quốc Chẩn có âm mưu tạo phản. Vua hỏi lại Trần Khắc Chung. Ai ngờ Chung hùa theo Văn Hiến Hầu đã thưa: "Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó". Vua tin là thật đã cho giam Quốc Chẩn ở chùa Tư Phúc rồi bắt Quốc Chẩn tự tử mà chết. Mấy năm sau chuyện vỡ lở khiến vua ân hận suốt đời.

Lại có một lần khi Minh Tông đã làm Thái Thượng hoàng có áo quý cát ở nội phủ, Bảo Uy Vương Hiến đã tư thông với cung nhân của thượng hoàng lấy trộm áo. Một hôm Bảo Uy Vương lấy trộm áo đó mặc vào trong, rồi vào chầu. Thượng hoàng thấy cửa ống tay áo lòi ra có ý nghi ngờ đã cho người khám xét. Quả là Bảo Uy Vương đã lấy trộm áo của hoàng thượng, hoàng thượng không giết ngay mà đuổi ra làm quan ở Vọng Giám (Diễn Châu - Nghệ An) rồi mới sai võ sĩ đi thuyền nhẹ đuổi theo giết chết trên sông Vạn Ngã (Tam Đệp) để giữ nghiêm phép nước.

Năm 1339, Thượng hoàng Minh Tông đã sai Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu soạn sách *Hoàng triều đại điển* rồi soạn bộ *Hình luật thư*. Đó là hai bộ sách có ý nghĩa lịch sử văn hóa lớn lao của thời Trần.

Về đối ngoại, nhà vua đã khuyến khích mở mang các cửa biển cho thuyền nước ngoài của người Tống,

người Chà Và, người Xumatra ra vào buôn bán với người Việt.

Năm Đinh Dậu (1357), Thượng hoàng Minh Tông ốm nặng, triều đình muốn làm đàn chay cầu đảo. Thượng hoàng biết đã cho gọi Hữu tướng Quốc Phủ vào hỏi. Vua Dụ Tông sợ hãi tâu rằng: Phạm Ứng Mộng là quan triều đình xin lấy mình chết thay cho hoàng thượng. Hoàng thượng nói: Ứng Mộng thừa nhận mình là Chu Công, thì cứ lấy thân mình mà chết cho cha nó có được không? Còn đàn chay thì không nên làm. Hiển Từ thái hậu bèn phỏng sinh các giống súc vật để cầu cho hoàng thượng mạnh khoẻ trở lại. Thượng hoàng thấy thế liền nói: Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được.

Thượng hoàng Minh Tông ham thiền, lập chùa nhưng không đi tu, không sùng đạo Phật như các tiên đế. Minh Tông rất ưa chuộng văn học. Nhà vua sáng tác nhiều thơ văn lúc ở trong cung cũng như khi ra chiến trận. Sử còn ghi lại rằng Hành khiển Thượng thư Tả bộc xạ Trần Bang Cẩn là người diêm tĩnh, trung thực, cần kiệm nên vua đã sai vẽ tranh chân dung Bang Cẩn và để thơ để ban khen:

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

### 贈陳邦謹畫象並

形容骨格耐冬寒  
相貌亭亭亦可觀  
風流一段渾描盡  
心裡難描耿耿丹

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tặng Trần Bang Cản hoạ tượng tinh thi*

*Hình dung cốt cách nại đông hà  
Tướng mạo đìn đìn đìn diệc khả khan  
Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận  
Tâm ý nan niêu cánh cánh đan*

TẠM DỊCH:

*Tặng Trần Bang Cản bức chân dung kèm theo bài thơ*

*Hình dung cốt cách tựa cây thông  
Tướng mạo hiên ngang thật đáng trông  
Phong lưu mọi vẻ đều tô hết  
Khôn tô nét đẹp tấm lòng son.*

Thơ Trần Minh Tông cũng thể hiện sự cảm thông cảnh khổ cực của người dân. Khi qua vùng Nghệ An, ông đã làm bài *Nghệ An hành điện* liên tưởng tới việc xây dựng cung điện tốn phí tiền của và công sức của nhân dân:

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

**父安行殿**

生民一視我胞同  
四海何心使困窮  
蕭相不知高祖意  
未央虛費潤青紅

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nghệ An hành điện*

*Sinh dân nhất thị ngã bao đồng  
Tứ hải hà tâm sủ khốn cùng  
Tiêu tướng bất tri Cao tổ ý  
Vị ương hưu phí nhuận thanh hồng*

TẠM DỊCH:

*Hành cung ở Nghệ An*

Vua tôi máu mủ giống nòi chung  
Bốn bề sao đang cảnh khốn cùng  
Tiêu tướng vụng suy lòng Hán Tổ  
Phí tiền tô điểm vị ương cung.

Khi vua thăm lại chiến trường xưa trên sông Bạch Đằng,  
vua có bài thơ *Bạch Đằng giang* đầy khí thế hào hùng:

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

**白藤江**

挽雲劍戟碧巒  
海蜃吞潮捲雪瀾  
綴地花鉢春雨齋  
撼天松籟晚霜寒  
山河今古雙開眼  
胡越贏輸一倚欄  
江水渟涵斜日影  
錯疑戰血未曾乾

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Bạch Đằng giang*

*Vân vân kiếm kích bích toàn ngoan  
Hải thận thôn triều quyển tuyết lan  
Xuyết địa hoa điêu xuân vũ tế  
Hám thiên tùng lại vân phong hàn  
Sơn hà kim cổ song khai nhän  
Hồ Việt doanh thâu nhất ỷ lan  
Giang thuỷ đình hầm tà nhật ánh  
Thác nghi chiến huyết vị tầng can.*

TẠM DỊCH:

*Sông Bạch Đằng*

Tua túa giáo gươm núi trập trùng  
Giao long cưỡi sóng dập dờn sông  
Mùa xuân lất phắt đồng hoa nở  
Diều sáo vi vu gió lạnh lùng  
Cảnh tượng năm xưa nhìn ngắm thử  
Được thua Hồ Việt một thoáng dừng  
Ráng chiếu chiếu rọi dòng sông đỏ  
Tưởng máu chiến binh vẫn ửng hồng.

Khi nhà vua lâm bệnh trọng, ngự y Châu Canh vào bắt mạch có nói "mạch phiền muộn". Vua liền đọc:

### 診脈

診脈休論煩悶多  
鄒公良劑要調和  
若言煩悶無休歇  
只恐重招煩悶加

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

### *Chẩn mạch*

*Chẩn mạch hữu luân phiền muộn đa  
Châu công lượng tể yếu điều hòa  
Nhược ngôn phiền muộn vô hữu yết  
Chỉ khùng trùng chiêu phiền muộn gia*

TẠM DỊCH:

### *Xem mạch*

Xem mạch đừng nên nói muộn phiền  
Châu công hãy liệu thuốc cho yên  
Bảo rằng phiền muộn không an nghỉ  
Nói thế càng tăng phiền muộn lên.

Khi bệnh nguy kịch, thượng hoàng sai thị thần đem những bản thơ ngự chế đốt đi, thị thần do dự, hoàng thượng nói: Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì cái đó. Vì thế, trước tác của Trần Minh Tông còn

giữ được đến nay không nhiều. Ngày 11 tháng 11 năm 1357 vua băng hà, linh cữu được an táng tại Mục Lăng (xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

Như vậy, Trần Minh Tông lên ngôi lúc mười lăm tuổi (1314), ở ngôi mươi lăm năm, làm Thái Thượng hoàng hai mươi tám năm. Vua đã đem văn minh sửa sang trị đạo làm rạng rõ công nghiệp tổ tiên, giữ lòng trung hậu lo xa cho con cháu, trong nước được yên, bên ngoài theo phục.

## **II. CÁC VUA KẾ NGHIỆP**

### **TRẦN HIẾN TÔNG**

Trần Hiến Tông (1329-1341) tên húy là Vượng, sinh ngày 17 tháng 5 năm Kỷ Mùi (1319). Hoàng tử Vượng là con thứ của vua Minh Tông, mẹ là Minh Từ Hoàng Thái phi họ Lê. Năm mươi tuổi, ông được vua cha truyền ngôi cho nhưng chỉ cốt để phòng xa, nên mọi quyền bính vẫn trong tay Thượng hoàng Minh Tông. Chính Thượng hoàng Minh Tông đã phải thân chinh cầm quân đi dẹp giặc ở mường Ngưu Hổng, vùng Đà Giang (miền Tây Bắc), rồi Ai Lao ở miền tây Nghệ An. Tuy làm vua, nhưng Hiến Tông không phải làm gì cả. Suốt thời gian trên một chục năm trời, vua Hiến Tông không tổ chức được các khoa thi như các tiên đế để tuyển dụng nhân tài cho vương triều. Trong khi đó các lão tướng tài ba thao lược như Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài thì lần lượt qua đời. Cung thật không may cho vua bởi những thiên tai, thuỷ hoại, động đất lại liên tiếp xảy ra làm cho kinh tế đất nước ngày một sa sút. Tuy thế, trong thời gian này nhà Trần vẫn giữ vững được biên cương.

Hiến Tông làm vua đến tháng 6 năm Tân Ty (1341) thì mất, ở ngôi được mươi ba năm, thọ hai mươi ba tuổi.

## TRẦN DỤ TÔNG

Trần Dụ Tông (1341-1369) tên húy là Trần Hạo, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1336, là con thứ mười của Minh Tông. Khi hoàng tử được sáu tuổi thì Hiến Tông qua đời. Vua Hiến Tông không có con, nên việc truyền ngôi do Thượng hoàng Minh Tông quyết định. Ngày 21 tháng 8 năm Tân Tỵ (1341), Trần Hạo được Thượng hoàng chọn làm kế vị, lấy hiệu là Dụ Tông. Những năm đầu, mọi quyền柄 vẫn do Thượng hoàng Minh Tông điều khiển. Bởi thế, dù trong nước lúc ấy có mất mùa đói kém, nhưng chính sự vẫn còn nền nếp.

Dụ Tông là người thông minh, chịu học kinh sách, văn võ toàn tài. Lúc còn nhỏ, mới ba tuổi đi chơi thuyền ở Hồ Tây bị ngã xuống nước, người ta tìm thấy hoàng tử trong cống đơm cá, may nhờ có thầy thuốc giỏi Trâu Canh châm cứu, cứu sống nhưng bị di chứng liệt dương, nên không có người nối dõi tông đường. Tuy vậy, năm mươi ba tuổi vẫn lấy Công chúa Ý Từ là con gái của Bình Chương Huệ Túc Vương rồi phong làm Nghi Thánh hoàng hậu.

Nối tiếp truyền thống của cha ông, vua Dụ Tông luôn cảnh giác với kẻ thù phương Bắc, đặt Sát hải sứ ở Vân Đồn. Vua cho sắm sửa thêm vũ khí, đóng thêm chiến thuyền, huấn luyện quân lính tập luyện võ nghệ, sử dụng

nhân tài, trọng dụng Tả tham tri chính sự Trương Hán Siêu, Hành khiển Tri khu mật sự Nguyễn Trung Ngạn, Quốc tử Trần Quốc Chẩn, Hành khiển tả ty Lang trung Phạm Sư Mạnh, Hàn lâm viện phụng chỉ Lê Quát.

Khi vua về thăm cố hương Tức Mặc đã phát thuốc cho người ốm đau gọi là Hồng ngọc sương. Nhưng từ sau khi Thượng hoàng Minh Tông mất (1358), các cựu thần cũng lần lượt qua đời thì triều đình bắt đầu rối ren, bọn gian thần kéo bè đảng lũng đoạn triều chính. Chu Văn An đã dâng "sớ thất trẫm" xin chém bảy gian thần nhưng vua không nghe nên ông đã bỏ quan về nhà dạy học. Lúc này vua lại ham chơi bài, rượu chè, xây thêm cung điện để đánh bài bạc, mở tiệc bắt các quan thi nhau uống rượu làm cho triều chính thêm rối nát. Càng về cuối, Dụ Tông càng ăn chơi quá độ. Vua cho đào hồ ở vườn ngự, chở đá về làm núi giả, đổ nước mặn vào hồ nuôi đồi mồi, cá biển, cá sấu làm thú vui chơi. Năm Giáp Thìn, trong một lần vua uống rượu quá say lại vẫn đi chơi trăng, hóng mát, sau còn xuống sông tắm mát nên bị cảm nặng. Có lần vua đến chơi nhà Trần Ngô Lang ở hương Mẽ Sở canh ba mới về, bị trộm mất cả ấn ngọc lẵn gươm báu. Vua biết mình không thọ, nên càng ăn chơi hưởng lạc.

Năm Kỷ Dậu (1369) ngày 25 tháng 5 vua Dụ Tông mất khi mới có ba mươi ba tuổi. Dụ Tông không có con, triều đình lập Cung Định Vương là anh của Dụ Tông lên làm vua, nhưng Hoàng Thái hậu đòi lập người con nuôi của Cung Túc Vương là Dương Nhật Lễ lên ngôi. (Mẹ Nhật Lễ lấy Dương Khương có thai rồi bỏ Dương Khương mà lấy Cung Túc Vương đã sinh ra Nhật Lễ). Việc này làm cho triều chính nhà Trần rơi vào tình cảnh rối ren.

## TRẦN NGHỆ TÔNG

Trần Nghệ Tông (1370-1372) huý là Trần Phủ, con thứ ba của Thượng hoàng Trần Minh Tông và bà Minh Từ Hoàng Thái phi họ Lê, sinh ngày 12 tháng Chạp năm Tân Dậu (1321), lên ngôi năm Canh Tuất (1370), hiệu là Nghệ Tông. Năm Nhâm Tý (1372) nhường ngôi cho em là Kính (Trần Duệ Tông) rồi lui về phủ Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng. Trần Nghệ Tông ở ngôi được hai năm. Ông mất tháng Chạp năm Giáp Tuất (1394) thọ bảy mươi tư tuổi.

Khi vua Trần Dụ Tông sắp mất, vì không có con nối nghiệp đã xuống chiếu đón Nhật Lễ, con của người hát chèo Dương Khuông lên ngôi vua. Từ khi tiếm ngôi, Nhật Lễ ngày càng rượu chè và hoang dâm vô độ. Không chỉ có thế, Nhật Lễ còn giết cả người đã đón mình về để lên ngôi Hoàng đế là Hoàng Thái hậu Hiển Từ, vợ Thượng hoàng Minh Tông, mẹ của Trần Phủ.

Trước đây, Thái tử Phủ đã không có ý định làm vua, nhưng Nhật Lễ quá tàn bạo, nay Trần Phủ được Công chúa Thiên Ninh khích lệ nói: "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, sao lại dành bỏ cho kẻ khác", có thêm Chương Túc Quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán đồng

tình, nên đã cùng em là Cung Tuyên Vương Kính hợp nhau kéo quân về kinh sư. Đến phủ Kiến Hưng (nay là huyện Nghĩa Hưng) thì tuyên chiếu phế truất Dương Nhật Lễ làm Hôn Đức công. Ngày 15 tháng 11 năm Canh Tuất, Trần Phủ lên ngôi hoàng đế.

Trần Nghệ Tông tiến hành khôi phục phép tắc, kỷ cương của thời Minh Tông, xuống chiếu cho hoàng thân quốc thích khi xây cung thất phải đơn giản, chỉ lấy các tảng quan tôn thất phục dịch, không được gây phiền nhiễu cho dân; bãi bỏ lệnh "Sa Châu liệt cước" do Chiêu Từ Thái hậu đặt ra nhằm chiếm các bãi sa bồi ven sông; bỏ lệnh "kiểm biên tài sản" của các nhà quyền quý, mà nội dung là sau khi họ chết thì tài sản và những báu vật của họ bị Nhà nước sở hữu, nhưng sự thực của cải ấy đều rơi vào túi những kẻ bể tôi tham nhũng. Vua biết trọng dụng nhân tài như đưa Chu Văn An và Trương Hán Siêu vào thờ ở Quốc Tử Giám. Tuy vậy, nhà vua cũng có phần nhu nhược, thiếu quyết đoán như khi quân Chiêm Thành tiến đánh Thăng Long, vua bỏ chạy sang Đông Ngàn (Bắc Giang). Từ đó, lệnh vua thường không được thi hành triệt để.

Đối với họ ngoại Quý Ly, vì có hai chị em là cô của Quý Ly lấy vua Minh Tông (một người là Minh Từ sinh ra Nghệ Tông, một người là Đôn Từ sinh ra Duệ Tông) nên được vua rất trọng dụng. Khi luống tuổi Nghệ Tông càng tin tưởng Quý Ly, đã phó thác cả triều chính cho Quý Ly. Vua phong cho Quý Ly làm

Khu mật Đại sứ. Vua nghe theo Quý Ly phế truất Trần Phế Đế, lập con mình lên làm vua và còn giết cả Phế Đế.

Trước tác của Nghệ Tông được tập hợp trong *Nghệ Tông thi tập* có nhiều bài hay như: "Tống Bắc sứ Ngưu Lượng", "Đề chùa Báo Ân", "Đề Tư đồ Trần Nguyên Dán".

Khi nhường ngôi cho Cung Tuyên Vương Kính, ông có viết "Đế châm". Còn khi từ mạn Đông Ngàn về đến Tiên Du, vua có trước tác "Báo hoàng dư bút" gồm tám tập. Tiếc rằng các trước tác này nay đã thất lạc.

## TRẦN DUỆ TÔNG

Hoàng đế Trần Duệ Tông (1373-1377) huý là Kính, sinh ngày 2 tháng 6 năm Đinh Sửu (1337) là con thứ mười một của Thượng hoàng Minh Tông và bà Đôn Từ Hoàng Thái phi. Vua mất năm Đinh Ty (1377), thọ bốn mươi mốt tuổi.

Trần Nghệ Tông dẹp xong Dương Nhật Lễ, lên ngôi vua được ba năm thì nhường ngôi cho em là Cung Tuyên Vương Kính để làm Thái Thượng hoàng.

Trần Duệ Tông là người quyết đoán, nhưng lúc ấy mọi quyền柄 vẫn trong tay Thái Thượng hoàng Nghệ Tông nên ông chưa thể làm chủ được triều chính.

Vua Duệ Tông đã tiến hành tổ chức thi cử để chọn nhân tài, mở khoa thi Tiến sĩ thay cho thi Thái học sinh. Khoa Giáp Dần, Long Khanh năm thứ 2 (1374) đã lấy Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên, Lê Hiến Phủ (Giản) đỗ Bảng nhãn, Trần Đình Thám đỗ Thám hoa.

Thời ấy Chiêm Thành hay quấy phá nên vua rất coi trọng việc quân, chọn dân binh bổ sung vào quân của triều đình. Tháng Chạp năm Bính Thìn (1376), vua thân đem mười hai vạn quân đi đánh Chiêm Thành. Cuối tháng Giêng năm sau, đại quân tiến vào cửa biển

Thị Nại (Quy Nhơn) đánh đồn Thạch Kiều và động Kỳ Mang, rồi tiến quân vào Đồ Bàn. Chế Bồng Nga - vua Chiêm cho quân trá hàng nói dối rằng: Chế Bồng Nga đã bỏ thành chạy trốn. Vua cả tin cho tiến lên. Đại tướng Đỗ Lê can ngăn, vua cho rằng Đỗ Lê nhát như đàn bà nên không nghe theo, cứ cho quân tiến vào thành. Đến khi gặp trận địa mai phục của giặc, quân Trần tan vỡ, vua cùng Đỗ Lê, Nguyễn Nạp Hoà, Hành khiển Phạm Huyền Linh phải bỏ mạng trong đám loạn quân. Đỗ Tử Bình lĩnh hậu quân hèn nhát không dám ứng cứu, Hồ Quý Ly cũng bỏ chạy. Khi về triều, Hồ Quý Ly không việc gì, Đỗ Tử Bình chỉ bị giáng xuống làm lính.

Thời gian ở ngôi của Duệ Tông chỉ bốn năm, nhưng nhà vua đã để lại nhiều ấn tượng trong dân chúng và quân lính về lòng dũng cảm.

Thượng hoàng Nghệ Tông cho là Duệ Tông đã bỏ mình vì nước nên làm lễ chiêu hồn ở Chiêu lăng và cho lập con trưởng của Duệ Tông là Kiến Đức Đại vương Trần Hiện lên ngôi báu.

## TRẦN PHẾ ĐẾ

Trần Phế Đế (1377-1388) tên thật là Trần Hiện, huý là Nghiễn, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là Gia Tử hoàng hậu Lê Thị, sinh ngày 6 tháng 3 năm Tân Sửu (1361). Sau khi vua Trần Duệ Tông mất, Thượng hoàng Nghệ Tông cho con của Duệ Tông là Trần Hiện lên nối ngôi năm mươi sáu tuổi, đổi hiệu là Xương Phù.

Trần Hiện lên ngôi vào lúc vương triều Trần gặp nhiều biến cố. Phía Nam, Chiêm Thành nhiều lần đưa quân ra đánh phá, đã mấy lần tràn vào tàn phá kinh đô Thăng Long. Vua Phế Đế lo đồi phó, tuyển thêm quân, nhưng tốn thuế đè nặng lên đầu dân chúng. Trong khi ở phía Bắc, triều Minh đòi cống nạp thêm nhiều sản vật như bắt Đại Việt cấp cho năm mươi thot voi chiến. Thượng hoàng Nghệ Tông thì nhu nhược, lại quá tin và trao thêm nhiều quyền bính cho Quý Ly<sup>1</sup>. Trước tình hình đó, vua cùng với Thái úy Ngạc

---

1. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (tr. 195), Hồ Quý Ly tự là Lý Nguyên, là cháu đời thứ tư của Hồ Liêm. Dời Trần Nghệ Tông, Hồ Quý Ly làm Phụ chính Thái sư nhiếp chính. Vì vậy Hồ Quý Ly đã từng bước tham gia triều Trần, và thực sự là người có tài được Thượng hoàng Nghệ Tông tin dùng. Hồ Quý Ly có hai người con lấy vua Trần Minh Tông. Nhờ những mối quan hệ họ hàng thân thuộc ấy mà Hồ Quý Ly đã trở thành có quyền thế lớn trong triều Trần.

(tức Trang Định Vương Trần Ngạc) tính kế trừ khử Quý Ly, không ngờ bại lộ.

Phạm Cự Luận bàn với Quý Ly tâu lên Thượng hoàng thay Phế Đế. Thượng hoàng nghe theo Quý Ly để Chiêu Định Vương lên ngôi thay Phế Đế nhằm giữ yên nội tình.

Ngày 6 tháng Chạp năm Mậu Thìn (1388), Thượng hoàng giả cách đi Yên Sinh, sai người đòi vua đến bàn việc nước. Phế Đế vội đến chầu, lúc đi chỉ đem theo vài ba người hầu. Khi đến nơi, bị Thượng hoàng sai người bắt vua đem giam ở chùa Tư Phúc rồi xuống chiếu rằng: "Trước kia Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về dùng con đích để nối ngôi là theo đạo đời xưa. Song, quan gia (tức vua Phế Đế) từ khi lên ngôi đến giờ vẫn còn trẻ con lăm, giữ đức không thường, thân mật với bọn tiểu nhân, nghe bọn Lê Á Phụ, Lê Dữ Nghi, gièm pha vu hãm công thần làm dao động xã tắc, nên giáng xuống làm Linh Đức Đại vương. Song Nhà nước không thể không có người đứng chủ, ngôi báu không thể bỏ không, nên đón Chiêu Định Vương vào nối đại thống...".

Một số tướng lĩnh thân cận vua muốn đem quân vào ứng cứu, nhưng vua viết hai chữ: "Giải giáp", nghĩa là vua theo lệnh Thượng hoàng. Sau đó vua Phế Đế bị đem xuống phủ Thái Đường bắt thắt cổ chết. Phế Đế non nớt, vô mưu đã không kế tục được sự nghiệp của vương triều Trần.

## TRẦN THUẬN TÔNG

Trần Thuận Tông (1388-1398) huý là Trần Ngung, sinh năm Đinh Ty (1377), là con út của Thượng hoàng Nghệ Tông, lên ngôi vua lúc mươi một tuổi (1389), đổi niên hiệu là Quang Thái, mất năm Mậu Dần (1398).

Thời kỳ Thuận Tông làm vua, trong nước có nhiều loạn lạc: Nguyễn Thanh nổi lên ở vùng sông Chu, Nguyễn Kỵ ở Nông Cống (Thanh Hóa), rồi Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai Thượng. Trong khi ở phương Nam quân Chiêm Thành luôn kéo ra đánh phá, quân nhà Trần do Quý Ly và Nguyễn Đa Phương ra sức chống cự mà không nổi. Đến năm Canh Ngọ (1390), Đô tướng Trần Khát Chân đánh bại quân Chiêm ở Hải Triều, giết được Bồng Nga, lúc đó mới tạm ổn. Sau đó vua ngự đến Long Hưng, An Sinh làm lễ bái yết Chiêu lăng.

Ngày 14 tháng 11 năm Canh Ngọ (1390), Trần Nguyên Đán mất, Thượng hoàng Nghệ Tông vô cùng thương tiếc. Trước đây có lần Thượng hoàng hỏi việc nước, Trần Nguyên Đán nói: "Xin bệ hạ kính nước mình như cha, yêu Chiêm Thành như con, thì Nhà nước được vô sự".

Tháng 2 năm Quý Dậu (1393) nhà vua mở khoa thi, chọn lấy ba mươi người đỗ, bổ làm quan. Sau đó là tổ

chức cho quan lại thi để kiểm tra năng lực. Nhưng thiên tai, hạn hán, động đất, mưa gió kế tiếp xảy ra làm cho đời sống dân chúng khổ sở lao đao.

Vua tuổi nhỏ, mà việc nước lại vô cùng hệ trọng, Thượng hoàng đã gọi Quý Ly đến bảo rằng: "Bình Chương (tức Quý Ly) là người họ thân, công việc trong nước đều giao cho cả. Nay thế nước suy yếu, ta đã già yếu, sau khi ta chết rồi, quan gia đáng giúp thì giúp, nếu là người hèn kém ngu tối thì người tự lấy lấy nước". Quả lúc ấy vua Thuận Tông còn trẻ, quá non yếu không đủ sức gánh vác giang sơn xã tắc. Thượng hoàng băng hà, Quý Ly được phong làm Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Tuyên trung vệ quốc đại vương. Đến cuối năm, Quý Ly ép vua phải dời đô vào động An Tôn, phủ Thanh Hoá (gọi là cung Bảo Thanh). Cho dù Nguyễn Nhữ Thuyết có dâng sớ can ngăn, nhưng Quý Ly không nghe vẫn dời đô, đổi trấn Thanh Hoá thành trấn Thanh Đô, định lại quan chức các lộ, phủ.

Vua còn xuống chiếu hạn chế ruộng tư, trừ các đại vương và trưởng công chúa, còn từ quan đến dân đều chỉ được có một số ruộng đất nhất định (thứ dân không được có hơn mười mẫu ruộng), thừa thì phải nộp cho Nhà nước. Vào năm Mậu Dần, Quý Ly ép vua phải nhường ngôi cho con và khuyên vua theo đạo giáo mà đi tu. Vua ở ngôi mười năm (1388-1398) nhưng chỉ là hư vị, không có một chút quyền hành gì cả. Sau khi thoái vị một năm thì cũng bị giết.

## TRẦN THIẾU ĐẾ

Trần Thiếu Đế (1398-1400) huý là Trần Án, con trưởng của Trần Thuận Tông, mẹ là Khâm Thánh Hoàng Thái hậu, con gái trưởng của Hồ Quý Ly. Trần Thiếu Đế sinh năm Bính Tý (1396), lên ngôi vua vào tháng 3 năm Mậu Dần (1398) lúc mới ba tuổi tại cung Bảo Thanh (Thanh Hoá), đổi niên hiệu là Kiến Tân<sup>1</sup> (không rõ mất năm nào).

Vua lên ngôi lúc còn thơ ấu, vương triều đang lúc suy thoái, Hồ Quý Ly chuyên quyền. Một số quan thần mưu giết Hồ Quý Ly, không may bại lộ, Quý Ly ra tay sát hại các trung thần của nhà Trần có liên quan như Trụ quốc Nhật Đôn, tướng Trần Khát Chân, Hành khiển Hà Đức Lâm, Lương Nguyên Bưu. Số người bị sát hại là ba trăm bảy mươi người chống đối họ Hồ. Gia sản của họ bị tịch thu, con gái bắt làm nô tỳ, con trai từ một tuổi trở lên bị chôn hoặc dìm xuống nước cho chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đến đây, tội ác của Quý Ly đã chất đầy rồi. Trần Hãn đã đi lại, trước đã hẹn

---

1. Tại đền Trần Tức Mặc, bài vị vua Trần Thiếu Đế đề là Trần Kiến Tân.

ước với các tướng văn võ, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch rõ tội giết vua của Quý Ly, hiệp ước với Khả Vĩnh mà giết nó, thì chẳng những danh chính ngôn thuận mà việc cũng xong rồi. Đáng tiếc lại do dự sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

Đến tháng 6 năm Kỷ Mão, Quý Ly tự xưng là Quốc tổ chương Hoàng đế. Ngày 28 tháng 2 năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly tiếm ngôi vua, lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên lập ra nhà Hồ, giáng Trần Thiếu Đế xuống làm Bảo Ninh Đại vương.

### **III. CÁC VUA HẬU TRẦN**

#### **GIẢN ĐỊNH ĐẾ**

Giản Định Đế (1407-1409) huý là Trần Ngỗi, con thứ của Trần Nghệ Tông, được Trần Triệu Cơ cùng một số cựu thần nhà Trần họp nhau vào ngày 2 tháng 10 năm Đinh Hợi (1407) ở Mô Độ (Yên Mô - Ninh Bình) tôn lên làm vua, xưng là Giản Định Đế, lấy niên hiệu là Hưng Khánh để lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Khi quân Minh tiến quân vây hãm, vua tông nhà Trần phải chạy vào Nghệ An. Đại tri châu Đặng Tất nghe tin đã giết chết tướng nhà Minh rồi đem quân ở châu Hoá ra giúp vua. Giản Định Đế phong Đặng Tất làm Quốc công lo đánh giặc giúp nước. Tướng Minh Trương Phụ đưa quân vào đánh, Đặng Tất ít quân phải đem vua chạy vào châu Hoá. Tháng 6 năm Mậu Tý (1408), Đặng Tất giết được bọn tay sai giặc Phạm Thế Căng đã tiến quân ra Nghệ An, Thanh Hoá, nhân dân các vùng nô nức hưởng ứng.

Ngày 14 tháng Chạp, quân Trần do Đặng Tất chỉ huy tiến về Bô Cô<sup>1</sup>, gặp năm vạn quân Minh do Mộc Thạnh chỉ huy hai bên dàn trận kịch chiến. Vua Giản Định Đế cầm dùi thúc trống tiến quân từ giờ Ty (10 giờ sáng) đến giờ Thân (4 giờ chiều) thì quân Minh tan vỡ. Các tướng Minh Bình bộ Thượng thư Lưu Tuấn, Đô đốc Lữ Nghị, Tham chính Lưu Đức bị chém chết, Mộc Thạnh ôm đầu máu chạy trốn về thành Cổ Lộng (thành Cách, thuộc huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Vua muốn tiến quân đánh Cổ Lộng rồi tiến về Đông Quan. Đặng Tất còn do dự, đã bỏ mất thời cơ. Mộc Thạnh được quân ứng viện chạy về Đông Quan. Tháng 2 năm Kỷ Sửu (1409), vua đóng quân ở Hoàng Giang (nay là đất Hà Nam) nghe lời gian thần Nguyễn Quỹ và Nguyễn Mộng Trang gièm pha, đã giết Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, mặc phải sai lầm không thể sửa chữa được. Đặng Dung - con của Đặng Tất và Cảnh Dị - con của Nguyễn Cảnh Chân đều bức tức bởi cha bị chết oan, bỏ không phò Giản Định<sup>2</sup> nữa, đi tìm tôn thất nhà Trần là Trần Quý Khoáng (cháu của Nghệ Tông) đến Nghệ An lập lên làm vua (tức vua Trần Trùng Quang).

---

1. Bô Cô: Sau là xã Hiếu Cổ thuộc huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định.

2. Tại đền Trần Túc Mặc, bài vị vua Giản Định Đế để là Trần Hưng Khanh.

## TRÙNG QUANG ĐẾ

Trùng Quang Đế (1409-1413) huý là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội của Thượng hoàng Trần Nghệ Tông, gọi Giản Định Đế bằng chú.

Giản Định Đế nghe lời gièm pha của Nguyễn Quý và Nguyễn Mộng Trang đã giết Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. Vì vậy, Đặng Dung - con Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Di - con của Nguyễn Cảnh Chân cho rằng Giản Định Đế đã giết hại cha mình nên bỏ đi Thanh Hoá tìm tôn thất nhà Trần là Quý Khoáng, lập lên ngôi vua lấy hiệu là Trùng Quang.

Một lực lượng chống Minh lại có hai vua Trần là điều không hay. Để khắc phục tình trạng này, ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Sửu (1409), các tướng của Trùng Quang Đế như Đặng Dung, Cảnh Di, Nguyễn Suý, Nguyễn Chương... đã tổ chức đánh úp, bắt Giản Định Đế Trần Ngỗi đưa về. Tuy nhiên, không phải để giết mà để cho thống nhất lực lượng. Khi bọn Nguyễn Suý dẫn Giản Định Đế đến sông Tam Chế (sông Lam) ở Nghệ An, vua Trùng Quang đổi mặc áo thường, xuống thuyền rước Hưng Khánh (tức Giản Định Đế) lên, tôn làm Thượng hoàng cùng chống giặc. Hai vua nhiều lần xông pha trận mạc, rủi thay trong một trận Giản Định

và Thái bảo Trần Huy Cát sa vào tay giặc. Tổng binh Trương Phụ đã bắt giải họ về Kim Lăng (Trung Quốc).

Tháng 6 năm Nhâm Thìn (1412), Trương Phụ, Mộc Thạch hành quân vào đánh Nghệ An, gặp quân của Đặng Dung, Cảnh Dị, Nguyễn Suý ở Mô Độ (Ninh Bình), hai bên giao chiến. Đặng Dung chỉ huy nghĩa quân quyết tử với kẻ thù, chưa phân thắng thua thì Nguyễn Suý và Cảnh Dị lại bỏ chạy. Đặng Dung rơi vào thế cô độc, phải dùng thuyền nhỏ chạy ra biển. Vì thế, quân Minh chiếm được các căn cứ của nghĩa quân ở Thanh Hoá, Nghệ An. Tới tháng 3 năm Quý Ty (1413), vua Trùng Quang mới trở lại Nghệ An. Thấy vua ở Nghệ An, Trương Phụ lại đánh vào Nghệ An, vua phải chạy vào châu Hoá, rồi sai Nguyễn Biểu đi sứ cầu phong. Khi sứ đến Nghệ An bị Trương Phụ giữ lại. Nguyễn Biểu mắng Trương Phụ rằng: "Trong bụng thì mưu đánh chiếm nước người ta, mà bề ngoài thì lớn tiếng là quân nhân nghĩa; trước nói lập con cháu nhà Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại dân thường, mà thật là thẳng giặc bạo ngược". Trương Phụ muốn thử khí phách của Nguyễn Biểu đã mời ông ăn cỗ đầu người. Nguyễn Biểu vừa ăn vừa làm bài thơ Nôm rằng:

Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi  
Gia hào thêm có cỗ đầu người  
Nem công, chả phượng còn thua béo  
Thịt gụ, gan lân hẳn kém tươi  
Cá lối lộc minh âu cũng một

Vật bày thỏ thủ bội hơn mười  
Kia kìa ngon ngọt tày vai lợn  
Tráng sĩ như Phàn tiếng để đời.

Nguyễn Biểu bị Trương Phụ sai lính cột xuống chân cầu cho nước thuỷ triều dâng lên để giết.

Trương Phụ lại tiến quân vào châu Hoá. Quân Trần giao tranh ác liệt với quân Minh tại kênh Thái Da. Trương Phụ bị phục binh của Đặng Dung đánh mạnh. Thừa thắng Đặng Dung nhảy lên thuyền định bắt sống Trương Phụ, nhưng không nhận dạng được mặt Trương Phụ. Trương Phụ hoảng sợ nhảy sang thuyền nhỏ chạy trốn. Bởi Nguyễn Suý không hợp sức với Đặng Dung nên khi thấy quân Trần ít, Trương Phụ lại tập hợp tàn quân phản công, chuyển bại thành thắng. Sau vì lực lượng còn quá ít nên lần lượt các tướng Nguyễn Cảnh Di, Đặng Dung, Nguyễn Suý đã bị quân Minh bắt.

Vua chạy sang Lào cũng bị hại bởi có kẻ bán nước dẫn đường cho quân Minh truy tìm. Trên đường giải về Đông Quan, vua đã nhảy xuống sông tự vẫn.

Trong bảy năm kháng chiến chống quân Minh xâm lược do hai vua Hậu Trần lãnh đạo, tuy không thành công, nhưng vua tôi nhà Trần đã tỏ rõ ý chí sắt đá của người Việt, tỏ sáng hào khí Đông Á để năm năm sau (1418) Lê Lợi dựng cờ nghĩa chôn vùi quân Minh xâm lược.

PHẦN III  
Các thái sư Đông Á  
mẫn tiếp

*Trong 175 năm tồn tại của vương triều Trần, các vua Trần đã tấn phong và truy phong sáu Thái sư thì năm người trong hoàng tộc, chỉ có một người ngoại tộc là Hồ Quý Ly. Các Thái sư trong hoàng tộc Đông Á gồm:*

1. Trần Thủ Độ (1194-1264) được phong Tướng quốc Thái sư năm 1227, sau được truy phong Thống quốc Thái sư.
2. Trần Quang Khải (1241-1294) con vua Thái Tông được phong Thượng tướng Thái sư năm 1282.
3. Trần Quốc Tuấn (12??-1300) con An Sinh Vương Trần Liễu, được truy phong Thượng phụ Thượng quốc Thái sư năm 1300.
4. Trần Đức Việp (1265-1306) em vua Nhân Tông, có công trong kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và lần thứ ba, tiếc rằng ông mất sớm.
5. Trần Nhật Duật (1255-1330) là con thứ sáu của vua Trần Thái Tông được vua Minh Tông phong là Tá thánh Thái sư năm 1324.

## THỐNG QUỐC THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ

Trần Thủ Độ (1194-1264) sinh năm Giáp Dần (1194) niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy thứ 9 đời Lý Cao Tông. Thủ Độ có anh trai là An Quốc và An Hạ, gọi Trần Lý là bác, nhưng sử sách không ghi rõ tên tuổi của thân phụ ông<sup>1</sup>, bởi ông mồ côi cha từ thuở nhỏ nên đã được nhà Trần Lý nuôi dưỡng.

Thuở nhỏ Thủ Độ có đi học, nhưng chẳng được là bao bởi đất trời nhốn nháo, nên đã sớm tập luyện võ nghệ. Thủ Độ là con người có bản lĩnh và ý chí, cộng với việc luôn phải xông pha ngoài đời, với tính quyết đoán, Thủ Độ làm việc gì cũng nhanh chóng, gọn gàng, quyết việc gì cũng thắng thắn, không để tình cảm cá nhân chen lấn nên được mọi người tin cậy. Thuở còn Trần Lý, ông ta có nói: "Trong số những con cháu của ta, có Thủ Độ sau này có thể trở thành bậc người anh kiệt, làm rạng rỡ cho môn đình được". Họ Trần đã nhiều đời làm nghề chài lưới sông nước, sinh sống theo những dòng sông ở các vùng mà nay thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định (hiện các vùng trên vẫn còn nhiều dấu tích của nhà Trần).

---

1. Phả họ Trần (Thái Bình) cho ông là Trần Hoàng Nghị.

Chính sử cho biết, vào cuối triều Lý, nhà nước phong kiến suy vong, chính quyền Trung ương bất lực trước sự suy thoái của đất nước về mọi mặt. Kinh tế sa sút, mất mùa, đói kém liên tiếp xảy ra. Chính trị hỗn loạn, các thế lực nổi lên cát cứ khắp nơi, đánh giết lẫn nhau, trộm cướp như rươi. Ngoài biên ải phía nam, Chiêm Thành và Chân Lạp thường xuyên quấy phá. Phía bắc, quân Mông Cổ đã diệt nhà Hạ, đánh nhà Kim, rồi xâm chiếm Cao Ly, chuẩn bị diệt Tống và đang nhòm ngó xuống phía nam. Trong nước, vua Lý Cao Tông vẫn mải mê rong chơi, say đắm tửu sắc, lại còn xây thêm cung điện đền đài, để mặc chính sự rối ren. Lý Huệ Tông lên thay Cao Tông thì nhu nhược, không có quyết sách, lại bệnh hoạn phải truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng vào năm Giáp Thân (1224) lúc ấy mới được sáu tuổi, rồi tới chùa Chân Giáo đi tu.

Khi ấy họ Trần ngày một thanh thế và trở thành thế lực mạnh nhất trong triều. Từ khi Hoàng tử Sảm lấy Trần Thị Dung, phong tước Minh Tự cho Trần Lý thì nhà Trần Lý đã đứng ra chiêu mộ binh lính đánh giặc giúp triều đình. Thủ Độ được cử ra cầm quân đánh giặc. Cảnh quân do Thủ Độ cầm đầu luôn lập công, phá tan được nhiều thế lực thù địch. Khởi sự, ông cũng chỉ là một võ quan nhỏ, nhưng nhờ có mưu lược nên đã lập nhiều chiến công và là người trong dòng tộc họ Trần nên nhanh chóng được cất nhắc. Vào cuối niên hiệu Gia Kiến, ông được phong Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy các đạo quân hộ vệ, cầm binh và phòng thủ kinh thành.

Người anh họ của ông là Trần Thừa bấy giờ đã là Thái úy phụ chính của triều đình nhà Lý. Tuy chức cao nhưng Trần Thừa tính người thuần phác chưa thể kinh bang tế thế, nên mọi việc đều đem ra bàn với Thủ Độ. Thủ Độ luôn ứng đáp mau lẹ.

Trần Thủ Độ nhanh chóng nhận ra tình thế của đất nước nên đã nghĩ tới việc giành lấy thiên hạ, nhận lấy trách nhiệm xây dựng và bảo vệ non sông. Ông thấy nhà Lý sắp tới lúc cáo chung, nên đã đạo diễn để Trần Bồ (tức Trần Cảnh) con thứ của Trần Thừa lấy Lý Chiêu Hoàng, rồi dàn xếp để Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Ông làm một cuộc chính biến êm thầm không đổ máu với lời lẽ trong chiếu nhường ngôi như sau: "*Từ xưa nước Nam Việt, để vương trị thiên hạ, vẫn đã từng có. Duy nhà Lý ta ơn giờ quyền cố, khắp có bốn bề. Liệt thanh truyền nối, hơn hai trăm năm. Không may vì gần đây, Thượng hoàng mắc bệnh, kế thống không người thì nước ngả nghiêng, sai trẫm nhận tờ minh chiếu miễn cưỡng lên ngôi. Từ xưa đến nay, thật chưa có vậy. Than ôi trẫm là một vị nữ chúa, tài đức chẳng có, giúp giáp thiếu người, giặc cướp nổi lên như ong, sao nên cầm giữ mãi đồ thần là vật rất trọng... Nay trẫm suy đi nghĩ lại, chỉ được Trần Bồ là người văn chất rạng rỡ, có phong thể quân thần hiền hậu, dáng điệu khoan hoà, có tư cách thánh thần văn võ... Đêm ngày nghĩ mãi, xét nghiệm đã tường. Vậy, nay nên nhường ngôi lớn để yên uỷ lòng giới, để xứng toả bụng trẫm, ngõ hầu cùng lòng gắng sức, cùng giúp cơ đồ*

---

của nước để hưởng cái phúc thái bình. Bố cáo thiên hạ ai nấy đều biết"<sup>1</sup>.

Làm cuộc chính biến để thay đổi một triều đại đã có tám, chín đời vua nối dõi mà không đổ máu, không gây ra những đao binh lộn xộn, máu chảy đầy rơ trong một quốc gia đã chứng tỏ Thủ Độ là một nhà chính trị rất sáng suốt, lại tài ba khôn khéo. Ngay sau khi lên ngôi, vua Trần Thái Tông đã phong Trần Thủ Độ làm Quốc thượng phụ để giúp việc cai trị thiên hạ. Năm sau lại thăng Trần Thủ Độ làm Tướng quốc Thái sư nắm giữ luôn cả việc quân để đánh dẹp các thế lực nổi dậy chống đối. Ông đã hoàn thành trọng trách điều hành mọi công việc một cách có hiệu quả trong khi nhà vua chưa đầy chục tuổi, phàm công việc gì dù lớn hay nhỏ ông đều để ý tới.

*Đại Việt sử ký toàn thư* chép như sau: "Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng tài trí hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ vào mưu sức của ông cả, vì thế ông được Nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua. Bấy giờ có kẻ đàm hặc ông, vào gặp vua Thái Tông, khóc mà nói rằng: "Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao?". Thái Tông lập tức lệnh cho xe ngựa đến dinh Thủ Độ, bắt cả người đàm hặc ấy đem theo và kể hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời rằng: "Quả có đúng như những lời hắn nói thật"<sup>2</sup> song đem tiền lụa mà thưởng cho".

---

1. Trúc Khê, *Danh nhân truyện ký*, Nxb Hà Nội, H. 1998, tr. 32.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ q. 5, tờ 29a.

Lại do nǎm vũng tình hình thù trong, giặc ngoài mà nǎm Canh Dần (1230), ông đã giúp vua ban *Quốc triều thống chế* (gồm 20 quyền) để tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến tập quyền cho vương triều Trần. Từ đó các quy chế hành chính và các cơ quan chuyên môn được lập ra để quản lý đất nước. Năm Nhâm Dần (1242), xét về khu vực hành chính đã gộp 24 lộ (thời Lý) vào thành 12 lộ, Thái sư thân chinh đi kinh lý để thị sát khắp mọi miền, duyệt hộ khẩu trong cả nước. Vương triều Trần nhờ có Thái sư mà ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Chuyện kể rằng: vợ ông là Trần Thị Dung cậy chồng làm Thái sư cứ đàng hoàng ngồi kiệu đi qua thềm cấm của vua, nên đã bị người lính quân hiệu ngăn lại. Khi về dinh khóc kể với Thủ Độ rằng: "Mụ này làm vợ ông mà bị bọn quân hiệu khinh nhòn đến thế?". Thủ Độ tức giận liền sai người đi bắt tên lính quân hiệu kia. Người quân hiệu nghĩ rằng mình chắc là phải chết. Đến nơi Thủ Độ vẫn hỏi trước mặt Linh Từ phu nhân, người quân hiệu cứ theo sự thực mà trả lời. Thủ Độ nói: "Người chức thấp mà giữ được luật pháp thì ta còn trách gì được nữa". Nói xong, đem vàng, lụa thưởng cho<sup>1</sup>. Vào năm 1242, có lần Thủ Độ đi duyệt hộ khẩu, bà Quốc mẫu xin riêng cho một người được làm chức Câu đương (một chức sắc nhỏ trong hương thôn). Thủ Độ gật đầu rồi ghi rõ họ tên, quê quán người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, liền hỏi tên nọ ở đâu, người đó mừng rỡ chạy ra. Thủ Độ bảo hắn:

---

1. Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, tập 3, Nxb Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 6 - 7.

"Người vì có công chúa xin cho được làm Câu đương, không thể như những Câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác!". Người đó van xin mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm Thủ Độ vì việc riêng nữa. Lại có lần, vua Trần Thái Tông muốn cho An Quốc là anh trai của Thủ Độ làm Tể tướng. Thủ Độ đã tâu rằng: "An Quốc là anh thần, nếu cho là giỏi hơn thần thì thần xin trích sỉ, còn nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu hai anh em đều làm Tể tướng cả, thì việc triều đình sẽ ra sao?"<sup>1</sup>, vua bèn thôi.

Thái sư có nhiều kế sách giúp vương triều ngày một cường thịnh. Ngoài biên ải thì ổn định được biên giới ở phía nam với Chiêm Thành và Chân Lạp. Còn về phía bắc thì giữ hoà hiếu và nhận thụ phong của nhà Tống song vẫn giữ vững bờ cõi biên cương.

Quân Mông Cổ sau khi đánh Nam Tống đã lập ra đế quốc Nguyên - Mông rộng lớn từ Á sang Âu trực tiếp đe doạ nền độc lập của Nhà nước Đại Việt. Cả nước được lệnh sắm sửa vũ khí sẵn sàng chiến đấu. Thế rồi tháng Chạp năm Đinh Ty (1257) quân Nguyên lấy cớ vua Trần bắt giam sứ giả, đã đem quân sang xâm chiếm nước ta. Vua Trần cắt quân ra biên giới phòng thủ, nhà vua cũng thân chinh ra lập phòng tuyến ở Bình Lệ Nguyên để chống giặc. Sau một trận chiến đấu vô cùng ác liệt, quân ta rút về Phủ Lỗ lập phòng tuyến mới ở bờ nam sông Cà Lồ. Do lực lượng vượt trội: quân đông tướng

---

1. Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giao thoại*, tập 3, Sđd, tr. 6-7.

nhiều, quân giặc lại vượt được sông, vua Trần phải lui quân về Thăng Long để thực hiện kế sách "vườn không nhà trống". Thái sư đã đưa triều đình tạm lui về Thiên Mạc. Quân Nguyên chiếm được kinh thành Thăng Long không một bóng người.

Trong tình thế đó, một số tướng lĩnh có phần hoang mang lo ngại. Vua Thái Tông đi thuyền ngự đến chỗ thuyền của Thái úy Trần Nhật Hiệu (Hạo) hỏi kế đánh giặc. Nhật Hiệu ngồi dựa mạn thuyền chấm ngón tay xuống nước viết thành hai chữ "Nhập Tống" nghĩa là xin nhập vào nước Tống để cầu quân nhà Tống bảo vệ che chở. Khi vua hỏi: "Quân Tinh Cương đâu?" (quân bản bộ của Thái úy Nhật Hiệu) thì ông ta trả lời: "Thần gọi chúng không đến".

Vua xuôi thuyền đến chỗ Thái sư Trần Thủ Độ. Vua lại hỏi Thái sư về kế sách giữ nước. Thái sư bình tĩnh trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo".

Trước sự quả quyết đầy tự tin của vị Tướng quốc Thái sư già (lúc này Thủ Độ đã 64 tuổi), vua Trần mới thấy an tâm quay về thuyền ngự.

Ngày 24 tháng Chạp năm Nguyên Phong thứ 7 (1257), theo kế hoạch của Thái sư, vua Trần Thái Tông và Hoàng tử Hoảng ngự lâu thuyền chỉ huy đoàn quân ngược dòng Thiên Mạc đánh tan quân giặc tại Đông Bộ Đầu (đoạn sông Hồng khoảng phố Hàng Than). Quân Nguyên chạy tháo thân lên biên giới. Tết Nguyên đán năm Mậu Ngọ (1258), quân dân nhà Trần lại tung bừng đón xuân tại kinh thành Thăng Long, ghi một dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử dựng nước, giữ nước

của dân tộc Việt Nam, trong đó có công lao của Thái sư Thống quốc Trần Thủ Độ.

Suốt cả cuộc đời Thái sư luôn gắn bó với vương triều, dòng họ và quê hương. Ở những thời điểm khác nhau, Thái sư luôn tìm ra quyết sách cho vương triều để vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Ngay từ những ngày đầu của vương triều Trần, ông đã chiêu dân phiêu tán về lập làng Lựu Phố rồi lập dinh thự để tiện đi lại bày mưu tính kế với vua Trần ở Tức Mặc. Tại đền Lựu Phố (xã Mỹ Trung, Mỹ Lộc) nay vẫn treo tấm hoành phi sơn son thếp vàng, với bài thơ khắc chữ Hán:

### 皇叔祠

李朝此日是魚洲  
榴園前名蓼葉丘  
皇叔初來成邑里  
人多盛達賴王

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

#### *Hoàng thúc từ*

*Lý triều thủ nhật thị ngư châu  
Lựu Phố tiền danh Liêu Diệp khâu  
Hoàng thúc<sup>1</sup> sơ lai thành áp lý  
Nhân đa thịnh đạt lại vương hầu*

---

1. Hoàng thúc tức chú của vua: chỉ Trần Thủ Độ.

DỊCH THO:

### ***Đền Hoàng thúc***

Lý triều bãi cá đất cồn hoang  
Hoàng thúc đến đây đã dựng làng  
Gò Liễu Diệp nay thành Lựu Phố  
Thịnh vượng dần do đức Hầu vương

Vào thời Trần (1262), Túc Mặc được nâng lên thành phủ Thiên Trường. Nơi đây có dòng sông Vĩnh Giang chảy qua, hai bên bờ sông là những hàng liễu rủ bóng xanh mát với những vườn quýt đỏ, cam vàng, hồng, na, nhãn, bưởi, cây trái sum suê giữa một vùng ruộng đồng phì nhiêu, sông ngòi uốn khúc và đền đài cung điện nguy nga.

Thái sư Trần Thủ Độ qua đời vào tháng Giêng năm Giáp Tý (1264) thọ bảy mươi mốt tuổi. Theo Lê Quý Đôn (*Kiến văn tiểu lục*): "Thủ Độ sau khi chết chôn ở địa phận xã Phù Ngự, huyện Ngự Thiện, nơi để mả có hổ đá, dơi đá, chim đá và bình phong bằng đá, chỗ đất ấy rộng đến hai mẫu, cây cối um tùm. Về tự điển, trước vẫn liệt vào hạng thượng đẳng...".

Vua Trần Thánh Tông truy tặng ông là Thống quốc Thái sư Trung Vũ Đại vương, xây đền thờ, ban lễ quốc tế. Thái sư qua đời nhưng ông đã đào tạo cho vương triều Trần một lớp tướng lĩnh văn võ song toàn, làm nền tảng cho việc đại phá quân Nguyên - Mông của nhà nước Đại Việt. Sau này nhiều miếu quê trên đất Việt đã lập đền thờ Thượng phụ Thái sư Trần Thủ Độ.

## THƯỢNG TƯỚNG THÁI SƯ TRẦN QUANG KHẢI

Trần Quang Khải (1241-1294) sinh tháng 10 năm Tân Sửu, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 10 (1241), quê Tức Mặc, Thiên Trường (nay là thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định). Ông là hoàng tử thứ ba con vua Trần Thái Tông và Công chúa Thuận Thiên.

Lúc mới sinh, hoàng tử mắc chứng bệnh hiễm nghèo lên cơn co giật. Hoàng đế Thái Tông hay tin dữ đã chạy đến nhìn đứa con trai mà vẻ thông minh dĩnh ngộ sớm hiện ra trên khuôn mặt khiến nhà vua nghĩ đến một tên gọi với ánh sáng của vàng thái dương để đặt tên cho hoàng tử. Vua Trần đã lấy tấm áo gấm của hoàng thượng dứt trước mặt hoàng tử, rồi không ngần ngại tháo luôn thanh gươm báu bên người và bảo: Nếu sống lại thì sẽ ban cho. Thật không ngờ, chú bé tướng sắp bỏ đi bỗng hồi tỉnh, sau khi thuốc thang, hoàng tử trở lại bình thường.

Khi hoàng tử lên bảy tuổi thì triều đình mở khoa thi Đinh Mùi (1247). Đây là một khoa thi rất lạ, kết quả khoa thi hết sức đặc biệt mà một nghìn năm khoa

cử Nho giáo Việt Nam không lặp lại, bởi đứng đầu Tam khôi lần này là Trạng nguyên Nguyễn Hiền mới mươi ba tuổi, thứ đến Thám hoa Đặng Ma La mươi bốn tuổi, rồi mới đến Bảng nhãn Lê Văn Hưu mươi bảy tuổi. Vua Thánh Tông giữ Bảng nhãn Lê Văn Hưu (1230-1322) ở lại trong cung làm môn khách để dạy cho hoàng tử học hành kinh sách. Thế là từ nhỏ Quang Khải đã được thầy giỏi kèm cặp dạy dỗ. Trần Quang Khải tỏ ra là một người có tư chất thông minh, ham hiểu biết, có chí khí.

Sau mươi năm dùi mài kinh sử, Quang Khải đã có học vấn uyên thâm, văn võ tinh thông. Chính vào thời điểm đó (1258) quân Nguyên đã chiếm được một vùng lãnh thổ rộng lớn từ Á sang Âu rồi tràn xuống phía nam chiếm đất Đại Lý (nay thuộc Vân Nam - Trung Quốc). Vó ngựa của Đại Hãn Ngột Lương Hợp Thai theo sông Hồng tràn vào nước ta. Vua Trần cùng các tướng lĩnh và quân dân Đại Việt đã chặn đánh giặc trên đất Hưng Hoá. Trận giao chiến ở Bình Lệ Nguyên không cân sức, nhưng cũng gây cho quân Mông Cổ nhiều thiệt hại. Để bảo toàn lực lượng cho cuộc kháng chiến, quân ta tạm rút lui. Giặc tiến vào Thăng Long chiếm được thành bở không. Đó là kế sách "tiêu thổ kháng chiến" của người Việt Nam luôn được áp dụng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Sau khi củng cố lực lượng, quân ta đã đánh cho giặc một đòn sấm sét ở Đông Bộ Đầu, buộc giặc Mông Cổ phải tháo chạy khỏi Thăng Long. Tuy chưa được cầm quân đánh giặc, nhưng Trần Quang Khải đã có thêm nhận thức về mọi mặt trong việc quân, việc nước.

Sau khi đánh tan quân xâm lược, vua Trần Thái Tông đã truyền ngôi cho Hoàng tử Hoảng. Trần Hoảng lên ngôi vua lấy hiệu là Thánh Tông hoàng đế. Đến tháng 11 năm 1258, Thánh Tông phong cho Quang Khải tước Chiêu Minh Đại vương, lúc đó hoàng tử ở tuổi mươi bảy. Ba năm sau (1261) Trần Quang Khải được phong Thái úy. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì: "*Bấy giờ anh vua là Trần Quốc Khang tuổi lớn hơn, nhưng tài năng bình thường nên mới phong Quang Khải làm tướng*"<sup>1</sup>. Việc Quang Khải được giữ trọng trách triều chính đã khẳng định tài năng thực sự của ông. Nếu không có tài năng và đạo đức thì dù là anh vua cũng khó mà được giao trọng trách như Trần Quang Khải.

Năm 1265, Trần Quang Khải được cử vào trấn Nghệ An, vùng Hoan Diễn vốn từ xưa đã được coi là cứ địa trọng yếu. Việc này chứng tỏ vua Trần đã biết chọn người để giao trọng trách. Cũng chính từ vùng đất Hoan Diễn mà sự nghiệp và tài năng cầm quân giữ nước của Trần Quang Khải bắt đầu. Qua hoạt động ở đất Hoan Diễn, tài năng của Quang Khải ngày một phát triển. Sử Việt còn ghi, vào tháng 4 năm Bính Dần (1266) triều đình mở khoa thi để chọn Tam Khôi. Trong kỳ thi này người đất Nghệ An có Bạch Liên đỗ Trạng nguyên. Bạch Liên là người thông tuệ uyên bác, đọc hàng trăm trang sách chỉ qua một lần là nhớ hết.

---

1. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1993, tr. 32.

Nhưng Bạch Liên không chịu ra làm quan mà về quê ở ẩn. Quang Khải đã trân trọng mời Bạch Liên vào dinh làm môn khách, hai người thường đàm đạo với nhau rất tâm đắc. Ở vùng núi Nghệ An có nhiều dân tộc ít người sinh sống, Quang Khải đã tiếp xúc với nhiều tộc người ở địa phương, tìm hiểu cách sinh hoạt, phong tục tập quán và ngôn ngữ của họ, nhờ thế ông biết nói tiếng dân tộc và được dân chúng mến mộ. Tháng 3 năm Tân Mùi (1271), Trần Quang Khải được vua phong là Tướng quốc Thái úy, được vể kinh nắm giữ trọng trách triều chính. Lúc đó trong nước mất mùa, xảy ra đói kém, vùng biên giới phía Nam các phiên trấn nổi loạn, bên ngoài thì ngoại xâm lăm le đe dọa, vua Trần Thánh Tông quyết thân chinh đem quân đi đánh dẹp ở vùng biên giới phía Nam để diệt trừ hiểm họa, chọn Trần Quang Khải đi theo để giúp việc ổn định vùng châu Bố Chính (Quảng Bình - Quảng Trị ngày nay).

Năm 1278, vua Trần Thánh Tông nhường ngôi cho con là Thái tử Khâm. Trần Khâm lên ngôi lấy hiệu là Nhân Tông hoàng đế giữa lúc Hốt Tất Liệt đã diệt xong nhà Nam Tống, hình thành đế quốc Nguyên - Mông rộng lớn. Lúc này quan hệ bang giao giữa Đại Việt và nhà Nguyên ngày một xấu dần do quân Nguyên muốn nhanh chóng thôn tính Đại Việt.

Mượn cớ vua Trần lên ngôi không sang chầu, tháng 9 năm 1278 Hốt Tất Liệt cử một sứ bộ gồm bốn viên đại quan, vừa Hán vừa Mông Cổ do Sài Thung (Xuân) Thượng thư bộ Lễ làm Chánh sứ sang Đại Việt để răn

đe và nắm tình hình chuẩn bị cho công cuộc đánh chiếm. Tháng 12 năm 1278, sứ bộ nhà Nguyên đến trại Vĩnh Bình. Triều đình nhà Trần muốn giữ hoà hiếu đã cho viên quan Đỗ Quốc Kế lên tận biên giới để đón Sài Thung, cử Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải ra tận bờ sông Hồng đón tiếp, đưa sứ bộ về sứ quan. Trong buổi đón tiếp, Sài Thung đọc chiếu của vua Nguyên - Hốt Tất Liệt. Lời lẽ chiếu thư rất trich thượng, đòi vua Trần đích thân sang chầu. Khi vua Trần đặt tiệc ở hành lang cung điện thì Sài Thung không đến dự. Để giữ hoà khí, vua Trần đã tổ chức tiệc ở điện Tập Hiền. Nhà vua tin tưởng đã giao việc tiếp sứ bộ nhà Nguyên cho Trần Quang Khải. Trước một Sài Thung mưu mô xảo quyết và hách dịch, nhưng bằng lời lẽ mềm dẻo, thái độ ứng xử khôn khéo, Quang Khải đã từng bước bác bỏ được nhiều yêu sách ngang ngược của sứ thần nhà Nguyên, làm cho Sài Thung không thể bắt bẻ, tìm cớ gây hấn với Đại Việt một cách dễ dàng. Vua Trần muốn kéo dài thời gian hoà hoãn, nên đã cho người chú họ là Trần Di Ái cùng một số quan chức thay mặt vua sang chầu nhà Nguyên. Phái bộ Sài Thung muốn bắt vua Trần sang chầu để giữ làm con tin, hòng khống chế nhà Trần nhưng không được, đành hậm hực bỏ về. Trần Quang Khải đã tổ chức tiễn đưa trọng thể để giữ bang giao. Ông đã làm thơ tặng sứ bộ nhà Thanh:

Cảm chúc tứ hiền quân phiếm ái

Hảo vi dục noãn Việt thường sinh

(Dám mong bốn ông bạn hiền có lòng yêu mến rộng rãi. Hãy vì thương sinh linh nước Việt mà che chở).

Riêng với chánh sứ Sài Thung, ông đã làm một bài thơ để tặng:

### 送北使柴莊卿

送君歸去獨徯徨  
馬首驥驥指帝響  
南北心旌懸反旆  
主賓道味泛離觴  
一談笑頃嗟分袂  
共唱酬間惜對床  
未審何時重睹面  
殷懃握手敘暄涼

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

#### *Tống Bắc sứ Sài Trang Khanh*

*Tống quân quy khứ độc bàng hoàng  
Mã thủ xâm xâm chỉ đế hướng  
Nam, Bắc tâm tình huyền phàn bái  
Chủ, tân đạo vị phiếm ly tràng  
Nhất đàm tiêu cảnh ta phân duệ  
Cộng xướng thù gian tịch đối sàng  
Vị thẩm hà thời trùng dịch diện  
Ân cần ác thủ tự huyền lương*

DỊCH THƠ:

Ông về tôi tiễn dạ không yên  
Hướng cũ xăm xăm ngựa ruồi liên  
Nam, Bắc tin theo cờ sứ cuốn  
Khách - nhả ly biệt rượu đầy thêm  
Nói cười chốc đã chia đôi ngả  
Xướng họa giường kê trống một bên  
Chẳng biết bao giờ còn gặp lại  
Cầm tay trao đổi chuyện hàn huyên.

Sau thất bại lần đầu, năm Tân Ty niên hiệu Thiệu Bảo thứ 3 (1281), vua Nguyên lại cử Sài Thung sang Đại Việt lần thứ hai. Mượn cớ vua Trần không sang châu, vua Nguyên đã phong cho Trần Di Ái làm "An Nam quốc vương", cử Sài Thung làm "An Nam tuyên uý đô nguyên suý", lập ra "An Nam tuyên uý ty", rồi đem một nghìn quân (*Đại Việt sử ký toàn thư* chép năm nghìn quân) hộ tống Trần Di Ái về nước. Trong chiếu thư gửi vua Trần, vua Nguyên viết: "*Ta cho sứ sang vời, thì người lại kiếm cớ không đi, chỉ sai chú là Trần Di Ái vào châu. Ta cũng định cử quân sang đánh, nhưng vì người nội phụng và cống hiến đã lâu lắm rồi, có lẽ nào mà bắt chước kẻ vô tri để hại uổng tinh mệnh dân chúng...*"

*Vậy người đã cáo bệnh không vào châu, ta cho người được nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng luôn! Ta đã lập chú người là Di Ái thay người làm vua nước Nam, coi trị dân chúng của người"*<sup>1</sup>.

---

1. Nguyên dẫn trong *An Nam chí lược*.

Trước âm mưu thâm độc của quân thù, nhà vua nhận thấy Quang Khải là người có khả năng ứng phó nên đã giao trọng trách ngoại giao cho ông để toàn quyền đối phó với Sài Thung. Trần Quang Khải đã tìm được kế sách ứng phó. Khi biết tin Sài Thung hộ tống Di Ái tới biên giới, ông cho quân phòng vệ cài trang thành đủ các hạng bách tính, bất ngờ đánh úp đội quân hộ tống Di Ái vào lúc chúng vừa hạ trại ở biên giới. Cuộc xung xát nổ ra trong đêm tối làm tan rã đội quân vừa chân ướt, chân ráo tới hạ trại ở vùng địa đầu đất Việt mà vẫn không phạm tới "Tuyên uý ty" của Sài Thung.

Không bắt được Trần Di Ái, nhưng trong đám loạn thây của giặc cũng không tìm thấy thi hài Di Ái. Bọn giặc tập hợp lại, Sài Thung không dám bỏ về để hứng chịu tai ương hỏng việc, cố tìm cách vớt vát nên đã mò tới Thăng Long. Trần Quang Khải chuẩn bị đón tiếp, nhưng Sài Thung cứ dông ngựa thẳng tới cửa Dương Minh, dùng roi ngựa đánh lính canh, rồi phóng ngựa thẳng tới sân điện Tập Hiền, nhưng ở đó không có ai, y đành nghênh ngáo ở thềm điện.

Trước những biện pháp vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn của Quang Khải, tướng giặc Sài Thung đành hậm hực lui về sứ quán. Trần Quang Khải lại đến tận sứ quán để tiếp, làm cho sứ Nguyễn lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Hai lần thất bại trước vua tôi nhà Trần trong việc thực hiện âm mưu thâm độc thôn tính Đại Việt đã làm cho vua Nguyên rất tức giận. Quan hệ bang giao giữa Đại Việt và nhà Nguyên đã đến lúc không thể hoà hoãn được nữa.

Biết không thể tránh được cuộc chiến tranh xâm lược của quân Nguyên, để tránh sự nhòm ngó của sứ bộ nhà Nguyên, vua tôi nhà Trần cùng các tướng lĩnh đã ra Bình Than (Hải Dương) họp hội nghị quân sự vào tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1282) để bàn quyết sách chống xâm lược.

Do tài năng và những công lao của Trần Quang Khải trong việc kéo dài thời gian hoà hoãn, tạo thêm điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, nhà vua đã phong cho Trần Quang Khải chức Thượng tướng Thái sư là người đứng đầu triều nắm giữ binh quyền văn võ Đại Việt.

Trong hoàng tộc nhà Trần, giữa hai nhân tài Trần Quang Khải và Trần Quốc Tuấn, từ trước đã có mối bất hoà, nhưng nay trước nguy cơ mất nước, hai ông đã chủ động xoá bỏ hiềm khích, bỏ qua những xích mích riêng tư, đặt lợi ích đất nước lên trên tình cảm gia đình. Tháng 10 năm 1283, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải chủ động tâu trình nhà vua trao quyền chỉ huy quân đội cho Trần Quốc Tuấn. Vua Trần đã phong Quốc công tiết chế cho Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn để thống lĩnh quân dân Đại Việt.

Tháng 12 năm 1284, vua Nguyên Hốt Tất Liệt đã lệnh cho Thái tử Thoát Hoan đưa quân sang đánh chiếm Đại Việt. Vua Nguyên gửi chiếu thư đòi hành quân qua Đại Việt để đánh Chiêm Thành, bắt ta phải cung cấp quân lính, vũ khí và lương thực. Vua Trần đã từ chối, nên đầu năm 1285, năm mươi vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy đã chia làm hai cánh

vượt qua biên giới, tiến đánh Đại Việt, mượn cớ vì Đại Việt không cho mượn đường. Quân của Toa Đô vượt biển đánh Chiêm Thành cũng được lệnh đánh thọc vào nước ta từ phía nam. Quân giặc hình thành thế gọng kìm, kẹp quân ta vào giữa. Thái sư Trần Quang Khải nhận được lệnh hành quân vào Nghệ An, thì Toa Đô đã đánh ra Nghệ An. Trước thế giặc quá mạnh, Trần Kiện con Trần Quốc Khang hèn nhát hoảng hốt đã ra đầu hàng giặc.

Ngày 7 tháng 5 năm 1285, khi Toa Đô tiến ra Thanh Hoá thì Trần Quang Khải được Phạm Ngũ Lão giúp sức đã chặn được bước tiến của giặc. Ông đã đánh lui quân của Toa Đô và Ô Mã Nhi khiến cho chúng muốn rút ra biển cũng không xong mà tiến ra Bắc cũng không được, đành đóng quân ở Trường Yên. Sau khi chặn được quân địch ở các hướng, nhận thấy thời cơ đã đến, Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn đã tổ chức tấn công. Quân ta từ Thanh Hoá vượt ra biển qua các điểm đóng chốt của Toa Đô tiến ra tấn công phòng tuyến phía bắc của Thoát Hoan ở sông Hồng.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ huy quân đánh chiếm A Lỗ thắng lớn làm cho quân Nguyên mất hết nhuệ khí. Tiếp theo, Trần Nhật Duật lập chiến công ở cửa Hàm Tử (nay thuộc đất Khoái Châu - Hưng Yên). Rồi tiếp đến cuộc tấn công vào căn cứ ở bến Chương Dương do Trần Quang Khải chỉ huy đã làm cho quân giặc rụng rời khiếp vía. Đây là trận thắng lớn tạo thế cho quân ta ở các nơi tiến về giải phóng Thăng Long quét sạch quân xâm lược. Toa Đô bị tử

trận, Thoát Hoan phải chui vào ống đồng trốn lên biên giới. Thái sư Trần Quang Khải, Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn đón vua trở về kinh thành Thăng Long. Cảm kích trước chiến thắng của dân tộc, Trần Quang Khải đã làm bài thơ "*Tụng giá hoàn kinh sư*" rất nổi tiếng:

### 從駕還京師

奪 梢 章 陽 渡  
擒 胡 鹹 子 關  
太 平 須 努 力  
萬 古 此 江 山

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tụng giá hoàn kinh sư*  
*Đoạt sáo Chương Dương đô*  
*Cầm hồ Hàm Tử quan*  
*Thái bình tu nỗ lực*  
*Vạn cổ thủ giang san*

DỊCH THƠ:

Chương Dương cướp giáo giặc  
Hàm Tử bắt quân thù  
Thái bình nên gắng sức  
Non nước ấy nghìn thu.

Đúng như dự đoán, ba năm sau đại thắng lần thứ hai, năm 1288, ba mươi vạn quân Nguyên do bại tướng Thoát Hoan cầm đầu lại tiến đánh Đại Việt. Thái sư Trần Quang Khải không những lo bảo vệ nhà vua và hoàng tộc mà còn là một tể tướng có tài điều binh khiển tướng. Ông cũng nhiều lần cầm quân giáp trận, góp nhiều công sức vào trận quyết thắng vẻ vang đầy hào khí trên sông Bạch Đằng (1288).

Sau khi đất nước sạch bóng quân thù, Trần Quang Khải vẫn tận tụy phò vua giúp nước. Ông là một đại thần thanh liêm cương trực, một nhà chính trị lỗi lạc, một nhà ngoại giao tài tình, một võ tướng anh dũng hiển hách. Đánh giá công lao của ông, sách *Việt sử thông giám cương mục* viết: "Quang Khải lúc thì làm tướng võ, khi thì làm tướng văn giúp cho đế nghiệp nhà Trần, uy danh sánh với Quốc Tuấn. Ông cũng là một thi sĩ, ông đã để lại tập *Lạc đạo*"<sup>1</sup>.

Thơ Trần Quang Khải không chỉ ghi lại cảm xúc mà còn nói lên những suy nghĩ của một người suốt đời vì dân vì nước. Một lần trở lại bến đò Lưu Gia (thuộc làng Lưu Xá, huyện Hưng Nhân (nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), Trần Quang Khải đã hồi tưởng lại lần phò giá vua Trần qua đây bằng một bài thơ.

---

1. Nguyễn Khắc Thuần, *Danh tướng Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, H. 1997.

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

## 劉家渡

劉家渡口樹參天  
扈從東行昔泊船  
舊塔江亭秋水上  
荒祠古塚石麟前  
太平圖誌幾千里  
李代山河二百年  
詩客重來頭髮白  
梅花如雪照晴川

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

### *Lưu Gia độ<sup>1</sup>*

Lưu Gia độ khẩu thụ tham thiên  
Hồ tụng đông thành tích bạc thuyền  
Cử tháp giang đình thu thuỷ thương  
Hoang tử cổ trùng thạch câu tiên  
Thái bình đồ chí cơ thiên lý  
Lý đại sơn hà nhị bách niên  
Thi khách trùng lai đầu phất bạc  
Mai hoa như tuyết chiếu trần xuyên

---

1. Lưu Gia nơi xưa Hoàng tử Sảm chạy loạn gặp con gái nhà Trần Lý lấy làm vợ, nhờ thế họ Trần mới dấy lên cờ nghiệp.

DỊCH THƠ:

Lưu Gia xanh ngắt một trời cây  
Thuyền ngự xuôi dòng trước ghé đây  
Tháp cũ, đình xưa l่าน nước chiếu  
Đền hoang, mộ cổ, dãy lân bày  
Thái bình ngàn dặm cơ đồ rộng  
Lý đại hai trăm vận mệnh dài  
Trở lại khách thơ đầu đã bạc  
Trời xanh, nước gọn, bóng hoa mai

(Nhóm Lê Quý Đôn - dịch)

Khi ông tới Hưng Phúc ở Quảng Xương - Thanh Hoá, nơi đã diễn ra cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân do Lê Mạnh cầm đầu khiến cho tướng giặc Toa Đô phải đảo điên, ông đã cảm xúc đề thơ:

Phúc Hương ngòi nước chảy xanh xanh  
Vườn rộng phẳng phiu mây mău lành  
Tan tuyết, chòm mai hoa lấp lánh  
Cuốn mây, bụi trúc ngọc biếc xanh  
Nắng đến, mời khách pha trà nhấp  
Mưa tạnh, sai đồng dỡ thuốc nhanh  
Trông vọng về nam yên khói lửa  
Nằm khẽnh trên giường ngủ giấc lành

Trong bài "Xuân cảm" ông có những cảm xúc rất  
sảng khoái:

... Dũng khí ngày nào rãy vẫn có  
Quất ngang ngọn gió đọc thơ chơi!

Hay:

Tiêu khiển nay nhờ ba chén rượu  
Võ thanh gươm cũ nhớ xóm xưa

Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải mất ngày 3  
tháng 7 năm Giáp Ngọ (1294), hưởng thọ năm mươi tư tuổi.

Để tưởng nhớ công lao của ông, ở thái áp Độc Lập  
(nay thuộc xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc) đã lập đền  
thờ ông, phía trước có lăng của vợ ông - Phụng Dương  
công chúa. Hơn bảy trăm năm đã qua nhưng tên tuổi  
Trần Quang Khải vẫn không phai mờ mà còn vẹn mãi  
như vần thơ chiến thắng của ông đầy khí phách hào  
hùng trên đất Việt:

Đoạt sáo Chương Dương độ  
Cầm hồ Hàm Tử quan  
Thái bình tu nỗ lực  
Vạn cổ thủ giang san.

## THƯỢNG PHỤ THƯỢNG QUỐC THÁI SƯ TRẦN QUỐC TUẤN (12?? - 1300)

Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn là con An Sinh Vương Trần Liễu. Hưng Đạo Đại vương sinh khi nào hiện chưa có sử sách, tài liệu nào khẳng định, chỉ có ngày mất được ghi rõ là ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (1300).

*Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* viết: Lúc Quốc Tuấn mới sinh, có người xem tướng trông thấy nói rằng: "Người này mai sau có thể kinh bang tế thế được".

Quốc Tuấn lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, xem rộng các sách, văn võ toàn tài. Vì vợ của Trần Liễu đang có mang, bị Trần Thủ Độ ép lấy vua Thái Tông nên gia đình có hiềm khích với nhà vua. Bởi vậy, Trần Liễu đã đi khắp nơi tìm đến những người tài trí để dạy dỗ Quốc Tuấn. Đến khi lâm chung, Trần Liễu đã cầm tay Quốc Tuấn trăng trối lại rằng: "Con không vì cha mà lấy được thiên hạ thì cha dấu có chết cũng không nhắm mắt được".

Trong lòng Quốc Tuấn vẫn không cho lời nói ấy là phải. Thời gian qua đi, Quốc Tuấn đã thành một trang nam tử văn võ song toàn và cung mạnh mẽ trong tình yêu. Điều này đã được ghi trong chính sử:

Năm Tân Hợi (1251) vua Trần Thái Tông "Đem trưởng Công chúa Thiên Thành gả cho Trung Thành Vương (không rõ tên). Con trai Yên Sinh Vương là Quốc Tuấn cướp lấy công chúa về với Quốc Tuấn".

"... Quốc Tuấn muốn lấy Công chúa Thiên Thành nhưng không làm thế nào được, mới nhân ban đêm lén vào chỗ của công chúa..."; "... Vua bất đắc dĩ phải gả Công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn"<sup>1</sup>.

Quốc Tuấn lúc nào cũng là một thân vương đĩnh đạc tài ba thao lược, nên khi quân Mông Cổ sang xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257-1258), ông đã được vua Trần Thái Tông giao trọng trách chỉ huy quân lính ở mặt trận phía Bắc. Trước sự vượt trội về binh khí, lương thực của giặc, Quốc Tuấn đã tìm cách đánh nhằm tiêu hao sinh lực địch và bảo toàn lực lượng để rút về hội quân với triều đình, mở trận phản công lập nên chiến thắng lẫy lừng ở Đông Bộ Đầu. Nhờ đó buộc binh hùng tướng giỏi của Ngột Lương Hợp Thai phải rút khỏi Thăng Long chạy về bản quốc. Ngày Tết Nguyên đán năm Mậu Ngọ (1258), vua Thái Tông ở chính điện ban thưởng cho những người có công, Trần Quốc Tuấn cũng có mặt trong buổi lễ trọng thể này.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, H. 1998.

Lần thứ hai khi quân Nguyên xâm lược nước ta thì cuộc đấu tranh ngoại giao càng trở nên căng thẳng. Vua Nguyên Hốt Tất Liệt liên tiếp xuống chiếu bắt vua Trần phải sang chầu. Muốn kéo dài thời gian hoãn để ta có đủ cơ hội chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, vua Trần sai chú họ là Trần Di Ái thay mình sang chầu vua Nguyên. Vua Nguyên đã chớp lấy thời cơ đó phong cho Di Ái làm An Nam quốc vương, sai Sài Thung (Xuân) đem một nghìn quân đi hộ tống Di Ái về nước. Khi vừa tới biên giới hạ trại thì bất ngờ bị quân ta đánh úp, nhưng không chạm tới "Tuyên uý ty" của Sài Thung. Không biết Di Ái chết hay chạy thoát, Sài Thung cũng không dám quay về, mà cứ ngạo mạn vô lễ đong ngựa thẳng tới cửa Dương Minh. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Sài Thung dùng roi ngựa quất chúng bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chǎng đầy màn trường, hắn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp, Sài Thung nằm khẽn không ra. Quang Khải vào hắn trong phòng, hắn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nghe thấy, tâu xin đến sứ quán xem Thung làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi thẳng vào phòng, Sài Thung đứng dậy vái chào và mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, bởi cứ ngỡ người gọt tóc, mặc áo vải này là nhà sư phương Bắc. Ông ngồi xuống pha trà cùng uống với hắn. Sau người hầu của Sài Thung nhận ra ông, cầm mũi tên nhọn chọc vào đầu Quốc Tuấn đến chảy máu nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi về Sài Thung

ra tận cửa tiễn ông. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 5 bản kỷ tờ, 41).

Trần Quốc Tuấn rất được nhà vua và triều đình tin cậy. Tại hội nghị các tướng lĩnh nhà Trần ở Bình Than (tháng 10 năm 1282), trong cuộc họp bàn, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện tài thao lược qua "Dī đoán chế trường" nên càng được nhà vua và các trọng thần tin tưởng. Tháng 10 năm Quý Mùi (1283), chính Thái sư Trần Quang Khải đã chủ động đề xuất để nhà vua trao cho Trần Quốc Tuấn chức Quốc công Tiết chế thống lĩnh toàn bộ quân đội của vương triều.

Phủ đệ Vạn Kiếp của Quốc Tuấn được ông xây dựng thành căn cứ cho cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông, bởi vì Vạn Kiếp liền kề với sáu dòng sông gồm sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình. Vạn Kiếp là nơi có thể tập kết hàng trăm thuyền chiến, hàng vạn quân thủy bộ, tiến thoái đều thuận tiện. Chính nơi đây là địa điểm tập kết của quân Trần trong trận phản công chiến lược nhằm giải phóng đất nước.

Ngoài Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn còn củng cố mở rộng cung Trần Vương Lưu Đồn thuộc đất phủ Long Hưng (nay thuộc xã Hồng Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ hai, khi các vua Trần rút khỏi Thăng Long chạy ra biển rồi lui về đảo Phượng Hoàng trong căn cứ Trần cung Lưu Đồn, Hưng Đạo Vương đã làm lễ xuất quân tiến đánh trận A Lỗ - trận mở màn lịch sử cho cuộc tổng tấn công của quân dân nhà Trần

trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ hai.

Trần Hưng Đạo không những có tài thao lược trong chống quân xâm lược mà ông còn rất cẩn trọng trong cách ứng xử vua tôi một lòng, triều đình một dạ. Chuyện kể rằng:

Một hôm Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp tới, Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày mới về. Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm nước thơm, từng đùa bảo Quang Khải: "Mình mẩy cáu bẩn xin tắm giùm" rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho và nói: "Hôm nay được tắm cho Thượng tướng". Từ đó tình nghĩa qua lại giữa hai người càng thêm mặn mà. Trong kháng chiến khi xa giá nhà vua xiêu dạt, Quốc Tuấn thường dùng cây gậy bịt đầu sắt nhọn để chống khi đi theo vua. Vua và quần thần thấy Quốc Tuấn là bậc kỳ tài, lại có mối hiềm khích của Yên Sinh Vương nên có ý lo ngại. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vứt đi chỉ chống gậy không. Những việc làm như thế đã làm tan đi mối nghi ngờ của mọi người. Gặp lúc thế giặc còn quá mạnh, triều đình phải rút vào Thanh Hoá, vua Nhân Tông lo lắng bàn với Quốc Tuấn: "Hay ta tạm hàng để cứu muôn dân". Trần Quốc Tuấn khẳng khái trả lời: "Nếu bệ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu thần đi đã".

Trong phủ đệ của Quốc Tuấn có nhiều môn khách giỏi như Trần Thị Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Ngô Sĩ Thường,... Họ là những người nổi tiếng trong

chính sự và văn chương thời Trần. Phạm Ngũ Lão lúc đầu là một gia tướng, nhưng Vương sớm nhận ra Ngũ Lão là một người tài đã đem con gái nuôi là Anh Nguyên gả cho. Ngũ Lão được phong là Thân vệ Đại tướng quân. Sau vua Minh Tông còn phong cho Điện suý Ngũ Lão tước quan Nội hầu.

Các gia tướng của Hưng Đạo như Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô,... đều được sử sách và người đời ghi nhận. Chuyện kể khi quân Nguyên ồ ạt kéo đến xâm lược nước ta lần thứ hai, Trần Quốc Tuấn dùng thuyền, có hai gia nô của ông là Yết Kiêu và Dã Tượng cùng đi đến Bãi Tân. Ông sai Yết Kiêu ở lại giữ thuyền, còn Dã Tượng thì đi theo hộ vệ. Quân của Hưng Đạo ít không sao cản nổi bước tiến như vũ bão của giặc, trở lại thì nguy hiểm nên ông định theo đường núi mà rút lui. Dã Tượng thấy vậy liền thưa: "Yết Kiêu mà chưa thấy Đại Vương thì nhất định không rời thuyền". Trở lại Bãi Tân, quả thấy Yết Kiêu đang cầm sào đợi, bất chấp mọi nguy hiểm có thể xảy ra. Vừa mừng vừa cảm động, Quốc Tuấn nói: "Chim hồng hộc muốn bay cao tất phải nhò sáu trụ xương cánh. Nếu không có sáu trụ xương cánh ấy thì cũng chỉ như chim thường mà thôi". Nói xong liền lên thuyền mà đi, giặc không sao đuổi kịp. Có được lòng trung thành của gia tướng là do Quốc Tuấn luôn thương yêu và đối xử với họ như cha với con.

Sau hai lần thất bại, vua Nguyên lại ráo riết cho cuộc đánh chiếm Đại Việt lần thứ ba. Lần này ngoài bộ binh, kỵ binh, chúng tăng cường thêm thuỷ binh

cùng đoàn thuyền chở lương thực, vũ khí do đại tướng Trương Văn Hổ chỉ huy tiến vào theo đường biển.

Tháng Chạp năm Đinh Hợi (1287), quân Nguyên từ ba hướng tiến đánh nước ta, thế giặc rất mạnh, vua Nhân Tông hỏi Quốc Tuấn: "Thế giặc năm nay thế nào?", Quốc Tuấn trả lời: "Nếu quân giặc lại sang thì quân ta quen đánh trận mà chúng thì sợ đi xa, và lại địch bị cái thất bại của Hằng, Quán (hai tướng Nguyên bị quân ta đánh lần trước) đe dọa không còn ý chí chiến đấu. Cứ ý thần xem thì tất đánh tan được".

Khi quân Nguyên kéo vào biên giới, Trần Quốc Tuấn lại nhận định: "Năm nay coi thế giặc nhàn". Lần này, ngoài hai mũi tiến quân bằng đường bộ từ Quảng Tây và Vân Nam, giặc còn thêm một mũi bằng đường thuỷ từ biển tiến vào theo sông Bạch Đằng. Quốc công Tiết chế đã cho quân dân ngày đêm quấy phá các vị trí đồn trú của giặc, làm cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên, lâm vào cảnh thiếu lương thực, đành cố thủ chờ tiếp viện lương. Trong khi đó đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ tới Hạ Long lại bị Trần Khánh Dư mai phục đánh tan ở Vân Đồn (Quảng Ninh). Giặc lâm vào thế bị động, lúng túng, hoang mang. Thoát Hoan quyết định cho quân theo hai đường thuỷ, bộ rút về nước. Quốc Tuấn đã dự đoán trước được thế trận nên chia quân đi mai phục các đường mà quân Nguyên có thể rút về nước. Tháng 3 năm Mậu Tý (1288) trận đánh nổi tiếng đã diễn ra trên sông Bạch Đằng. Hơn bốn trăm chiến thuyền của giặc bị đánh tan, Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ bị bắt sống. Trên đường bộ, quân ta

chiếm lĩnh các địa thế hiểm yếu, liên tục chặn đánh quân Nguyên. Từ núi cao, rừng rậm, tên thuốc độc, hổ bẫy ngựa làm cho cả bộ binh lẫn kỵ binh hồn siêu phách lạc. Cuộc chiến lẫy lừng của quân dân Đại Việt với tài thao lược của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn diễn ra trên sông Bạch Đằng đã viết nên trang sử vàng của dân tộc Việt Nam.

Do có công lớn, Trần Quốc Tuấn được gia phong làm Thượng quốc công, cho phép được phong tước cho người khác từ tước Minh tự trở xuống, duy tước Hầu thì phong trước rồi tâu sau. Nhưng ông không lợi dụng điều đó để gia ơn, thực tế Trần Quốc Tuấn chưa hề phong tước cho một ai.

Trần Quốc Tuấn lấy Công chúa Thiên Thành có năm người con, đó là: Hưng Vũ Vương Nghiêm, Minh Hiến Vương Uất, Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiến, con gái của ông là vợ vua Trần Nhân Tông là Khâm Từ hoàng hậu, con gái nuôi là Quận chúa Anh Nguyên được gả cho Phạm Ngũ Lão. Các con ông tất cả đều trở thành tướng giỏi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược.

Khi Hưng Đạo Vương tuổi cao, sức yếu, vua Anh Tông ngự tới tư tháp ở Vạn Kiếp thăm ông. Nhà vua đã hỏi ông về kế sách giữ nước phòng khi có giặc Bắc sang xâm lấn, ông trả lời: "Tóm lại giặc cậy trường trận, ta cậy đoán binh, lấy đoán chế trường là việc thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ào ạt như lửa cháy, gió thổi thì dễ chế ngự. Nếu chúng đi chậm như cách tằm ăn, không ham của dân, không cốt thắng

mau, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến như đánh cờ vây, tùy thời cơ mà làm, có thu được quân lính một lòng, cha con một nhà thì mới dùng được. Vả lại khoan thư sức dân để làm kế sâu rẽ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước". Đây là lời tổng kết kinh nghiệm của ba lần đánh thắng quân Nguyên xâm lược, cũng là đường lối chiến lược đưa kháng chiến của Đại Việt đến toàn thắng.

Trần Quốc Tuấn không chỉ là người anh hùng dân tộc, một thiên tài quân sự mà ông còn là một tác gia xuất sắc với các tác phẩm tiêu biểu là: *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*, *Hịch tướng sĩ*...

*Binh thư yếu lược* (còn gọi là *Binh gia diệu lý yếu lược*) là bộ sách lý luận quân sự được Trần Quốc Tuấn soạn thảo từ nhiều binh pháp, kế thừa tư tưởng quân sự của Tôn Vũ (thời Xuân Thu) và Ngô Khởi (thời Chiến Quốc). Sách vừa tổng kết binh pháp, vừa chú ý đến việc thực hành với sự vận dụng những tư tưởng quân sự cho phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Điều ông răn dạy người làm tướng là: "... Tướng mà gần người hiền, tiến người tài, ngày thường cẩn thận, rộng rãi, giỏi việc dẹp loạn, đó là tướng chỉ huy được mười vạn người. Tướng mà dùng nhân ái đối với kẻ dưới, lấy tín nghĩa để phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới tường địa lý, giữa biết việc người; coi bốn biển như một nhà; đó là tướng chỉ huy được cả thiên hạ không ai địch nổi"<sup>1</sup>.

---

1. *Binh thư yếu lược* phu Hổ trường khu cờ, tr. 44-52.

*Vạn Kiếp tông bí truyền thư* đến nay đã bị thất truyền. Nội dung cuốn sách chỉ có thể hiểu qua bài tựa do Trần Khánh Dư viết, được chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn: "Vì thế Quốc công ta (chỉ Trần Quốc Tuấn) bèn so sánh, kê cứu trận đồ và binh pháp của các nhà, tổng hợp lại thành một bộ sách"... "việc nào việc ấy thực phân minh rõ ràng"... "Quốc công ta còn thêm bớt với chiến thuật của Tam đại, nhờ đó mà trăm trận trăm thắng. Cho nên đương thời phía bắc làm cho Hung Nô phải sợ, phía tây Lâm Ấp phải kinh".

*Hịch tướng sĩ* là một áng thiêng cổ hùng văn. Nội dung bài hịch khuyên các tướng nhà Trần bỏ thói ăn chơi hưởng lạc để chăm chỉ học tập binh thư rèn luyện quân sĩ, sẵn sàng chiến đấu. Ông chỉ rõ: "Binh thư yếu lược" là binh pháp của các danh gia hợp lại, ai theo lời dạy bảo trong sách này mới phải đạo thần chủ. Nhưng bằng khinh bỏ sách này trái lời dạy bảo thì tức là kẻ nghịch thù.

Ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (5-9-1300), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn qua đời, để lại một niềm thương tiếc vô hạn. Ngài đã trở thành một danh tướng lừng danh của dân tộc Việt Nam và thế giới. Ngài là vị thánh của lòng dân, được vương triều Đông Á phong tặng danh hiệu: *Thượng phụ thái sư thống quốc công nhân vũ Hưng Đạo Đại vương*

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển VI, chép ngày 24 tháng 6 năm Canh Tý (1300), Trần Quốc Tuấn ốm nặng, vua Nhân Tông đến tận nhà riêng ở Vạn Kiếp để

thăm, nhân đó vua hỏi ông về kế sách giữ nước.  
Nguyên văn trong sách như sau:

昔趙武立國漢帝加兵小民清野大軍出廉欽  
擊長沙短兵覆後此一時也丁黎之世拔得賢良  
南地新強北方疲弱上下同欲民心不離築平虜  
城而破宋軍此一時耳李帝開基宋侵地界用李  
常傑攻欽廉累至梅嶺有其勢也

昨者唆都烏馬兒四面包圍君臣同心兄弟和睦  
國家併力彼自就擒天使然也

大概彼恃長陣我恃短兵以短制長兵法之常  
也祇見彼軍遍至如火如風其勢易制若用蠶食  
緩行不務民財不求速勝則拔用良將觀其權變  
如圍棋然隨時制宜收得父子之兵始可用也且  
寬民力以圍深根固柢之計此守國之上策也

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Tích Triệu Vũ lập quốc, Hán để gia binh, tiểu dân thanh dã. Đại quân xuất Liêm Khâm, kích Trường Sa, đoàn binh phục hậu. Thủ nhất thời dã. Đinh Lê chi thế, bạt đắc hiền lương, Nam địa tân cường, Bắc phương bị nhược, thượng hạ đồng dục, dân tâm bất ly, trúc Bình Lỗ thành nhi phá Tống quân. Thủ nhất thời nhī. Lý để khai cơ, Tống xâm địa giới, dụng Lý Thường Kiệt công Khâm, Liêm, luỹ chí Mai Lĩnh, hữu kỳ thế dã.

Tạc giả Toa Đô, Ô Mã Nhi tú diện bao vi, quân thần đồng tâm, huynh đệ hoà mục, quốc gia tích lực, bỉ tự tựu cầm, thiên tử nhiên dã.

Đại khái bỉ thị trường trận, ngã thị đoàn binh, dĩ  
đoàn chế trường, binh pháp chi thường dã. Kỳ kiếm bỉ  
quân biến chí, như hoả như phong, kỳ thế dị chế.  
Nhược dụng tàm thực, hoãn hành, bất vụ dân tài, bất  
cầu tốc thắng, tắc bất dụng lương tướng, quan kỳ  
quyền biến, như vi kỳ nhiên, tuỳ thời chế nghi; thu  
đắc phụ tử chi binh, thuỷ khả dụng dã. Thả khoan dân  
lực dĩ vi thâm căn cố đế chi kế, thủ thủ quốc chi  
thượng sách dã.

DỊCH NGHĨA:

Xưa kia Triệu Vũ Đế dựng nước, vua Hán đem  
quân sang đánh, dân chúng bèn làm kế "vườn không nhà  
trống". Rồi đại binh kéo sang châu Liêm, châu Khâm  
đánh vào Trường Sa, đoàn binh thì tập kích phía sau. Đó  
là một thời. Đời Đinh Lê đế bạt được bậc hiền tài, cõi  
Nam vừa hùng mạnh lên, còn phương Bắc thì đang rệu  
rã, suy yếu. Trên dưới cùng ý nguyện, lòng dân không ly  
tán, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại  
là một thời. Nhà Lý vừa mở mang cơ nghiệp, quân Tống  
đã xâm phạm vào bờ cõi, bèn dùng Lý Thường Kiệt để  
đánh châu Khâm, châu Liêm, mấy lần đến tận Mai Linh,  
ấy là dựa vào thế mà đánh được vậy.

Rồi Toa Đô và Ô Mã Nhi bị bao vây bốn mặt, nhờ  
vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước dồn sức  
lại mà bọn chúng đành phải chịu trói, đó cũng là do  
lòng trời xui nên vậy.

Tóm lại, giặc cây trường trận, ta cây đoàn binh, lấy  
đoàn chế trường là lẽ thường của binh pháp. Nếu thấy

quân giặc đến ô ạt như lửa to gió táp thì tình thế dễ chế ngự. Nếu chúng dùng lối tăm ăn lá, hành binh dần dà, không ham của dân, không cốt thắng mau, thì phải dùng tướng giỏi, liệu xem quyến biến, giống như đánh cờ, phải tuỳ thế mà lựa nước chong cho thích hợp. Phải gây dựng được một quân đội "Phụ tử chí tình" (thân như cha con) rồi mới có thể sử dụng được. Vả lại, khoan sức cho dân để làm kế sâu rẽ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.

## TÁ THÁNH THÁI SƯ TRẦN NHẬT DUẬT

Trần Nhật Duật (1255-1330) là hoàng tử thứ sáu của vua Trần Thái Tông, em (cùng cha khác mẹ) của vua Trần Thánh Tông và Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải. Mẹ ông là Thứ phi Bùi Thị Vượng<sup>1</sup>, một thôn nữ đẹp người, đẹp nết quê ở làng Miễu, xã Mạt lăng, huyện Nam Chân (nay thuộc Cổ Lẽ, Trực Ninh, Nam Định).

Trần Nhật Duật sinh vào tháng 4 năm Ất Mão (1255). Khi mới sinh, mặt mày sáng sủa, thông minh, ở hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn đồng tử" nên vua Trần Thái Tông đặt hiệu là Chiêu Văn<sup>2</sup>. Khi Trần Nhật Duật sinh ra cũng là lúc vương triều Trần phải đổi phó với cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ. Vì thế, tuổi trẻ Trần Nhật Duật đã trải qua những năm tháng

---

1. Nhân một chuyến xa giá về nơi thôn dã, vua Trần Thánh Tông đi qua Mạt lăng, thấy nàng Vượng xinh đẹp, hiền hậu, vua đem lòng yêu dấu, liền cho về cung lập làm cung phi thứ năm, dựng cung Hải Hoa cho nàng ở.

2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, H. 1998, tr. 26.

chiến tranh gian khổ, hun đúc cho mình ý chí quyết tâm học tập, rèn luyện để nên người hữu dụng, xứng đáng với sự trông đợi của xã tắc và dòng họ.

Trần Nhật Duật ham học sử sách, thông hiểu đạo giáo, có tiếng là người học rộng, uyên bác, lại thường xuyên đọc binh thư, tập võ nghệ. Một điều đặc biệt, ngay từ nhỏ ông đã bộc lộ thiên tư ham hiểu biết, nên ông sớm trở thành một dung tướng có tài mưu lược, bang giao, giỏi ngoại ngữ và dân vận.

Năm Đinh Mão (1267), mới mười ba tuổi, Trần Nhật Duật đã được phong tước Chiêu Văn Vương. Sau đó, ông được vua cha cử lên trấn giữ đạo Đà Giang (phía tây bắc Tố quốc). Tại đây, ông đi sâu tìm hiểu cuộc sống, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, thi hành nhiều chính sách đoàn kết dân tộc, bảo vệ sự bình yên nơi biên cương.

Năm Canh Thìn (1280), trong đạo Đà Giang có một tù trưởng là Trịnh Giác Mật dấy binh làm phản. Trần Nhật Duật nhận lệnh vua đem quân đến đánh dẹp. Được tin ông dẫn quân đến, lượng sức mình khó chống cự nổi, Giác Mật sai thuộc hạ đến quân doanh tỏ lòng thành, nói rằng: "Mật không dám trái mệnh triều đình. Nếu ân chúa một mình cưỡi ngựa đến trại thì Mật xin hàng. Còn nếu ngài đem binh mã đến thì Mật chỉ còn một con đường chết mà thôi!".

Nghe lời thỉnh cầu của Giác Mật, Trần Nhật Duật nhận lời ngay, rồi bảo thuộc hạ của y về báo tin trước. Thấy vậy, quân sĩ mới can ngăn ông. Trần Nhật Duật chỉ mỉm cười và bảo: "Ta lấy lòng thành mà đối xử, còn

nếu chúng có âm mưu phản trắc hại ta thì triều đình còn có vương khác đến thay ta trừ loạn, lo gì!". Nói rồi, ông một mình một ngựa đem theo dăm ba tiểu đồng đi thẳng vào trại của Giác Mật. Khi tới trại, quân Man vây quanh mấy chục vòng, gươm giáo chỉnh tề nhưng Trần Nhật Duật không hề nao núng, thản nhiên đi thẳng đến trước mặt trại chủ chào hỏi vui vẻ bằng tiếng của người Man. Trịnh Giác Mật đứng trên cao theo dõi ông từ xa, thấy ông đi đứng oai phong rõ là một dũng tướng, lấy làm phục. Điều khiến Giác Mật vô cùng ngạc nhiên là từ lúc chào hỏi câu đầu đến lúc trò chuyện, nhất nhất ông đều theo đúng phong tục của dân bản địa, nhất là khi dự tiệc khoản đãi, ông cũng ăn bốc, uống bằng mũi, nói tiếng miền núi thành thục không kém Giác Mật. Chính những cử chỉ ấy làm cho Trịnh Giác Mật và quân Man thán phục vô cùng. Khi Trần Nhật Duật về đến bản doanh thì Trịnh Giác Mật cũng đem vợ con và gia thuộc đến quy hàng. Mọi người đều kính phục tài năng của Trần Nhật Duật, bởi không cần động binh mà ông vẫn dẹp yên được đất Đà Giang.

Trần Nhật Duật đem Giác Mật và gia quyến ông ta về kinh ra mắt nhà vua. Vua Nhân Tông rất khen ngợi Nhật Duật, lại ban thưởng cho vợ chồng Giác Mật và cho về cai quản như trước, chỉ giữ người con cả ở lại kinh và giao luôn cho Trần Nhật Duật nuôi dạy. Nhật Duật nhận con Giác Mật làm con nuôi, chăm sóc, yêu thương như con đẻ. Sau đó, ông xin triều đình phong tước, rồi cho về thay cha cai quản vùng đất cũ.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ hai (1285), Trần Nhật Duật được trao trọng trách chỉ huy một cánh quân lớn, đóng giữ ở mặt trận Tuyên Quang, để phòng quân giặc theo con đường Tây Bắc từ Vân Nam đánh xuống. Đúng như nhận định của vua tôi nhà Trần, cánh quân Nguyên - Mông do Bình chương Chính sự Vân Nam là Na-xi-rut-đin chỉ huy, theo dòng sông Hồng tiến vào biên giới Đại Việt (tại Tuyên Quang) để phối hợp với cánh quân của Thoát Hoan ở phía đông. Sau khi giao chiến với giặc, nhận định thế giặc rất mạnh, Trần Nhật Duật đã cho quân rút lui theo dòng sông Lô để bảo toàn lực lượng. Quân giặc thấy quân ta rút lui, chia nhau theo dọc hai bên bờ sông truy đuổi. Đi được một quãng, Nhật Duật nhìn lại, thấy quân giặc tiến từ từ, ông bèn bảo với quân sĩ của mình: "Phàm truy đuổi thì cần nhanh, nay giặc tiến từ từ, ta e có tiền quân địch chấn ngang phía trước!". Nói rồi, ông cho người đi dò xét, quả nhiên, thám mā trở về báo phía hạ lưu có giặc chấn giữ. Ông liền hạ lệnh cho quân sĩ bỏ thuyền lên bờ, thoát khỏi vòng vây an toàn.

Ngày 15 tháng Giêng năm Ất Dậu (1285), một ngày sau khi Thoát Hoan tiến vào Thăng Long, cánh quân của Trần Nhật Duật về đến Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ). Đoàn quân của Nhật Duật đã dừng lại trên bờ sông Bạch Hạc (chỗ gần cầu Việt Trì ngày nay), cắt tóc làm lẽ tuyên thệ, nguyện lấy lòng trung để báo ơn vua. Sau đó, Trần Nhật Duật cho quân vượt qua vùng các

dân tộc miền núi rút về vùng Thiên Trường - Trường Yên, nơi vua Trần hội quân.

Khi Thoát Hoan chiếm được Thăng Long cũng là lúc Toa Đô được lệnh từ Chiêm Thành tiến ra để phối hợp. Sớm nhận thấy điều này, từ khi rời Thăng Long về Thiên Trường - Trường Yên, Trần Quốc Tuấn và vua Trần thấy rằng, cần phải lấy vùng đất này làm căn cứ, đồng thời củng cố mặt trận phía nam, chặn đường tiến của quân Toa Đô để từng bước phát triển lực lượng, chuẩn bị tiến lên phản công kẻ thù, giải phóng Thăng Long. Trần Nhật Duật, vị tướng tài ba, mưu lược, vừa qua vòng vây của giặc ở mặt trận Tuyên Quang được lệnh lên đường vào trấn giữ Nghệ An.

Tiếp đó, ngày 28 tháng Giêng, vua Trần lại cử Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải vào tăng cường cho mặt trận Nghệ An. Trong lúc quân Trần Nhật Duật và Trịnh Đình Toản phải đối phó với giặc mà quân của Trần Quang Khải chưa vào tới nơi; trước thế giặc mạnh, Trần Nhật Duật cho quân tạm rút lui, chờ viện binh. Tuy chưa ngăn được giặc nhưng quân của Trần Nhật Duật đã làm chậm bước tiến của chúng, tạo điều kiện cho đại quân Trần củng cố lực lượng, chờ thời cơ để phản công.

Bắt đầu vào mùa hè năm Ất Dậu (1285), quân giặc gặp phải nhiều khó khăn vì thời tiết, lương thực, đà vô cùng hoang mang, hoảng sợ trước sự tập kích mãnh liệt của quân dân các địa phương. Tháng 4, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật cùng các tướng lĩnh đem binh thuyền vượt

qua vùng chiếm đóng của Toa Đô, tiến ra Bắc thực hiện chiến lược phản công.

Trần Quốc Tuấn đem quân đánh vào đồn A Lỗ, cứ điểm đầu tiên của quân Nguyên - Mông trên phòng tuyến sông Hồng, mở đầu cuộc phản công của quân ta. Chiêu Thành Vương Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản và tướng quân Nguyễn Khoái được lệnh đem quân đón đánh giặc ở Tây Kết. Trần Nhật Duật được giao chỉ huy, cùng các tướng lĩnh khác đánh vào Hàm Tử. Với cách đánh táo bạo, bất ngờ của ông khiến quân Nguyên - Mông lúng túng, trở tay không kịp và chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng của chúng nhanh chóng bị chia cắt và tiêu diệt.

Trong quân đội của Trần Nhật Duật, ngoài lực lượng vốn có còn thêm nhiều binh sĩ nhà Tống. Họ là những người Trung Quốc không chịu sống dưới ách áp bức của bọn thống trị ngoại tộc nên sang nước ta lánh nạn. Họ kính trọng tài năng quân sự và đặc biệt là tài thông thạo tiếng Trung Quốc của Trần Nhật Duật nên tình nguyện tham gia đội quân của ông, sát cánh cùng quân dân Đại Việt chống kẻ thù chung. Trong số đó có Triệu Trung trở thành gia tướng của ông đã chiến đấu rất dũng cảm ở trận Hàm Tử và lập công lớn.

Chiến thắng của nghĩa quân Trần Nhật Duật ở trận Hàm Tử đã mở đường cho Trần Quang Khải, cùng các tướng lĩnh đánh thắng lớn ở trận Chương Dương, mở đường tiến vào Thăng Long. Từ Thăng Long, bằng các chiến dịch Vạn Kiếp, Tây Kết lần thứ hai... quân dân Đại Việt đã quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi, cuộc

kháng chiến kết thúc thắng lợi. Ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu (1285), vua tôi nhà Trần trở về Thăng Long. Nhìn lại những chiến công chói lọi, tự hào và tin tưởng vào đất nước hùng mạnh, Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đã viết bài thơ "Tụng giá hoàn kinh su".

Một lần nữa, Hàm Tử - nơi ghi lại những chiến tích của nghĩa quân và vị dũng tướng tài ba, mưu lược Trần Nhật Duật, sánh cùng trận Chương Dương được nhắc tới trong bài thơ bất hủ "Tụng giá hoàn kinh su" đã trở thành một trong những chiến công vĩ đại nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ ba (1288), Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật lại được cử lênải Lê Hoa ở Tây Bắc tổ chức chặn đánh giặc từ Vân Nam sang. Tại đây, ông lập nhiều chiến công xuất sắc, góp phần to lớn vào thắng lợi trọn vẹn của cả dân tộc.

Năm 1312, vua Trần Anh Tông thân chinh cầm quân đi chinh phạt Chiêm Thành. Nhà vua giao cho Trần Nhật Duật toàn quyền giúp thái tử trông coi đất nước. Khi trở về, nhà vua thấy mọi việc đều yên ổn nên rất cảm kích, thưởng công cho ông ngang với các tướng theo vua đi đánh giặc. Là một hoàng tử, năm mươi ba tuổi (1267), Trần Nhật Duật đã được phong làm Chiêu Văn Vương, được trấn giữ vùng Đà Giang, Tây Bắc Tổ quốc. Do có nhiều công trạng, ông lần lượt

được ban phong: Kiểm hiệu Thái úy (1314), Tá thánh Thái sư Chiêu Văn Đại vương (1329).

Trần Nhật Duật là bậc văn võ toàn tài. Ngoài kiến thức Nho học uyên bác ông còn hiểu biết một cách sâu sắc về phong tục tập quán và đặc biệt là tiếng nói của nhiều dân tộc. Ông thường giao du với người nước ngoài, những lúc rảnh rỗi thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già<sup>1</sup>, có khi ba, bốn ngày mới về. Ông cũng hay đến chùa Tương Phù, đàm đạo với các nhà sư người Tống. Khi đến chơi với người Tống, ông ngồi ghế đầu, trò chuyện suốt buổi. Còn khi tiếp xúc với người Chiêm Thành hay người dân tộc thiểu số, ông đều nói tiếng và theo đúng phong tục của họ khiến họ rất ngạc nhiên và vô cùng thán phục.

Đời vua Trần Nhân Tông, sứ nước Mã Tích (phía bắc Thái Lan) sang, Trần Nhật Duật tiếp họ mà không cần phiên dịch. Có người lấy làm lạ, hỏi ông: "Sao ngài lại biết tiếng nước ấy?". Ông chỉ mỉm cười rồi nói: "Đời Thánh Tông có sứ các nước đến, tôi có giao du với họ, nên cũng biết được ít nhiều". Vua Nhân Tông khen ông: "Chú Chiêu Văn có lẽ là người kiếp sau của người Phiên Lạc, nên thông thạo tiếng nước đó".

Đời vua Trần Anh Tông, khi đã làm Tể tướng, ngoài thời gian tại triều ông vẫn giữ thú giao du với người

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: Khi vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành, đem tù binh tập trung về đó, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Da Gia Ly, sau gọi là "Bà Già".

nước ngoài, thường qua nhà Trần Đạo Chiêu nói chuyện phiếm. Vua Anh Tông biết, hỏi ông: "Khanh là Tể tướng còn Đạo Chiêu tuy là người Tống, nhưng đã có Hàn Lâm phụng chỉ tiếp đãi, lẽ nào khanh cùng ngồi đó nói chuyện với họ?".

Thường lệ khi tiếp sứ giả nước ngoài thời đó, các quan đại thần trong triều đều phải có phiên dịch, riêng Trần Nhật Duật thì không. Mỗi khi tiếp sứ Nguyên, ông đều tự mình nói chuyện. Trần Nhật Duật nói tiếng nước ngoài giỏi đến nỗi sứ Nguyên tưởng lầm ông là người Tống sang làm quan Đại Việt.

Vua Trần biết ông uyên bác, lại là bậc công thần đầu triều được mọi người kính trọng nên thường đem chuyện hoàng gia hỏi ông. Anh Tông muốn tôn Tuyên Từ thái hậu làm Thái Hoàng Thái hậu nhưng chưa biết gia tôn thế nào nên vẫn chần chờ. Khi vua đem việc Khâm Từ Hoàng Thái hậu hỏi ông, ông trả lời là được thì nhà vua mới thực hiện.

Những chuyện chọn từ, đặt tên cho những vật dụng quan yếu của hoàng gia, vua Trần cũng nhờ đến ông. Vua Anh Tông có hai chiếc mũ thường đội khi duyệt quân và khi giảng võ nhưng chưa biết đặt tên thế nào mới hỏi ông. Ông đặt tên cho một cái là "Võ uy" và một cái là "Vũ đức" ngụ ý rằng võ nghệ phải đi cùng với đạo đức. Lần khác, vua sai ông đặt tên cho Đông Cung và phòng học của thái tử. Ông không ngần ngại đặt tên cho Đông Cung là "Toát trai" và phòng học là "Tư thiện đường", đều có ngầm ý khuyên thái tử siêng học,

giữ đạo nghĩa trở thành bậc minh quân có ích cho quốc gia, xã tắc.

Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật là người khoan dung, độ lượng, lúc nóng giận không lộ ra sắc mặt. Trong nhà ông không bao giờ chứa roi vọt để đánh nô tỳ. Ông luôn đối xử khiêm nhường với các thân vương, không thiên vị họ hàng thân thích. Có lần, có người kiện gia đồng của ông với Quốc phụ Thượng tể Trần Quốc Chẩn. Quốc phụ sai người tới bắt. Gia đồng ông phải trốn vào trong phủ. Kẻ đi bắt đuổi đến nhà, đòi trói, quát tháo ầm ī, phu nhân khóc nói với ông: "Ân chúa là Tể tướng mà Bình Chương (Trần Quốc Chẩn) cũng là Tể tướng. Chỉ vì ân chúa nhân từ, nhu nhược nên người ta mới coi khinh đến thế!". Nhật Duật vẫn ung dung không nói, chỉ sai người đến khuyên gia đồng rằng: "Mày cứ ra đi, ở đâu cũng có phép nước cả, lo gì?".

Người đương thời tôn Trần Nhật Duật là bậc học rộng, biết nhiều, tài hoa phong nhã. Là thân vương quý tôn, nhưng trong nhà ông thường mở những cuộc hát xướng, làm trò mà không ai cho là say đắm, được ví với Quách Tử Nghi<sup>1</sup> đời Đường Trung Quốc. Những tiết tấu âm nhạc, khúc điệu múa hát lúc bấy giờ đều do ông soạn ra.

---

1. Quách Tử Nghi là một vị quan nổi tiếng thời Đường ở Trung Quốc trải bốn đời vua: Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông và Đức Tông.

Làm quan trải năm đời vua: Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông và Hiển Tông, phần lớn những công văn của triều đình đều do tay ông thảo. Với vốn kiến thức uyên bác như Trần Nhật Duật, rất có thể ông có nhiều trước tác. Cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn liền với năm tháng mà vương triều Trần phải thường xuyên đối phó với những cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc (hoặc giả vì một lý do nào đó) nên trước tác bị thất lạc là điều không thể tránh khỏi. Ngày nay, qua thư tịch cổ và dân gian, chúng ta mới chỉ biết Trần Nhật Duật với một số tác phẩm là: *Lĩnh Nam dật sử* và *Liêu Động di biên*<sup>1</sup>. Hai tác phẩm là không nhiều, nhưng phần nào đã ghi nhận những đóng góp của ông trên lĩnh vực sáng tác trong một thời đại mà những vị vua anh minh với những chiến tướng tài ba, mưu lược đồng thời là những nhà văn, nhà thơ, những tác gia Hán - Nôm tiêu biểu cho thời đại. Trần Nhật Duật đã để lại những dấu ấn lớn trên đất Thiên Trường, ông đóng góp nhiều công sức xây dựng quê hương, nhất là quê mẹ ông ở vùng Trực Ninh. Năm ông ngoài bốn mươi tuổi, mẹ ông là Hoàng phi Vũ Thị Vượng qua đời, ông đã đưa linh cữu mẹ về an táng tại

---

1. Hai tác phẩm này hiện chỉ còn *Liêu Động di biên*, gồm 10 bài ca dao chữ Hán do Trần Nhật Duật sáng tác trong thời gian ông dựng chùa tu Phật và mở mang làng Phúc Chỉ (nay thuộc xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) để lưu lại đời sau cho dân chúng mỗi khi tế lễ, xướng họa. Sau được Tiến sĩ Vũ Huy Trác phiếm Nôm và soạn thành 10 bài phú, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị chép lại.

quê nhà và cư tang mẹ ba năm. Tại đây, ông làm nhiều việc để cải thiện điều kiện đời sống cho dân, khai hoang lập làng Phúc Chỉ, mở hội ngày mùa ở vùng Ý Yên.

Trần Nhật Duật mất ngày 15 tháng Chạp năm Canh Ngọ (1330). Thể theo nguyện vọng của ông, vua Trần đã cho chuyển linh cữu của ông về an táng bên cạnh mẹ tại làng Miễu (xã Cổ Lễ, huyện Trực Ninh). Nhân dân thương tiếc vị anh hùng dân tộc có nhiều công lao đóng góp với dân, với nước đã lập nhiều đền thờ để ghi nhớ công lao, hương khói đời đời.

Trên đất Nam Định có hơn ba mươi đền thờ tướng quân Trần Nhật Duật. Trong đền thờ thôn Miễu có đài câu đối ghi nhận công đức của ông:

*Danh dự bác Đông A Cơ Tể ý thân,*

*Phần Dương tướng nghiệp*

*Uy thanh văn Bắc địa Đà Giang ân chủ,*

*Hàm Tử nguyên nhung*

DỊCH NGHĨA:

Danh tướng nối dòng Trần Cơ Tể -

Phần Dương coi cũng thế

Oai phong rạng đất Bắc Đà Giang -

Hàm Tử vô công to.

(*Dương Văn Vượng dịch<sup>1</sup>*)

---

1. Theo tài liệu Hán - Nôm ở đền Miễu (Mặt lăng Cổ Lễ).

Ở Thanh Hoá, nơi ông chỉ huy lập phòng tuyến chống quân Toa Đô cũng có mươi hai đền thờ ông. Sau khi ông mất, nhân dân quê vợ ông (Trinh Túc phu nhân) đã lập đền thờ dưới chân núi Vân Trinh (nay thuộc xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá). Trong đền có đôi câu đối:

*Tích phù Việt địa trung hưng tướng  
Danh chấn Nam thiên thương đẳng thần*

DỊCH NGHĨA:

Vị tướng trung hưng công phù đất Việt  
Bậc thần thương đẳng danh nức trời Nam<sup>1</sup>

Vua Lê Thánh Tông, vị vua kiệt xuất trong lịch sử phong kiến Việt Nam, chủ soái của hội thơ Tao Đàm, có lần đi chinh phạt Chiêm Thành đã đến thăm đền và để bài thơ chữ Hán như sau:

Nhất phái thiên hoảng xuất hải thanh  
Phôi phai đìn độc tác tông anh  
Trùng hưng miếu vũ tư thao lược  
Bách Việt hài đồng thức tinh danh  
Ngư đại long phù châu sũng tích  
Hồ xu dương lỗ đảm uy danh  
Bật thành tứ thế điêu nhương tích  
Hiền lược trung hưng uyển nhược sinh

---

1. *Những danh tướng chống ngoại xâm thời Trần*, Nxb Giáo dục, H. 2001.

DỊCH NGHĨA:

Một nhánh dòng vua tới biển thanh  
Đình phôi phai nổi tiếng hùng anh  
Lại xây miếu vũ thờ thao lược  
Trẻ Việt bao người biết tính danh  
Túi cá vàng rồng soi dấu thánh  
Cáo Hồ, Chiêm thỏ khiếp uy danh  
Giúp nên bốn thủa đầy huân tích  
Đức nghiệp lòng trung mãi sử xanh

(Bùi Xuân Vy, Hương Nao - dịch)

Bài thơ của vua Lê Thánh Tông đã nói lên khá đầy đủ, toàn diện sự nghiệp văn thần, đức trị của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá Trần Nhật Duật.

PHẦN IV

*Một số hoàng hậu,  
công chúa Trần tộc*

Các hoàng hậu, công chúa, vương phi triều Trần có khá nhiều. Ở đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu tư liệu của một số nhân vật tiêu biểu sau:

1. Quốc mẫu Trần Thị Dung.
2. Phụng Dương công chúa.
3. An Tư công chúa.
4. Huyền Trần công chúa.
5. Ngọc điệp phả Trần tộc.

## LINH TỬ QUỐC MÃU TRẦN THỊ DUNG

Trần Thị Dung là con gái nhà Trần Lý, em của Trần Thừa và Trần Tự Khanh.

Năm 1209, Hoàng tử Sảm chạy nạn Quách Bốc đã theo Tô Trung Từ về Hải Ấp (Ngự Thiện, Long Hưng, Thái Bình). Ở đây thấy Trần Thị Dung con gái nhà Trần Lý có sắc đẹp, hoàng tử đã lấy nàng làm vợ, rồi phong cho Trần Lý (bố vợ) tước Minh tự, cho Tô Trung Từ (cậu vợ) làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Với chức tước trên, anh em nhà họ Trần và Tô đã họp hương binh giúp triều đình dẹp loạn, rước vua về kinh khôi phục triều chính. Tháng 3 năm Canh Ngọ (1210) khi vua cho Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng đem quân đến đón Hoàng Thái tử về kinh thì Trần Thị Dung không được đi theo chồng, mà phải quay về nhà mình.

Đến tháng 10 năm ấy Lý Cao Tông qua đời, Hoàng Thái tử lên ngôi mới sai đưa thuyền rồng đi rước Trần Thị Dung. Vì giặc giã chưa yên, Trần Tự Khanh can ngăn nên tháng 2 năm sau Trần Thị Dung mới rời Ngự Thiện về kinh. Huệ Tông phong cho vợ làm

nguyên phi. Tuy có sắc đẹp nhưng Trần Thị chỉ là con gái quê mùa. Vì có sự đố kỵ của mẫu hậu họ Đàm với hai họ Trần, Tô nên năm sau Trần Thị Dung bị giáng xuống làm ngự nữ. Dù bị hiểu lầm, Trần Tự Khanh và Tô Trung Từ vẫn ra sức giúp triều đình đánh đong đếm bắc, làm cho Huệ Tông bỏ được nỗi nghi ngờ. Vua lại đưa họ Tô, Trần vào làm việc trong kinh thành, còn Trần Thị Dung được phong từ ngự nữ lên Phu nhân Thuận Trinh. Do vậy, Đàm Thái hậu càng sinh đố kỵ, đã sai đuổi Thị Dung đi, có lần còn bắt uống thuốc độc tự tử. Nhờ có vua Huệ Tông bảo vệ nên mới thoát chết. Đến kỳ sinh nở, bà phải rời ra bắc Cửu Liên (nay ở phía bắc huyện Văn Giang - trên đường Hưng Yên đi Gia Lâm - Hà Nội) cho an toàn. Sau khi sinh Công chúa Thuận Thiên, bà được phong làm hoàng hậu của vương triều Lý Huệ Tông (1216). Huệ Tông còn phong cho Trần Tự Khanh làm Thái úy phụ chính, Trần Thừa làm Nội thị phán thủ. Tháng 3 năm Đinh Sửu (1217), vua mắc bệnh, việc triều chính được giao cho Trần Tự Khanh. Khi Tự Khanh chết, thì Trần Thủ Độ được giao chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy quân điện tiền và cầm vệ. Từ đây, mọi quyền hành đã về tay anh em họ Trần.

Trần Thị Dung ngày càng nhận thấy vua Huệ Tông chỉ say mê sắc dục, không quan tâm đến triều chính, nên không còn mặn nồng với Huệ Tông mà lại quý mến Thủ Độ. Trần Thị Dung đã thành sợi dây liên lạc giữa triều Lý với họ Trần. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết

"Thế mới biết, trời sinh ra Linh Từ cốt để mở nhà Trần" (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb KHXH, H. 1972, tập 2, tr.33). Khi Huệ Tông mất, nhà Trần tổ chức lễ cưới Trần Thị Dung với Trần Thủ Độ. Trần Thị Dung đã tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất. Bà lo sơ tán hoàng gia, bảo vệ tính mạng, tài sản của hoàng cung và vợ con quan lại, tích cực tích trữ lương thảo, rèn đúc súng sửa vũ khí cho quân dân của triều đình. Bà tỏ rõ năng lực trong điều hành quán xuyến mọi việc, vì thế bà đã được phong là *Linh Từ Quốc mẫu*.

## PHỤNG DƯƠNG CÔNG CHÚA

Phụng Dương công chúa là con gái Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ, mẹ là Tuệ Chân (chưa rõ tên họ, Tuệ Chân là duệ hiệu khi bà mất).

Ngay từ nhỏ, Phụng Dương công chúa đã được quan tâm giáo dục về "tam tòng tứ đức", sớm bộc lộ đức tính thông minh, hiền lành chăm chỉ, giỏi thêu thùa may vá. Vua Thái Tông rất yêu quý Phụng Dương và nhận nàng làm con nuôi. Khi đi lấy chồng nàng cũng được vua ban cho xe và mũ áo như con gái vua. Vì vậy, nàng cũng được gọi là công chúa, chứ thực tế không phải là con đẻ của nhà vua và hoàng hậu.

Phụng Dương công chúa sinh năm Giáp Thìn (1244), mất ngày 22 tháng 3 năm Tân Mão (1291) thọ bốn mươi bảy tuổi. Theo tài liệu Hán - Nôm tại các đền chùa, bia mộ, và truyền thuyết dân gian, lễ hội truyền thống về Công chúa Phụng Dương thì công chúa là con gái của Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ, được gả cho Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải là hoàng tử thứ ba của vua Trần Thái Tông. Vì vậy, mối quan hệ trong hoàng tộc ngày càng gắn bó khăng khít.

Thái ấp của Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ ở Quắc Hương (nay thuộc xã Vũ Bản, huyện Bình Lục,

tỉnh Hà Nam) còn Vườn Lựu là tư dinh (nay thuộc thôn Lựu Phố, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định). Thái ấp Độc Lập của Trần Quang Khải (nay thuộc xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định), còn tư dinh ở Thiên Bồi (nay thuộc thôn Hậu Bồi, xã Mỹ Phúc, ngoại thành Nam Định). Thái ấp và tư dinh của Thống quốc Thái sư (cha) và Thượng tướng Thái sư (con) Trần Quang Khải khá gần nhau. Đây là những căn cứ bảo vệ vòng ngoài và vòng trong của cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa - hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Nhà vua phong thái ấp như thế có ý cho Phụng Dương vừa ở thái ấp vua ban cho Trần Quang Khải (thái ấp của chồng) tiện cho việc chăm lo, thăm hỏi Thượng hoàng hay vua trẻ ở Tức Mặc vừa dễ đi về thái ấp của cha để chăm sóc cha mẹ (Thái sư Trần Thủ Độ và bà Tuệ Chân).

Thái ấp Độc Lập (Mỹ Thành), thuộc vùng đồng chiêm trũng có nhiều gò, giếng, sông, đường. Ở đây, còn truyền câu đối:

*Tam tinh, thất trẩm, cao đường địa*

*Tứ giang, bát lộ Sơn Nam trấn.*

Thái ấp Độc Lập có ba giếng nước, bảy gò cao, có bốn con sông và tám con đường. Vì vậy, có thể làm nhà ở các gò có giếng nước trong phục vụ sinh hoạt, có hồ ao để nuôi cá, có đường giao thông thuận bộ thuận tiện cho việc đi lại phát triển nông tang. Mọi công việc quản lý trong thái ấp đều đặt lên đôi vai của Phụng Dương công chúa. Bà là người có khả năng quản lý điều hành để chồng lo việc văn chương, võ nghệ. Tuy

sống trong một gia đình quý tộc nhưng trong sinh hoạt bà không đài các xa hoa. Bà đối xử với mọi người, kể cả thê thiếp của chồng và các tầng lớp gia nô trong thái ấp với tấm lòng thương mến, độ lượng bao dung. Ai có điều gì sai trái thì nhẹ nhàng răn bảo, ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho mặc. Những người làm điều tốt dù nhỏ cũng được bà khen ngợi trước mặt Thái sư. Đôi với họ hàng hai bên nội ngoại, bà yêu thương chỉ bảo ân cần. Vì thế, tất cả mọi người trong thái ấp của bà đều siêng năng làm việc và kính trọng bà.

Khi quân Nguyên - Mông xâm lược nước ta lần thứ hai (1285), thái ấp Độc Lập của Trần Quang Khải trở thành căn cứ hiểm yếu của vùng đất Thiên Trường. Lúc này Trần Quang Khải đã là Thái sư của triều Trần. Ông nhận định, trong cuộc chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai ta phải đánh trả giặc cả ở phía bắc và phía nam nên ông đã chọn thái ấp Độc Lập làm căn cứ. Bởi từ Độc Lập có thể rút vào căn cứ Trường Yên theo đường sông Đáy, sông Vân, sông Vị Hoàng hoặc theo sông Ninh, sông Châu. Từ đó ra sông Hồng với nhiều cửa sông lớn nhỏ như Long Xuyên, Tuần Vường. Từ cứ điểm Độc Lập có thể theo sông Bùn, sông Vĩnh vào bảo vệ khu Thiên Trường. Vào tháng 3 năm 1285, hai vua cùng quân sĩ đã về căn cứ Độc Lập để bổ sung lực lượng, tiến lên đánh Hàm Tử, Chương Dương giải phóng Thăng Long.

Với vai trò là người làm chủ điền trang thái ấp Độc Lập, được phân công lo việc cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí, áo quần cho quân sĩ, bảo vệ bí mật tài

sản quốc gia. Tấm lòng của Phụng Dương công chúa được thể hiện rõ nét trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285), công chúa thể hiện rõ tinh thần trung quân ái quốc vì Đại Việt.

Bà còn là một người con hiếu thảo với cha mẹ, khi cha mẹ có điều gì quở trách chỉ khummings nhum nhận lỗi, không cho rằng mình hiển vinh mà đổi lại. Lúc cha mẹ tuổi già đau yếu thì hết lòng phụng dưỡng thuốc thang.

Là người phụ nữ thời phong kiến, Phụng Dương đã kết hợp được nét đẹp của người phụ nữ sống theo điều thiện, chính tâm như giáo lý của đạo Phật với đạo lý của Nho giáo - tu thân, tề gia, trị quốc, tam tòng, tứ đức... Bà đã sống và thể hiện tốt những điều đó trong cuộc sống của mình.

Đầu năm Tân Mão (1291), niên hiệu Trùng Hưng năm thứ 7, Công chúa Phụng Dương ốm nặng, Thái sư Trần Quang Khải và con cháu hết lòng chăm sóc chạy chữa thuốc thang. Ông đã chân thành ước nguyện với bà bằng cử chỉ và lời lẽ trong bức thư, đặt vào tay công chúa nói: "Kiếp sau xin được làm chồng vợ như xưa". Đó là lòng biết ơn của Thái sư đối với bà trước lúc bà lâm chung.

Ngày 22 tháng 3 năm Tân Mão (22-4-1291), công chúa mất, mộ táng tại thôn Độc Lập, phủ Thiên Trường (nay thuộc thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định). Hàng năm kỷ niệm ngày mất của công chúa, nhân dân địa phương có tế lễ rước kiệu. Hiện nay, tại di tích vẫn còn lưu giữ được bài văn tế và văn bia nói về vẻ đẹp tam tòng của Công chúa Phụng Dương.

## AN TƯ CÔNG CHÚA

An Tư là con của vua Trần Thái Tông nhưng không rõ sinh và mất năm nào. Sách *Dai Việt sử ký toàn thư* ghi: "Sai người đưa Công chúa An Tư đến cho Thoát Hoan là có ý làm giảm bớt tai họa cho nước vậy".

Khi ấy khoảng đầu năm Ất Dậu (1285), khi quân Nguyên đã tiến đến Gia Lâm để vây hãm kinh thành Thăng Long, Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông đi thuyền nhỏ ra vùng Tam Tri, còn thuyền ngự thì ra vùng Ngọc Sơn để đánh lạc hướng giặc. Nhưng quân Nguyên vẫn phát hiện ra, nên chúng đã cho thuỷ quân kéo đến vây hãm Tam Tri suýt bắt được hai vua. Chiến sự vô cùng bất lợi cho ta.Thêm vào đó tướng Trần Bình Trọng lại hy sinh dũng cảm trên bờ sông Thiên Mạc. Trước tình thế vô cùng gay go đó, nhiều tôn thất nhà Trần như Trần Kiện, Trần Lộng, kể cả hoàng thân Trần Ích Tắc đã mang cả gia quyến đến trại giặc. Một vạn quân do Trần Kiện chỉ huy mất chủ tướng làm cho vua tôi nhà Trần bị động. Không còn cách nào khác để cầm chân giặc, vua Trần đã cho sứ thần Đỗ Khắc Chung vào trại giặc để thương thuyết một mặt là dò xét, mặt khác dùng đến mỹ nhân kế. Bởi lúc này ta rất cần thời gian để tổ chức lực lượng chiến đấu. Vì vậy, buộc lòng vua phải sai người đem

dâng em gái mình cho Thoát Hoan. Công chúa An Tư phải từ bỏ cuộc sống cung đình, đem thân vàng ngọc hiến cho kẻ thù. Hiểu rõ vận nước lâm nguy, An Tư chấp nhận hy sinh tuổi trẻ vì nước, dù khổ ải, nhục nhã với cái chết liền kề. An Tư đã đến trại Thoát Hoan không phải là đi lấy chồng mà là vật cống nạp. Sự hy sinh này thật cao cả! *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: "Sai người đem Công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, ấy là muốn làm thư giãn nạn nước vậy". Trong trại giặc không ai biết nàng sống ra sao, làm được những gì? Mà trọng trách của nàng còn phải là một nội gián. Rồi từ tháng tư năm ấy (1285) trên khắp các miền, quân ta bắt đầu mở các trận phản công dữ dội khiến cho Thoát Hoan phải chui vào ống đồng trốn qua biên giới.

Sau chiến thắng, các vua Trần làm lễ tế lăng miếu, khen thưởng công thần, truy phong các tướng lĩnh hy sinh trong trận mạc cũng không thấy nhắc tới Công chúa An Tư. Trong "*An Nam chí lược*" của Lê Trác, một thuộc hạ của Trần Kiện theo chủ chạy sang hàng Nguyên có ghi: "Trước Thái tử (chỉ Thoát Hoan) lấy người con gái nhà Trần được hai con". Người con gái nhà Trần phải chăng là Công chúa An Tư? Hiện chưa có chứng cứ rõ ràng để khẳng định điều đó. Dù cho vương triều Trần và sứ nhà Trần có quên nàng, song tên tuổi An Tư công chúa vẫn mãi mãi được các thế hệ người Việt nhắc đến về sự hy sinh thầm lặng cao cả của một liều yếu đào tơ. Khoảng trống trong lịch sử sẽ được lấp đầy bởi tình cảm của các thế hệ người Việt tiếp sau.

## HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA

Huyền Trân công chúa là con vua Trần Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh, là cháu ngoại của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ ba (1288) thắng lợi, với chiến lược hoà hiếu với phía nam của vua tôi nhà Trần, vào tháng 3 năm Tân Sửu (1301), Thượng hoàng vân du các nơi, sang Chiêm Thành. Vua nước Chiêm lúc ấy là Chế Mân đã tổ chức nghi lễ đón vua Trần vô cùng trọng thể. Sau chín tháng trò chuyện, thăm viếng bàn bạc việc ngoại giao giữa hai nước, vua Trần đã quyết định gả Công chúa Huyền Trân yêu quý của nước Đại Việt cho Chế Mân - mặc dù vua nước Chiêm đã lớn tuổi và có nhiều vợ.

Khi tin vua Trần hứa gả Công chúa Huyền Trân cho Chế Mân đưa về kinh đô Thăng Long, quần thần và dân trấn họ vô cùng xao xuyến. Công chúa Huyền Trân hoảng hốt, vật vã một cách thảm thiết. Phản thì công chúa lo đi làm vợ vua Chiêm ở xứ lạ quê người, phản thì công chúa đau đớn phải xa lìa người yêu là Trần Khắc Chung - một vị tướng trẻ của Đại Việt. Suốt mấy năm liền công chúa chỉ ẩn mình trong cung, nỗi

khổ tâm da diết của công chúa không thể nào diễn tả hết được. Trong khi quần thần và dân trăm họ chưa hiểu hết được dụng ý của vua Trần, họ làm thơ văn chế nhạo việc gả bán của nhà vua. Dư luận chống lại việc gả Huyền Trân công chúa cho Chế Mân đã vượt biên giới lan sang tận tai vua Chiêm. Vua Chiêm không ngạc nhiên và cũng không từ bỏ ý định cưới Huyền Trân làm vợ. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Tháng 2 năm Ất Tỵ (1305), Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết"<sup>1</sup>. Sự kiện này cho thấy cuộc hôn nhân Chế Mân - Huyền Trân được hình thành trên cơ sở tự nguyện về phía vương triều Chăm Pa, chứ không có một sức ép nào từ phía Đại Việt.

Vào tháng 6 năm 1306, vua Chiêm cho người sang Thăng Long xin vua Trần thực hiện lời hứa và thông báo cho Đại Việt nếu cưới được Công chúa Huyền Trân thì vua Chiêm sẽ cắt hai châu Ô, Lý làm lễ vật dẫn cưới cho cuộc hôn nhân.

Công chúa Huyền Trân vốn đã hiểu được nỗi thao thức của vua cha về đất nước. Hai châu Ô, Lý của Đại Việt đã lọt vào tay nhà Tân rồi nhà Hán từ xa xưa và

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 89.

lệ thuộc vào Chiêm Thành nên nghe tin ấy Công chúa Huyền Trân đang đau khổ đã trở lại vui tươi. Bà hiểu được dụng ý của vua cha dùng tình cảm giao hảo giữa hai nước mà giảm được máu xương cho trăm họ. Bà chịu hy sinh tình riêng để nhận lời ra đi. Vượt qua được những vướng mắc tình cảm riêng tư, Trần Nhân Tông và Huyền Trân đã nêu một tấm gương sáng về đức hy sinh vì đại cuộc.

Hai châu Ô và Lý "vuông ngàn dặm" đã thực sự được sáp nhập vào Đại Việt năm Bính Ngọ (1306). Một thực tế là khi hai châu Ô, Lý sáp nhập vào Đại Việt dân ở vùng này không chịu phục, song nhờ kế sách an dân của vua Trần Anh Tông mà thuyết phục được họ. Vào tháng Giêng năm Đinh Mùi (1307), Anh Tông sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến, chọn người trong dân chúng trao cho quan tước cấp ruộng đất và miễn tô thuế ba năm, đồng thời đổi hai châu Ô, Lý làm châu Thuận và châu Hoá<sup>1</sup>. Về sự kiện này, *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: "Đinh Mùi, Hưng Long năm thứ 15 (1307)... Mùa xuân, tháng Giêng đổi hai châu Ô, Lý thành châu Thuận và châu Hoá. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ về yên dân hai châu đó. Trước đây,

---

1. Châu Thuận gồm thị xã Đông Hà (Nam sông Hiếu), huyện Triệu Phong, thị xã Quảng Trị và huyện Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay.

Châu Hóa gồm các huyện: Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế và huyện Điện Bàn, Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam ngày nay.

chúa Chiêm Thành Chế Mân đem tất hai châu đó làm lễ vật dẫn cưới, nhưng người các thôn La Thuỷ, Tác Bồng, Đà Bồng không chịu theo. Vua sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý của nhà vua chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế ba năm để vỗ về<sup>1</sup>.

Để tri ân công đức cuộc ra đi của Huyền Trân công chúa, dân chúng đã ca ngợi nàng qua nhiều bài chòi Huế Nam Bình, Nam Ai nổi tiếng.

Mỗi tình Chiêm - Việt đang hương lửa mặn nồng thì tháng 5 năm Đinh Mùi (1307), chúa Chiêm Thành Chế Mân chết đột tử. Tháng 10 vua sai đoàn sứ bộ gồm Nhập nội hành khiển Thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An Phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành viếng tang và đã đón Công chúa Huyền Chân và Thế tử Đa Da về.

Sự kiện này được *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai Khắc Chung, mượn cớ sang viếng tang và nói với người Chiêm: "Nếu công chúa hoả táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở đó, đón linh hồn cùng về rồi sẽ vào giàn thiêu". Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về..."<sup>2</sup>.

---

1, 2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 91.

Khi trở về kinh thành Thăng Long, Công chúa Huyền Trân được đưa vào ở tại biệt cung dựng cạnh chùa Tư Phúc trong đại nội. Chùa Tư Phúc xây dựng từ thời nhà Lý, là một Giác Hoàng tự của Hoàng gia ở kinh thành. Sau mấy ngày nghỉ lấy sức, công chúa quyết định xin phép vua Anh Tông lên núi Yên Tử vấn an Thượng hoàng Nhân Tông. Được biết Huyền Trân từ Chiêm quốc trở về đang thượng sơn; Đại Sĩ liền cho các thị giả xuống núi, chỉ giữ lại chú tiểu Pháp Đãng, sư thầy Bảo Sát bên mình để tiện sai khiến. Theo sự hướng dẫn của chú tiểu, Huyền Trân lên núi và gặp lại vua cha tại am Ngọa Vân trong nỗi hoan hỉ khôn xiết. Rồi từ am Ngọa Vân, Đại Sĩ cùng con gái, ngược dốc lên am Vân Tiêu. Truyền rằng nơi đây, những lúc nhàn rỗi các tiên ông từ thiên đình thường xuống đánh cờ ngắm miền hạ giới.

Trên một phiến đá khá rộng, Huyền Trân được ngồi đối diện với vua cha trong thế tọa thiền. Đại Sĩ nhìn con gái hồi lâu như muốn san sẻ bớt gánh nặng nghiệp quả từ kiếp trước mà công chúa đang gánh chịu, rồi ngài ân cần hỏi tình trạng thế sự Chế Chí nỗi lòng, Hoàng tử Chế Đa Da vừa mới sinh và nỗi lòng dân chúng Chiêm Thành từ khi Chế Mân qua đời. Sau khi trò chuyện với vua cha, công chúa được dẫn đi thăm thú một số nơi. Ở núi Yên Tử, vua cha bây giờ đã là một vị Bồ Tát. Công chúa được ngài giảng giải cho nhiều điều triết luận cao siêu trong kinh điển Phật

pháp, đồng thời khai mở tâm ấn cho công chúa. Cũng tại núi Yên Tử, công chúa gặp lại sư huynh Bảo Sát - người đệ tử thân cận của Trúc Lâm Đại Sĩ mà trước khi sang Chiêm Thành làm dâu, công chúa đã một lần diện kiến. Những tưởng rằng lần chia tay ấy với sư huynh sẽ là mãi mãi. Nhưng nhân duyên siêu ngộ này khiến cho Đại Sĩ vừa hoan hỉ vừa lo lắng, nên ngài mong muốn công chúa sớm xuất gia thọ Bồ Tát giới. Về việc xuất gia của Huyền Trân, Đại Sĩ uỷ nhiệm cho sư Bảo Sát lo liệu, để công chúa sớm có nơi tu hành.

Sau hơn một chu tuần vân du trên núi Yên Tử, Công chúa cúi lạy Đại Sĩ, xuống núi trở về kinh thành sống trong biệt cung. Hàng ngày nàng chỉ dành thời gian học đạo và cầu nguyện trước chính điện chùa Tư Phúc. Quỳ trước chính điện, Huyền Trân thường quan niệm rằng: có một ngày duyên lành phổ độ sẽ lên lại núi Yên Tử để làm lễ xuất gia thọ giới với chính Trúc Lâm Đại Sĩ, cho đến khi thành đạo, rồi tìm về một chốn sơn thanh thuỷ tú nào đấy ở miền Hải Dương mà lập am tu thiền nhưng ước nguyện ấy đã không kịp ứng với Công chúa Huyền Trân.

Vào ngày mùng ba<sup>1</sup> tháng Mười một năm Mậu Thân (1308), Thượng hoàng Nhân Tông - Trúc Lâm Đại Sĩ đã vien tịch vào lúc nửa đêm tại am Ngọa Vân! Trước khi về cõi niết bàn, Đại Sĩ dặn dò Bảo Sát phải

---

1. Có sách chép Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn vào ngày mùng một tháng Mười một.

ló cho Huyền Trân xuất gia và sư huynh đứng ra làm lễ tế độ cho công chúa, rồi tìm một nơi xa kinh thành để công chúa tu học. Song vì quá bận, sư huynh Bảo Sát đành phải nhờ vị sư đệ của mình là thiền sư Bảo Phác đảm nhận việc này. Công chúa Huyền Trân đã xuất gia tại núi Vũ Ninh (núi này còn có tên là núi Trâu Sơn) và được học đạo Phật dưới sự chỉ dạy của Thiền sư Bảo Phác, được ban pháp danh là Hương Tràng.

Tháng 10 năm Kỷ Dậu (1309), ni sư Hương Tràng lúc ấy vừa tròn hai mươi ba tuổi, đã được Thiền sư Bảo Phác phái về tu ở chùa Hồ Sơn mới lập ở huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam. Ni sư xin với thầy mình cho sư muội Hương Nghiêm theo cùng. Về nhập chúng tại chùa Hồ Sơn còn có Công chúa Thuy Bảo, chị ruột Công chúa An Tư, con gái vua Trần Thái Tông. Công chúa Thuy Bảo trước lấy Uy Văn Vương Trần Toại. Trần Toại mất sớm, vua Thái Tông lại gả bà cho Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng dòng dõi vua Lê Đại Hành. Năm 1285, Trần Bình Trọng chỉ huy tướng sĩ chặn giặc ở bãi Thiên Mạc, thất thế ông bị quân Nguyên giết, bà ở vậy một thời gian rồi quy y cửa Phật. Thuy Bảo có pháp danh là Tịnh Quang - người mà theo Đông A ngọc điệp phả, Huyền Trân phải gọi bằng bà nhưng về nhập chúng tại Hồ Sơn, Tịnh Quang lại trở thành sư muội của Hương Tràng.

Khi về nhập chúng tại chùa Hồ Sơn trên núi Hồ, ni sư Hương Tràng quan niệm rằng chùa này mới gây dựng, còn non trẻ, núi này còn thấp bé không sánh

được với ngọn Yên Tử cho nên đã đổi danh thành Nộn Sơn cho khiêm nhường.

Ni sư Hương Tràng tu ở chùa Nộn Sơn, ngoài Phật sự bà còn mở lớp học đồng áu dạy chữ cho bọn trẻ con nhà nghèo, dạy dân trồng lúa giống mới của người Chiêm. Nhờ hiểu biết y thuật, bà còn là một vị lang y chữa bệnh cứu dân trong vùng có tiếng. Những năm tu hành ở Hồ Sơn, nhiều lần bà tìm về làng Thái Đường thuộc huyện Hưng Nhân (nay là thôn Tam Đường, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), nơi có mộ ba vua đầu triều nhà Trần để lập am thờ tự chăm nom hương khói. Tại đây, bà cũng dạy dân biết thêm cách trồng dâu, dệt lụa theo lối người Chiêm.

Bà viên tịch vào đêm mồng 9 tháng Giêng khi mới ngoài năm mươi... Nhớ ơn bà, dân làng Thái Đường dựng ngôi đền thờ gần bờ sông Thái Sư, hiện vẫn còn dấu tích, tôn bà là Mẫu Huyền Trần. Tại đền làng Hồ Sơn, bà được phong làm Phúc Thần. Truyền rằng, mỗi khi đất nước gặp nạn binh đao hay thiên tai dịch bệnh, bà thường hiển linh phò trợ giúp dân.

Dánh giá cao hành trạng của Công chúa Huyền Trần - ni sư Hương Tràng, các triều đại sau từ vua Chính Hoà nhà Lê đến triều Nguyễn Thiệu Trị, Thành Thái, Duy Tân đều có sắc phong bà làm thần. Xin trích dịch bản Sắc phong thần sau cùng vào triều Khải Định năm thứ 9 (1924) có đoạn: "Sắc cho xã Hồ Sơn, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, từ trước đã phụng thờ vị thần Huyền Trần công chúa thuộc triều đại nhà Trần, nguyên được phong

tặng Trinh Uyển Dục Bảo Trung Hưng Chi Thần trong việc giữ nước giúp dân có nhiều linh ứng. Nhân nay gặp lễ đại khánh tứ tuần của trẫm, vâng thừa mệnh lớn, ban chiếu đền ơn, tặng thêm thứ bậc cho thật tốt đẹp lễ nghi, phong lên bậc Trai Tĩnh Trung Đẳng Thần, chuẩn cho đặc biệt phụ thờ, để khắc ghi ngày vui cả nước, tỏ bày điển lễ thờ tự!".

## THIÊN NINH CÔNG CHÚA

Công chúa Thiên Ninh là con gái Thượng hoàng Minh Tông, mẹ là Hiển Từ hoàng hậu. Công chúa là chị của Hoàng tử Hạo.

Vua Hiển Tông không có con trai kế vị nên Thượng hoàng Minh Tông đã cho Hoàng tử Hạo lên nối ngôi, lấy hiệu là Dụ Tông. Hoàng tử Hạo thông minh, học giỏi, chăm đèn sách. Hồi nhỏ đi chơi thuyền trên Hồ Tây bị ngã xuống nước, may nhờ thầy thuốc giỏi Trâu Canh cứu sống, nhưng bị di chứng liệt dương.

Mới sáu tuổi vua Dụ Tông đã lên ngôi, nên mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Gặp buổi khó khăn mùa màng thất bát, dịch bệnh lan tràn, trong nước có nhiều biến động. Nhờ tay Hoàng thượng biết chiêu tập hiền tài mà kẻ thù phương Bắc không nhòm ngó được, bờ cõi phương Nam cũng yên ổn. Khi Thượng hoàng Minh Tông qua đời, vua trẻ Dụ Tông lại không nối trí, còn ham vui chơi, rượu chè, cờ bạc, không chăm lo triều chính. Trước khi băng hà, vua cùng Thái hậu xuống chiếu đón Dương Nhật Lễ về nối ngôi. Nhật Lễ là con kép chèo Dương Khương. Vợ Dương Khương đã

có mang, nhưng Cung Túc Vương (con Thượng hoàng Minh Tông) háo sắc đã đón về làm vợ.

Trước cảnh hoàng gia như thế, nhiều người trong tôn thất lại nhu nhược, mặc cho Nhật Lễ lộng quyền sát hại nhiều người, giết cả Hiển Từ Tuyên Thánh là người xuống chiếu cho Nhật Lễ lên ngôi báu. Khi quan Thái tử Nguyễn Trác tính cách trừ khử bạo chúa Nhật Lễ, do quyết đán vung về, Nhật Lễ trốn thoát, rồi quay lại trả thù tàn ác có cả hai con của Công chúa Thiên Ninh.

Công chúa Thiên Ninh được phong thực ấp ở vùng sông Luộc. Trang trại của công chúa có hàng ngàn mẫu (nay thuộc xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình). Từ trang ấp rộng lớn, công chúa lập được dân binh để tự bảo vệ và phòng khi có biến. Nay Nhật Lễ lộng hành nên càng ra công chuẩn bị lực lượng, công chúa khuyên Trần Phủ nên dấy binh dẹp loạn Nhật Lễ. Trần Phủ còn do dự trù trừ, bởi có con gái là hoàng hậu (vợ Nhật Lễ) và đã tránh lên vùng Đà Giang ở. Công chúa khẳng khái nói với Trần Phủ "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ cho kẻ khác, ông nên đi, tôi đem bọn gia nô dẹp yên được". Khi đó, quan Chi hậu nội nhân phú chưởng Nguyễn Nhân cũng khuyên Trần Phủ: "Người ta muốn hại mình, sao mình không biết cỏ mà đi trước", Trần Phủ mới làm thơ "Đến trấn Gia Hưng" gửi cho em là Cung Tuyên Vương.

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

幸家興鎮寄弟恭宣王  
位極林深便去官  
側身渡嶺入山蠻  
七陵回首千行淚  
萬里捫心兩鬢斑  
去武圖存唐社稷  
安劉復賭漢衣冠  
明宗事業君須記  
恢復神京指日還

DỊCH THƠ:

Treo ấn từ quan tránh miệng đời  
Ấn mình rừng rậm núi cao thô  
Bước đi muôn dặm phơ đầu bạc  
Ngoảnh lại bảy lăng đẫm lệ rơi  
Trừ Võ giúp Đường bờ cõi vững  
Định Lưu phục Hán áo xiêm người  
Minh Tông sự nghiệp xin ghi nhớ  
Khôi phục thần Kinh hẹn tái hồi.

Công chúa Thiên Ninh tập hợp quân binh, lương thực, tiền của kéo vào Thanh Hoá hội quân với Trần Phủ, Trần Kính, Chương túc quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán tiến về kinh sư hỏi tội Dương Nhật Lễ. Mặt khác ngầm liên kết với Thiếu úy Ngô Lang để dẹp Nhật Lễ. Trên đường tiến quân đến Hiển Khánh (nay

thuộc đất Vũ Bản, Nam Định) thì ban bố lệnh phế truất Dương Nhật Lễ. Suy tôn Cung Định Vương Trần Phủ lên làm vua.

Tháng 2 năm Tân Hợi (1371) Nghệ Tông mở tiệc ở điện Thiên An để khao thưởng phong cho Công chúa Thiên Ninh làm Lượng quốc thái trưởng công chúa. Việc đại sự xong, bà đã xin lui về thái ấp vui với ruộng đồng.

Nay tại xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình còn ngôi miếu Hoàng Bà uy nghi thờ Thái trưởng Công chúa Thiên Ninh và Thiên Cực công chúa.

## **KÍNH CHÉP THEO NGỌC ĐIỆP PHẨ**

*Trong quá trình sưu tầm chúng tôi có một số tư liệu về các cung phi hoàng hậu Trần tộc trong Ngọc điệp phả, xin giới thiệu cùng bạn đọc.*

### **NHÂN TÔNG HOÀNG HẬU**

Hậu là con gái của Hưng Đạo Vương, tôn hiệu là Khâm Từ hoàng hậu, Hậu tính nết nhân từ mềm mỏng với cả mọi người dưới mình.

Thượng hoàng Thánh Tông có đặt cũi nhốt cọp ở thềm vọng lâu, sai quân sĩ vờn rồi ngồi trên xem. Thái hậu và các phi tần cũng đều theo tới. Thềm hổ thấp, có lần hổ chồm lên, mọi người đều sợ chạy cả, chỉ còn có Hậu và bốn năm người thị nữ. Hậu bèn đem thân mình che cho Thượng hoàng. Cọp sợ hãi nhảy xuống, do vậy không ai bị thú dữ cắn xé gì cả.

Lần khác, Thượng hoàng ngự ở điện Thiên An xem đấu voi. Một con voi xông vào sấp leo lên trên điện. Tả hữu kinh hoàng lui cả, chỉ có Hậu là ở đó.

## **ANH TÔNG HOÀNG HẬU**

Hậu là con gái của Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng, tôn hiệu là Thuận Thánh bảo từ Hoàng Thái hậu, tính nết nhân từ. Đối với các con vua, do mình sinh ra hay hậu khác sinh ra bà cũng đều coi sóc yêu quý như nhau. Vua rất yêu Công chúa Huệ Chân, còn Thiên Chân công chúa là hậu sinh ra. Nếu có thứ gì, hậu đều cho Huệ Chân trước, khi vua mất rồi hậu cũng quý Huệ Chân như trước. Đến như đối với các cung tần, hậu cũng xử sự rất trọng hậu. Bấy giờ ai cũng tôn xưng là Mẫu đức một thời. Khi phụng sự từ cung đế về An Sinh, các vị lê chay dù nhỏ hậu đều thân làm lấy và nói với sư rằng: "Tiên đế đi rồi, ta chỉ thể nhìn mặt sư, nói cùng sư và chỉ có trai thành khổ hạnh để báo lại đức lớn như trời mà thôi!". Hậu ở trong núi được mươi năm thì mất.

## THÚ PHI CỦA ANH TÔNG TĨNH HUỆ

Phi là Tĩnh Huệ con gái Quan Nội hầu Phạm Điện Suý. Khi vua mất, phi xuất gia về chùa Bảo Sơn nơi quê cũ. Phi thường than rằng: "Chùa này do tiên quân ta lập nên, nay tuổi ta lại cao hơn ngôi chùa này, vậy ta ở đây vừa để chúc Thánh vừa để thờ tiên nhân cho trọn niềm trung hiếu, ấy là ý nguyện của ta!". Thế rồi phi tu bổ lại chùa, còn dựng ở bên đông một ngôi nhà làm nơi thờ cúng tiên tổ. Khi Minh Tông đến có cho biền để biểu dương lòng hiếu kính của phi.

PHẦN V

*Di sản Hán Nôm*

## TẠI TRẦN MIẾU

Trần Miếu xưa nay là di tích lịch sử văn hoá đền Trần, thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định gồm có ba đền: Chính giữa là đền Thiên Trường (còn gọi là đền Thượng) thờ 14 vị hoàng đế cùng các vị thuỷ tổ nhà Trần. Bên phải là đền Cố Trạch (còn gọi là đền Hạ) được xây dựng năm Thành Thái thứ 6 (1894) thờ Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương cùng gia đình và các tướng lĩnh thân tín của ông. Bên trái là đền Trùng Hoa mới được phục dựng năm 2000 với phong cách kiến trúc truyền thống để thờ 14 hoàng đế thời Trần. Người đến hành lễ, dự lễ hội hay tham quan ngay từ ngoài vào sẽ được thấy các di sản Hán - Nôm, đó là: đại tự, hoành phi, câu đối thư tịch văn bia Hán - Nôm. Còn các sắc phong, thần phả, ngọc phả, thần tích thì chỉ khi nào có dịp may mới có thể tiếp cận.

## 1. ĐỀN THIÊN TRƯỜNG

### 1.1. Đại tự

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

正 南 門

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Chính nam môn*

DỊCH NGHĨA:

Cửa chính Nam

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

帝 德 昭 彰

丙 子 年 仲 冬

沐 恩 弟 子 高 士 兼 陳 氏 次 全 供 進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đế đức chiêu chương*

Bính Tý niên trọng đông

Mộc ân đệ tử Cao Sĩ Kiêm, Trần Thị Thứ đồng cúng tiến

DỊCH NGHĨA:

Đức của đế sáng rõ

Giữa đông năm Bính Tý

Đệ tử mộc ân Cao Sĩ Kiêm, Trần Thị Thứ cùng cúng tiến.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

東 阿 日 景

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đông A nhật cảnh*

DỊCH NGHĨA:

Cảnh huy hoàng rực rỡ của triều Trần

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

陳 廟

皇朝嗣德万万年之六歲在癸丑六月上灋奉旨出庫錢重修

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần miếu*

Hoàng triều Tự Đức vạn vạn niên chi lục, tuế tại Quý Sửu  
lục nguyệt thượng cán, phụng chỉ xuất khố tiền trùng tu.

DỊCH NGHĨA:

Miếu thờ của nhà Trần

Thượng tuần tháng Sáu năm Quý Sửu, triều vua Tự Đức  
muôn năm, năm thứ 6 (1853) vâng theo chiếu chỉ xuất tiền  
công tại kho sửa lại.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

天 長 宮

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiên Trường cung*

DỊCH NGHĨA:

Cung Thiên Trường

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

重光

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trùng Quang*

DỊCH NGHĨA:

Cung Trùng Quang

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

重華

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trùng Hoa*

DỊCH NGHĨA:

Cung Trùng Hoa

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

天地長存

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiên địa trường tồn*

DỊCH NGHĨA:

Với trời đất lâu dài còn mãi

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

即墨行都

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Túc Mặc hành đô*

DỊCH NGHĨA:

Hành đô Túc Mặc

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

陳家祖廟

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần gia tổ miếu*

DỊCH NGHĨA:

Miếu tổ của nhà Trần

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

肇王基跡

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Triệu Vương cơ tích*

DỊCH NGHĨA:

Dấu vết xây dựng cơ nghiệp để vương ban đầu.

## 1.2. Câu đối

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

保國護民外賊至今猶白髮  
仁和德治內邦自古荷皇恩

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Bảo quốc hộ dân, ngoại tặc chí kim do bạch phát  
Nhân hoà đức trị, nội bang tự cổ hà hoàng ân*

DỊCH NGHĨA:

Giữ nước yên dân, giặc ngoại tối nay đầu khiếp trắng  
Dùng nhân lấy đức, khắp nơi từ trước thầm ơn vua

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

列聖嬰雄故里廟堂應復舊  
在人功德新年香火不忘初

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Liệt thánh anh hùng, cố lý miếu đường ưng phục cựu  
Tại nhân công đức, tân niên hương hoả bất vong sơ*

DỊCH NGHĨA:

Các thánh anh hùng, đền miếu chốn quê phục hồi  
nếp cũ  
Với dân công đức, khói hương năm mới tưởng nhớ  
năm xưa

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

政 和 廟 制 鄉 崇 造  
明 命 巡 行 國 祭 興

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Chính Hoà miếu chế hương sùng tạo  
Minh Mệnh tuần hành quốc tế hương*

DỊCH NGHĨA:

Tại niên hiệu Chính Hoà quê hương tôn tạo ngôi  
đền miếu.  
Đến thời vua Minh Mệnh quốc tế năm xưa lại dấy lên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

古 謂 行 宮 今 是 廟  
前 推 功 業 後 知 恩

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Cổ vị hành cung, kim thi miếu  
Tiền suy công nghiệp, hậu tri ân

DỊCH NGHĨA:

Trước gọi hành cung, sau này gọi miếu  
Xưa tôn sự nghiệp, nay nhớ công ơn.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

王 道 蘭 平 歸 有 極  
聖 心 軒 豁 洞 重 天

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Vương đạo đăng bình, quy hữu cực  
Thánh tâm hiên khoát, động trùng thiên

DỊCH NGHĨA:

Đạo nhà Vương khoan dung, dồn về một mối  
Lòng đức thánh rộng rãi, thấu tối trời cao

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

興廢眼前非莫狀  
尊崇嗣後不欺心

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hưng phế nhän tiễn, phi mạc trạng  
Tôn sùng tự hậu, bất khi tâm*

DỊCH NGHĨA:

Thịnh suy trước mắt rõ ràng, ai đã nói rằng không  
vẽ được.

Tôn kính nỗi nhau giữ gìn, chớ nên đổi dạ có đâu hay.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

民為邦本千年策  
功在人心萬古長

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Dân vi bang bản, thiên niên sách  
Công tại nhân tâm, vạn cổ trường*

DỊCH NGHĨA:

Dân là gốc nước, ngàn năm nêu sách lược  
Công ở lòng người, muôn thuở báo dài lâu

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

廟在鄉村宮闕舊  
祠俏功業史經新

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Miếu tại hương thôn, cung khuyết cựu  
Từ tiêu công nghiệp, sử kinh tân*

DỊCH NGHĨA:

Miếu nơi cung khuyết quê hương cũ  
Đền nhớ công lao sử sách ghi

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

憶前漁以生涯楊舍始來停蹕住  
至後功于李祚康村初定作家祠

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Úc tiền ngư dĩ sinh nhai Dương Xá thuỷ lai đình  
tất trú  
Chí hậu công vu Lý tộ Khang thôn sơ định tác gia từ*

DỊCH NGHĨA:

Nhớ xưa sinh sống bằng nghề chài buỗi đầu dừng  
gót nơi Dương Xá  
Về sau có công với nhà Lý mới xây gia miếu tại  
Khang thôn

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

近接太堂陵靈異江山陳史艷傳今勝地  
遙占南墨廟清幽景物仙洲猶記舊行宮  
壬寅年九月初三夜奉乩筆  
興安省快州府仙侶縣仙洲總芳焰社香福  
望祠安善會全拜進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Cận tiếp Thái Đường lăng, linh dị giang sơn,  
Trần sử diêm truyền kim thăng đia  
Đao chiêm Nam Mắc miếu, thanh u cảnh vật, Tiên  
châu do ký cựu hành cung.*

Nhâm Dần niên cửu nguyệt sơ tam dạ phụng kê bút.

Hưng Yên tỉnh, Khoái Châu phủ, Tiên Lữ huyện, Tiên  
Châu tổng, Phương Chiểu xã, Hương Phúc vọng từ, An  
Thiện hội đồng bái tiến.

DỊCH NGHĨA:

*Gần với lăng Thái Đường, non nước thiêng liêng sứ  
nhà Trần rạng rõ lưu truyền, còn lại ngày nay nơi  
đất đẹp*

*Trong vòi miếu Nam Mắc, quang cảnh u tịch,  
chốn châu Tiên vẫn ghi nét bút, khi xưa đây vốn có  
hành cung.*

Tối ngày 3 tháng 9 năm Nhâm Dần kính việc giáng bút  
Hội An Thiện, Hương Phúc vọng từ, xã Phương Chiểu,  
tổng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu, tỉnh  
Hưng Yên lạy dâng lên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

二百年道治淳熙詩是盛唐文是漢  
千萬世功存湛定南之林邑北之元

咸宜乙酉元年

河內知止武輝著奉

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nhị bách niên đạo hợp thuần hy thi thị thịnh Đường,  
văn thi Hán*

*Thiên vạn thế công tồn trạm định Nam chi lâm áp,  
Bắc chi Nguyên.*

Hàm Nghi Ất Dậu nguyên niên

Hà Nội tri chỉ Vũ Huy Trứ bái phụng.

DỊCH NGHĨA:

Hai trăm năm đạo hoà hợp tốt lành như thơ thời  
thịnh Đường, văn thời Hán.

Nghìn vạn đời công còn với việc chia định lâm áp  
phương Nam, Nguyên phương Bắc.

Năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi năm thứ nhất (1885)

Vũ Huy Trứ ở Hà Nội bái thờ.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

皇 越 輿 圖 存 一 總  
天 長 宮 闕 自 千 秋

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hoàng Việt dư đồ tồn nhất thống  
Thiên Trường cung khuyết tự thiên thu.*

DỊCH NGHĨA:

Non nước Việt Nam còn một mối

Thiên Trường cung thất vẫn ngàn thu

冰墨弟子陳日敘陳友善阮文鑑同撰

戊戌八年春

天南祀典天圖寶庫宣國熙合樹垣  
天璽寶鑑天岳故宮明德馨香圓俎豆

◆ NGUYỄN VĂN CHU HÂN:

Tri phủ phu Xuan Truong Luu Huu Dong lay dang len.

Mua thu nam Dinh Dau (1897) nien hieu Thanh Thai

sam boong cay.

Ngoi nha Ly truyen lai, ghi lich dau Kien Trung roi

Tuc Mac, duoc sanh de chau con dai lau thinh vuong.

Tu dat Man vnut sang, dat nen noi Yen Tu, lai roi ve

DICH NGHIA:

Linh Xuan Truong phu Tri phu Luu Huu Dong bai tien.

Thanh Thai Dinh Dau thu.

Quang hut tu, thai binh tao ung muc mien uan.

Dan thu Ly chi thien, Kien Trung ky lich, Trung

thien, minh duoc khac xuong qua diet pha.

Viet tu Man nati lai, Yen Tu trieu co, Tuc Mac tai

PHIEN AM HAN - VIET:

戊戌丁酉秋清春月府知府劉鑑同撰

璽木錄文

重慶李之謙建中紀曆重光龍籍太平早

克昌从謙鑄

越自圓乃來安子肇基即墨載明德

◆ NGUYỄN VĂN CHU HÂN:

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiên ứng bảo lục, Thiên Trường cổ cung, minh đức  
hình hương văn trở đậu*

*Thiên Nam tự điển, Thiên Thuộc quý hương, thuần  
phong hy hợp thụ viên dung.*

Thành Thái bát niên xuân

Mộc ân đệ tử Trần Nhật Tự, Trần Hữu Thiện, Nguyễn  
Văn Nghĩa đồng bái.

DỊCH NGHĨA:

Bản chép quý báu nói Thiên ứng, cung thất xưa kia  
ở Thiên Trường, công đức sáng ngời, rõ rệt thấy  
trong nơi kính tế.

Điển thờ tốt đẹp dưới trời Nam, quê hương kể rằng  
tên Thiên Thuộc chính nhân tốt đẹp, dựng xây cơ  
bản bức tường thành

Năm thứ 8 (1896) niên hiệu Thành Thái

Mộc ân đệ tử Trần Nhật Tự, Trần Hữu Thiện, Nguyễn  
Văn Nghĩa cùng dâng lên.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

考詳于驛亭祖像芹海無波天地鬼神享德  
納款有元使願臣宋人來附謳歌朝覲歸仁

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Khảo tường vu dịch đình tổ tượng, Cần Hải vô ba,  
thiên địa quý thần hưởng đức.*

*Nạp khoản hữu Nguyên sứ nguyện thần, Tống nhân  
lai phụ, âu ca triều cận quy nhân.*

DỊCH NGHĨA:

Xét rõ tượng tô trong đình trạm, cửa Cần sóng biển  
không cồn, trời đất quý thần đều hướng đức.  
Khoản nộp có sứ Nguyên thần phục, người Tống ở xa  
cũng mến, lời thơ ca ngợi nếp nhân từ.

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

南面依然天子舊  
北朝儼若百官初

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nam diện y nhiên thiên tử cựu  
Bắc triều nghiêm nhược bách quan sơ.*

DỊCH NGHĨA:

Quay mặt hướng Nam, như thiên tử trước  
Chầu về phương Bắc, tựa bách quan xưa.

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

社稷兩回勞石馬  
山河萬古奠金甌

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã  
Sơn hà vạn cổ điện kim âu.*

DỊCH NGHĨA:

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá  
Non sông muôn thuở vững âu vàng

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

靈異江山陳史艷傳今勝地  
清幽景物仙洲猶記舊行宮

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Linh dị giang sơn, Trần sử diêm truyền kim thăng  
địa  
Thanh u cảnh vật, tiên châu do ký cựu hành cung.*

DỊCH NGHĨA:

Giang sơn thiêng liêng, sử Trần mãi truyền nay là  
thăng địa  
Cảnh vật thanh u, châu tiên còn ghi trước vốn là  
hành cung.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

德治累朝能重望  
功高歷代繼尊崇

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đức trị luỹ triều năng trọng vọng  
Công cao lịch đại kế tôn sùng.*

DỊCH NGHĨA:

Đức trị các triều hay trọng vọng  
Công cao muôn đời mãi tôn sùng.

### **1.3. Chuông Trần miếu**

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

**陳廟金鐘**

成泰元年壯村信老會恭進  
越啟定元年全會上下改鑄加高廣各一寸零

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần miếu kim chung*

*Thành Thái nguyên niên, Tráng thôn tín lão hội  
cung tiến.*

*Việt Khải Định nguyên niên đồng hội thượng hạ cải  
chú gia cao quảng các nhất thốn linh*

DỊCH NGHĨA:

*Chuông vàng miếu Trần*

Niên hiệu Thành Thái năm đầu (1889) hội Tín lão  
thôn Tráng kính cẩn dâng lên.

Đến niên hiệu Khải Định năm đầu (1916) các vị trên  
dưới của cả hội đúc lại cho cao to hơn cũ mỗi bể hơn  
một tấc.

### **1.4. Sắc phong**

CÁC ĐẠO SẮC PHONG ĐANG ĐƯỢC LƯU GIỮ TẠI BẢO  
TÀNG TỈNH NAM ĐỊNH

(Gồm có mười đạo trong đó có chín đạo cùng một  
niên đại Vĩnh Thịnh thứ 6 và một đạo Tự Đức thứ 33)

1. Phong cho Thái Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
2. Phong cho Thánh Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
3. Phong cho Nhân Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
4. Phong cho Anh Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
5. Phong cho Minh Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
6. Phong cho Hiến Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)
7. Phong cho Dụ Tông hoàng đế  
Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc  
Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)

8. Phong cho Nghệ Tông hoàng đế

Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc

Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)

9. Phong cho Thuận Tông hoàng đế

Xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc

Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm  
thứ 6 (1710)

10. Phong cho Thái Tông, Thánh Tông, Nhân  
Tông, Anh Tông, Minh Tông, Hiển Tông, Dụ  
Tông, Nghệ Tông, Duệ Tông, Thuận Tông,  
Bản cảnh Thành hoàng uy minh trấn quốc chi  
thần và Cao Mang chi thần xã Túc Mặc,  
huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 11 niên hiệu Tự Đức năm thứ 33 (1880).

Những sắc phong này đến nay đã thuộc vào cổ vật  
nên đã bị niêm phong. Theo nguyên tắc, khi nào có dịp  
thật đặc biệt mới mở ra. Chúng tôi đã sưu tầm được  
duy nhất một bản sắc phong cho vua Trần Nhân Tông  
là Trúc Lâm Đại đầu đà Thiền sư với nhiều mỹ tự đẹp,  
ca ngợi sự nghiệp anh hùng, đức cao, thông tuệ...

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

敕陳朝仁宗皇帝竹林大頭陀禪師玄靖善慶洪感孚應  
完功興福廣濟翊運顯佑護國妙仙垂裕顯慶厚澤至仁  
廣惠潤澤佑民揚武扶祚護國安民衍福鎮安宏模遠略  
定功護世救世助治延祿垂休扶業聰明剛果勇議達道  
弘恩度眾護國助勝雄偉玄机秘計濟時勇斷英仁果敢

聰明正直神武尊上齊莊中正發強剛議厚德令善濟仁  
和美英敏特達寬容皇帝乃文乃武至粹至精恢保民守  
國之規為君道盡大禦患除災之力相帝功宏慶休衍及  
于今褒美載稽自古

為嗣王進封王位臨居正府尊扶宗社鞏固鴻圖禮有登  
秩應加封可加封行高恩厚化廣皇帝

故敕

永盛六年八月初十日

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Sắc Trần triều Nhân Tông hoàng đế, Trúc Lâm Đại  
đầu đà Thiền sư, huyền tinh thiện khánh, hồng cảm  
phu ứng, hoàn công hưng phúc quảng tế dục vận hiển  
hựu hộ quốc diệu tiên thuỷ dụ hiển khánh hậu trạch  
chí nhân quảng huệ nhuận trạch hựu dân dương vũ  
phù tộ hộ quốc an dân diễn phúc trấn an hoằng mô  
viễn lược định công hộ thế cứu thế trợ trị diên lộc thuỷ  
hưu phù nghiệp thông minh cương quả dũng nghị đạt  
đạo hoằng ân độ chúng hộ quốc trợ thắng hùng vĩ  
huyền cơ bí kế tế thì dũng đoán anh nhân quả cảm  
thông minh chính trực thần vũ tôn thương tế trang  
trung chính phát cường cương nghị hậu đức lệnh thiện  
tế nhân hoà mĩ anh mẫn đặc đạt khoan dung hoằng  
đế nai văn nai vũ chí tuý chí tinh, khôi bảo dân thủ  
quốc chi quy vi quân đạo tận, đại ngự hoạn trừ tai chi  
lực tướng đế công hoằng. Khánh hưu diễn cập vu kim,  
bao mĩ tái kê tự cổ.

Vi tự vương tiến phong vương vị, lâm cư chính phủ,  
tôn phù tông xã, củng cố hồng đồ, lễ hữu đăng trật,

ưng gia phong, khả gia phong hạnh cao ân hậu, quảng  
hóa hoàng đế.

Cố sắc.

Vĩnh Thịnh lục niên bát nguyệt sơ thập nhật.

DỊCH NGHĨA:

Sắc phong cho Trần triều Nhân Tông hoàng đế, Trúc Lâm Đại đầu đà Thiền sư, huyền vi lặng lẽ, khôn khéo vui mừng, cảm ứng tin tưởng, công lao trọn vẹn, dãy điểu phúc, rộng rãi cứu giúp, phò cho vận hội, giúp đỡ rõ ràng, giúp nước, vị Tiên giỏi, để lại điểu phúc cho mai sau, sự vui mừng rõ rệt, ơn huệ thẩm nhuần rộng rãi, giúp đỡ cho dân, phô trương võ lược, giúp nước yên dân, kéo dài điểu phúc, trấn giữ cho yên ổn, mưu lược to lớn, có công cứu nước cứu đời, giúp việc trị dân, kéo dài điểu phúc lộc, giúp cho cơ nghiệp sáng suốt, cương quyết, dũng mãnh dám làm, đạo rộng, ơn lớn, giúp cho dân nước, giúp cho thắng lợi, anh hùng giỏi giang, mưu mẹo thần diệu, phò giúp cho thời vận, đoán và làm điểu hay, anh hùng nhân đức, sáng suốt ngay thẳng, phô trương thanh thế to lớn oai hùng, tôn kính thượng đế, trang nghiêm không thiên vị, đức tốt, có nhiều điểu nghĩa tốt lành, giúp và khuyến khích việc làm nhân, hoà với việc làm tốt, anh hùng sáng suốt, biết khoan dung, không chấp nhặt.

Hoàng đế là vị thần gồm văn gồm võ rất sáng rất thông, mở mang việc giữ nước giúp dân, làm vua hết ý, khuếch trương việc trừ tai ngăn họa vì đế gắng công. Phúc mừng kéo dài đến ngày nay, phong tặng cứ theo như thuở trước.

Nhân vì tự vương, được phong nối ngôi vương, ở nơi chính phủ, tôn phù xã tắc, cung cố nghiệp lớn, có lẽ gia phong phẩm trật, nên phong, đáng phong là tính nết cao cả, ơn dày, giáo hoá rộng khắp.

Vậy phong sắc.

Ngày 10 tháng 8 niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ 6 (1710).

### 1.5. Văn bia

Bia Trần miếu dựng tại ngũ môn đền Trần, khổ 2,12 x 1,70m. Trên trán chạm lưỡng long chầu mặt nguyệt, diềm bia chạm hoa lá.

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

#### 陳廟碑記

即墨古帝鄉也，有陳廟在焉。歷代祀典隆，國朝重熙累治，稽古崇拜彌篤，每致祭地方大吏奉詔惟謹。嗣德五年春，行省潘輝泳來謁，以為廟制狹小未稱前代明德，白諸前制台阮文典，摺諸修理，既得旨支孥錢三百綿，又商與外台尊室合省轄文武各為捐俸，其鄉亦出公私錢充辦材料咸具則派省屬合同邑鳩工，今嶺定安總督永忠男黎文富，布政使黎秉德，按察使黃金炎，復相繼揭助日，臧事惟早無愆于夙。於是複殿層樓顯廠壯固，大有奢昔。自壬子五月越癸丑六月工竣需七千餘計，將記其事來徵文於陽亭。

惟夫其德滋遠，思德滋深，古之道也。陳氏仁厚立國，君臣上下之間，藹然誠朴，淳古之衣以養成一代之人

心峯俗故能重興之間，三殲元寇，使傘山瀘水之域不染胡腥厥功偉矣。

夫朱明非蒙古比也，利陳之亡南來吞噬，狼藉溪柯流毒且不淺，使非黎祖起而掃除之，則斯人也，安知不胥明季投冠薙發之辱耶？然則陳有功在交南與黎伯仲，所謂民到于今受其賜者非歟。

是役也聖朝仁厚淳大之至，賢牧伯奉揚風教之一大事，人心知義不忘盛德至善之報眾美且焉。輒不自揆書之以為記，因繫于銘：

圓傘山高  
珥河水闊  
永浦春風  
璜江秋月  
依然舊國  
奕奕新宮  
金甌如故  
石馬俱雄  
東阿香火  
天地始終

嗣德六年六月中澣  
三甲進士陽亭吳世榮拜撰

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần miếu bi ký*

Túc Mặc cổ để hương dã, hữu Trần miếu tại yên.  
Lịch đại tự điển long, quốc triều trùng hy luỹ hợp kê

cổ sùng bái di đốc, mỗi trí tế địa phương đại lại phụng chiếu duy cẩn. Tự Đức ngũ niên xuân, hành tinh Phan Huy Vinh lai yết, dī vi miếu chế hiệp tiểu vị xứng tiền đại minh đức, bạch chư tiên Chế đài Nguyễn Văn Diển, tập chư tu lý, ký đặc chỉ chi noa tiền tam bách miên, hựu thương dữ ngoại đài tôn thất hợp tinh hạt văn vũ các vi quyên bồng, kỳ hương diệc xuất công tư tiền sung biện tài liệu hàm cụ tắc phái tinh thuộc hợp đồng ấp cưu công, kim lĩnh Định An tổng đốc Vĩnh Trung Nam Lê Văn Phú, Bố chính sứ Lê Bình Đức, án sát sứ Hoàng Kim Viêm, phục tương kế yết trợ nhật, tang sự duy tảo vô khiên vu túc. Ư thị phức điện tầng lâu hiển xưởng tráng cố, đại hữu xa tích. Tự Nhâm Tý ngũ nguyệt việt Quý Sửu lục nguyệt công thoan nhu thất thiên dư kế, tương ký kỳ sự lai trưng văn ư Dương Đình.

Duy phù kỳ đức tư viễn, tư đức tư thâm, cổ chí đạo dã. Trần thị nhân hậu lập quốc, quân thân thượng hạ chi gian, ái nhiên thành phác, thuần cổ chí ý dī dưỡng thành nhất đại chi nhân tâm phong tục. Cố nǎng Trùng Hưng chi gian, tam tiêm Nguyên khấu, sử Tân sơn Lô thuỷ chi vực bất nhiễm Hồ tinh, quyết công vĩ hỹ.

Phù Chu Minh phi Mông Cổ tỷ dã, lợi Trần chi vong Nam lai thôn phệ, lang tạ khẽ khà lưu độc thả bắt thiển, sử phi Lê Tổ khỏi nhi tảo trừ chi, tắc tư nhân dã, an tri bất tư Minh quý đầu quan thế phát chi nhục da? Nhiên tắc Trần hữu công tại Giao Nam dữ Lê bá trọng, sở vị dân đáo vu kim thụ kỳ tứ giả phi dư?

Thị dịch dã thánh triều nhân hậu thuần đại chi chí, hiền mục bá phụng dương phong giáo chi nhất đại sự,

nhân tâm tri nghĩa bất vong thịnh đức chí thiện chi báo chúng mĩ thả yên. Chiếp bất tự quỹ thư chi dĩ vi ký. Nhân kế vu minh:

Viên, Tân sơn cao  
Nhĩ hà thuỷ khoát  
Vĩnh phồ xuân phong  
Hoàng giang thu nguyệt  
Y nhiên cựu quốc  
Dịch dịch tân cung  
Kim âu như cổ  
Thạch mã câu hùng  
Đông A hương hoả  
Thiên địa thuỷ chung

Tự Đức lục niên lục nguyệt trung cán  
Tam giáp Tiến sĩ Dương Đình Ngô Thế Vinh bái soạn.

DỊCH NGHĨA:

*Bia ghi miếu nhà Trần*

Tức Mặc vốn là quê hương của vua ngày trước, có miếu thờ nhà Trần ở đó. Trải bao đời được thờ tự long trọng, triều ta luôn chú ý tới. Qua coi điển cũ thấy sùng bái rất trọng hậu, khi tế lễ quan địa phương phụng chiếu kính cẩn trang nghiêm. Mùa xuân năm Tự Đức thứ 5 (1853) quan tỉnh là Phan Huy Vịnh tới thăm miếu thấy quy cách nhỏ hẹp không ngang tầm đức sáng rực rõ của các ngài thuở trước, bèn cùng quan Bố chính Nguyễn Văn Diển dâng sớ tâu xin tu

sửa. Được triều đình cho phép, lại cho xuất tiền trong kho là 300 quan để lo công việc và bàn với quan ngoại đài tôn thất, hội với các quan văn võ cúng tiền lương, bổng. Bà con làng xóm cũng đem tiền công, tư góp thêm vào việc sắm sửa vật liệu. Sau đó quan tỉnh họp bàn với chức sắc địa phương khởi công xây dựng.

Nay quan tổng đốc Định An tước Vĩnh Trung Nam Lê Văn Phú, Bố chính sứ Ngô Bỉnh Đức cùng quan án sát sứ Hoàng Kim Viêm nối tiếp nhau lo việc tiền nong và tính toán chu đáo để tránh sai lầm khi thi công. Công việc tiến hành từ tháng Năm năm Nhâm Tý (1852) đến tháng Sáu năm Quý Sửu (1853) thì hoàn thành, chi phí kể tới hơn 7.000 quan, liền đem việc đó nhờ nhà văn Dương Đình ghi lại.

Kìa như làm việc đức càng nhiều, thì nhờ đức lại càng lâu. Nhà Trần ta vốn đem những điều nhân hậu dựng nên quốc thống, vua quan trên dưới một lòng thành thật chất phác, nối tiếp được nếp đẹp thời thuần cổ tạo ra nền nếp lòng người, hành vi tốt đẹp. Vì vậy, niên hiệu Trùng Hưng dưới thời Trần, nước ta ba lần đánh giặc Nguyên thắng lợi rực rõ khiến cho khu vực sông Lô, núi Tản không nhiễm hôi tanh của quân xâm lấn. Công lao ấy to lớn lắm, kỳ diệu lắm.

Nhà Chu Minh (do Chu Nguyên Chương sáng lập) không thể ví sức mạnh với quân Mông Cổ được. Nhưng thừa lúc triều Trần tan nát, chúng ào ạt kéo xuống cõi Nam xâm lấn, cắn xé bừa bãi, gây nhiều tội lỗi không

thể kể hết. Nếu chẳng có vua Lê Thái Tổ khởi binh ra tay đánh đuổi bọn xâm lược tham tàn thì sao rửa được mối nhục mất nước...

Song nhà Trần có công lao là hơn hay kém so với nhà Lê lại khẳng định nhân dân ta đến ngày nay còn chịu ơn dày có phải không?

Về việc sửa sang này thánh triều ta rất là đôn hậu, cai trị giữ được việc lớn của phong tục, lòng người nhớ nghĩa không quên gốc, cũng là để báo đáp đức tốt của người xưa.

Tôi không biết tự lượng sức mình tài năng hèn kém nên viết ra đây, ghi lại việc làm đã qua:

Nhân đây có bài minh:

Núi Viên, núi Tân chót vót  
Sông Nhị Hà mênh mông  
Gió xuân hiu hiu thổi trên bến Vĩnh  
Trăng thu vàng vặc chiếu bãi sông Hoàng  
Non nước xưa tối nay vẫn thế  
Cung thất mới, trên nền cũ nghiêm trang  
Âu vàng ngàn năm bền vững  
Ngựa đá muôn thuở oai hùng  
Cõi Đông A màu hương khói  
Với đất trời mai mặn nồng

Trung tuần tháng Sáu niên hiệu Tự Đức năm thứ 6 (1853)

Tam giáp Tiến sĩ Dương Đình Ngô Thế Vinh kính soạn.

## 2. TẠI ĐÊN CỐ TRẠCH (CÒN GỌI LÀ ĐÊN HẠ)

### 2.1. Đại tự

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

忠

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trung*

DỊCH NGHĨA:

Trung với nước

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

孝

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hiếu*

DỊCH NGHĨA:

Hiếu với cha mẹ

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

宅廟墨南

龍飛丁未秋  
協安新美陳書田井書拜進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nam Mặc miếu trạch*

Long phi Đinh Mùi thu  
Hiệp An Tân Mỹ Trần Thư Điển tinh thư bái tiến.

DỊCH NGHĨA:

Miếu nhà ở đất Nam Mặc  
Rồng bay mùa thu năm Đinh Mùi  
Hiệp An Tân Mỹ Trần Thư Điển viết lạy dâng lên,

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

東阿玉譜

皇保大六年春造

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đông A ngọc phả*

Hoàng Bảo Đại lục niên xuân tạo

DỊCH NGHĨA:

Sách ngọc họ Đông A  
Niên hiệu vua Bảo Đại năm thứ 6 (1931) tạo nên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

陳

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần*

DỊCH NGHĨA:

Họ Trần

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

荷 德 如 山  
龍 飛 辛 亥 夏

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hà đức như sơn*

Long phi Tân Hợi hạ

DỊCH NGHĨA:

Đội đức như núi  
Rồng bay mùa hè năm Tân Hợi

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

名 謐 兩 國  
維 新 壬 子 春

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Danh đằng lưỡng quốc*

Duy Tân Nhâm Tý xuân

DỊCH NGHĨA:

Tiếng vang hai nước  
Mùa xuân năm Nhâm Tý (1912) niên hiệu Duy Tân.

◊ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

東 阿 經 院

龍 飛 己 巳 冬  
南 定 南 丰 號 敬 獻  
廣 東 聘 敬 書

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đông A kinh viện*

Long phi Kỷ Tỵ đông  
Nam Định Nam Phong hiệu kính hiển  
Quảng Đông Sính Chi kính thư.

DỊCH NGHĨA:

Viện sách của họ Trần

Rồng bay mùa đông năm Kỷ Tỵ  
Hiệu Nam Phong ở đất Nam Định kính dâng  
Người Quảng Đông tên là Sính Chi kính viết.

◊ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

興 道 親 王 故 宅

大 南 成 泰 丁 酉 年 春  
萬 南 望 殿 拜 鑄

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hưng Đạo thân vương cố trạch*

Đại Nam Thành Thái Đinh Dậu niên xuân  
Vạn Nam vọng điện bái thuyên

DỊCH NGHĨA:

Nhà cũ của Hưng Đạo thân vương  
Mùa xuân năm Đinh Dậu (1897) niên hiệu Thành Thái  
nước Đại Nam Vạn Nam vọng Điện lạy khắc.

## 2.2. Câu đối

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

系出東阿一點忠誠日月  
名騰墨水重興事業北南

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hệ xuất Đông A, nhất điểm trung thành nhật nguyệt  
Danh đằng Mặc thuỷ, trùng hưng sự nghiệp bắc nam.*

DỊCH NGHĨA:

Trong họ Trần, một nghĩ trung thành sáng như  
bóng nhật  
Tiếng lừng Mặc thuỷ, hai lần công trạng đẹp dưới  
trời Nam.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

地是仙洲景物依然秀異  
天開王宅樓台儼若清高

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Địa thị tiên châu, cảnh vật y nhiên tú di  
Thiên khai vương trạch, lâu dài nghiêm nhược  
thanh cao.*

DỊCH NGHĨA:

Đất thuộc châu tiên, cảnh vật như xưa thiêng  
đẹp lạ  
Trời cho nhà tướng, lâu dài vẫn thể sáng cao thay.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

勳業長存留國史  
聲靈不泯顯神威

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Huân nghiệp, trường tồn lưu quốc sử  
Thanh linh, bất dãm hiển thần uy.*

DỊCH NGHĨA:

Sự nghiệp công danh, dài lâu ghi sử nước  
Thiêng liêng tăm tiếng, còn mãi rõ oai thần.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

子孝臣忠四朝柱石  
地靈人傑萬古江山

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tử hiếu thần trung, tứ triều trụ thạch  
Địa linh nhân kiệt, vạn cổ giang sơn.*

DỊCH NGHĨA:

Con hiếu tông trung, bốn triều như cột đá  
Đất thiêng người giỏi, muôn thuở với non sông.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

風雲長護有儲胥  
邸弟重輝多氣色

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Phong vân trường hộ hữu trừ tư  
Để đẽ trùng huy đa khí sắc.*

DỊCH NGHĨA:

Vốn đã có sẵn gió mây che chở mãi  
Lung linh khí sắc dinh thự rực rõ thêm.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

百花錦爛猶堂陛  
五彩雲生自廟庭

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Bách hoa cầm xán, do đường bệ  
Ngũ thái vân sinh, tự miếu đình.*

DỊCH NGHĨA:

Trăm hoa gấm đẹp đỏ hồng, nhờ nơi ăn ở  
Năm sắc mây lành rực rõ, trong chốn miếu đình.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

生有家故貫容音難見  
化為聖靈祠氣色長新

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Sinh hữu gia cố quán dung âm nan kiến  
Hoá vi thánh linh từ khí sắc trường tân.*

DỊCH NGHĨA:

Sống có nhà, quê cũ dung âm (dung nhan, âm thanh, tiếng nói) khó thấy  
Chết làm thánh, đền thiêng khí sắc còn mãi.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

為名將為名臣, 石馬山河俱貢礪  
是故鄉, 是故宅, 天長宮闕, 遂煮高

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Vi danh tướng, vi danh thần, thạch mã sơn hà  
câu đỏi lệ  
Thị cổ hương, thị cổ trạch, Thiên Trường cung  
khuyết nhạ huân cao.*

DỊCH NGHĨA:

Gọi danh tướng, gọi danh thần, thạch mã sơn hà  
như đá mài, như dải lụa  
Là cổ hương, là cổ trạch, Thiên Trường cung cũ,  
vẫn nhang khói vẫn trang nghiêm.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

為義起雄心北賊敗回猶昨日  
和民梢大策南方垂訓啟今天

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Vì nghĩa khởi hùng tâm, Bắc tặc bại hồi do tạc nhật  
Hoà dân tiêu đại sách, Nam phương thuỷ huấn  
khởi kim thiên.*

DỊCH NGHĨA:

Vì nghĩa tử anh hùng, giặc Bắc thua về tướng như  
vừa mới  
Yên dân nêu sách lược, phương Nam lời dạy càng  
rõ hôm nay.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

東阿有聖人自昔過天長恭識故宅  
北朝稱神武而今望白濱江思戰功  
龍飛甲戌年孟夏

PHIÊN ÂM HÁN-VIỆT:

*Đông A hữu thánh nhân tự tích quá Thiên  
Trường cung thức cố trạch  
Bắc triều xưng thần vũ nhi kim vọng Bạch Đằng  
giang tư chiến công.  
Long phi Giáp Tuất niên mạnh hạ*

DỊCH NGHĨA:

Nhà Trần có thánh nhân, từ xưa qua cung Thiên  
Trường kính cẩn nơi nhà cũ  
Triều Bắc khen thần vũ, mà nay nhìn sông Bạch  
Đằng tưởng nhớ đến chiến công.  
Rồng bay đầu hạ năm Giáp Tuất

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

劫山祿邑靈聲遠  
玉葉金枝派系長  
啟定三年戊午秋沐恩弟子海後縣知縣陳文  
玳拜奉

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Kiếp sơn Lộc ấp linh thanh viễn  
Ngọc diệp kim chi, phái hệ trường.*

Khải Định tam niên Mậu Ngọ thu  
Mộc ân đệ tử Hải Hậu huyện tri huyện Trần Văn Đại bái phụng.

DỊCH NGHĨA:

Núi Kiếp làng Lộc tăm tiếng thiêng liêng lừng lẫy  
Cành vàng lá ngọc, giống dòng nối tiếp dài lâu  
Mùa thu năm Mậu Ngọ (1918) năm thứ 3 niên hiệu Khải Định  
Mộc ân đệ tử tri huyện huyện Hải Hậu Trần Văn Đại kính dâng.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

玉葉金枝書券勳名歸懿戚  
樹花池水王侯第宅迓休光  
沐恩弟子丙戌科舉人嶺北寧督學陳春韶拜

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Ngọc diệp kim chi, thư khoán huân danh quy ý thích  
Thư hoa tri thuỷ, vương hầu đệ trạch nhạ hựu quang*  
Mộc ân đệ tử, Bính Tuất khoa cử nhân lĩnh Bắc Ninh đốc  
học Trần Xuân Thiều bái.

DỊCH NGHĨA:

Cành vàng lá ngọc, sách khoán công danh nêu  
người thân thích  
Hoa cây ao nước, vương hầu phủ đệ đầy vẻ trang  
nghiêm.  
Mộc ân đệ tử, cử nhân khoa Bính Tuất đốc học Bắc Ninh,  
Trần Xuân Thiều lạy dâng.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

陳史記臣功元祀迄今推國胄  
鄉祠鄰帝所忠魂猶是凜天威  
成泰癸卯春  
洞涇村杏林會邦翠先晶浪說頑全供進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Trần sử ký thần công, nguyễn tự hất kim suy quốc trụ  
Hương từ lân đế sở, trung hồn do thị lâm thiên uy.

Thành Thái Quý Mão xuân

Động Kinh thôn, Hạnh Lâm hội, Bang, Thuý, Tiên, Tinh,  
Lãng, Thuyết, Ngoan đồng cúng tiến.

DỊCH NGHĨA:

Sử Trần ghi công thần, thờ cúng đến nay tôn làm  
quốc trụ

Đền quê cạnh nơi vua, hồn trung vẫn còn sánh  
với uy trời.

Mùa xuân năm Quý Mão niên hiệu Thành Thái (1891)

Bang, Thuý, Tiên, Tinh, Lãng, Thuyết, Ngoan hội Hạnh  
Lâm, thôn Động Kinh cùng lạy dâng.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

佛秘儒精千古南州推絕頂  
神机聖斷兩回北寇蹠餘威  
維新二年春仲之吉  
賜己丑科第二甲進士光祿寺卿嶺南定省總  
督學阮曰坪奉進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Phật bí Nho tinh, thiên cổ Nam châu suy tuyệt đỉnh  
Thần cơ, thánh đoán, lưỡng hồi Bắc khẩu thiếp dư uy.*

Duy Tân nhị niên xuân trọng chi cát

Tứ Kỷ Sửu khoa đệ nhị giáp tiến sĩ Quang Lộc tự khanh  
lĩnh Nam Định tỉnh đốc học Nguyễn Viết Bình phụng tiến.

DỊCH NGHĨA:

Giỏi Phật, thông Nho, ngàn thuở dân Nam tôn đỉnh chót  
Mưu thần, chức thánh, hai lần giặc Bắc khiếp oai thùa.

Cho đỗ tiến sĩ đệ nhị giáp khoa Kỷ Sửu Quang Lộc tự  
khanh, đốc học Nam Định Nguyễn Viết Bình kính dâng.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

天 使 佐 陳 而 生 管 仲 子 儀 无 以 過  
帝 為 平 元 再 命 脫 驪 烏 馬 儘 成 擒

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiên sứ tá Trần nhi sinh Quản Trọng, Tử Nghi vô  
dĩ quá*

*Để vị bình Nguyên tái mệnh, Thoát Hoan, Ô Mã tân  
thành cầm.*

DỊCH NGHĨA:

Trời sai giúp nhà Trần mà sinh, Quản Trọng, Tử  
Nghi chẳng thế hơn

Để vì dẹp giặc Nguyên tái mệnh, Thoát Hoan, Ô  
Mã Nhi đều bị bắt.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

九廟蒸常依享祀  
二陵風雨陟煮高  
龍飛成泰甲辰秋  
邑子阮文莊恭進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Cửu miếu chưng thường y hưởng tự  
Nhị lăng phong vũ trắc huân cao.*

Long phi Thành Thái Giáp Thìn thu  
Áp tử Nguyễn Văn Trang cung tiến.

DỊCH NGHĨA:

Chín miếu phụng thờ cầu mong tốt đẹp  
Hai lăng mưa gió, nhang khói thiêng liêng  
Rồng bay mùa thu năm Giáp Thìn (1904) niên hiệu Thành Thái  
Người làng Nguyễn Văn Trang kính dâng.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

六頭水陣鯨波帖  
萬劫戎籌屬宅安  
維新壬子夏  
寧平金山遵化沐恩第子張光潤恭進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Lục Đầu thuỷ trận kình ba thiếp  
Vạn Kiếp nhung trù nhạn trạch an.*

Duy Tân Nhâm Tý hạ  
Ninh Bình Kim Sơn tuân hoá mộc ân đệ tử Trương Quang  
Nhuận cung tiến.

DỊCH NGHĨA:

Đánh trận thuỷ tại Lục Đầu sóng kình im lặng  
Mưu việc quân từ Vạn Kiếp nhả nhặt yên vui  
Mùa hè năm Nhâm Tý (1912) niên hiệu Duy Tân  
Mộc ân đệ tử Trương Quang Nhuận thuộc Kim Sơn - Ninh  
Bình kính dâng.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

百戰立奇功懿親良將  
千秋傳勝跡故宅新祠

成泰丁酉冬

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Bách chiến lập kỳ công, ý thân lương tướng  
Thiên thu truyền thắng tích, cổ trạch tân từ.  
Thành Thái Đinh Dậu đông.*

DỊCH NGHĨA:

Trăm trận lập công kỳ, vị tướng hoàng thân sao  
giỏi thế  
Ngàn thu nêu dấu đẹp, ngôi đền cổ trạch mới  
trang nghiêm.  
Mùa đông năm Đinh Dậu (1897) niên hiệu Thành Thái.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

洛訟已無聞往者復陂者平尚父親王猶  
故宅  
景鐘長不朽國為臣家為子原陵湯邑肇  
新祠

龍飛丁酉春

沐恩第子陳壽箸陳范政拜進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Lạc tung dī vô văn, vāng giả phục, pha giả bình  
thượng phụ thân vương do cố trạch  
Cảnh chung trường bất hủ, quốc vi thân gia vi tử  
nguyễn lăng thang ấp triệu tân từ.*

Long phi Đinh Dậu xuân

Mộc ân đệ tử Trần Thọ Trợ, Trần Phạm Chính bái tiến.

DỊCH NGHĨA:

Thơ Lạc vắng lâu rồi, qua đã lại, cao đã bằng,  
thượng phụ thân vương còn cố trạch  
Chuông sáng vang chẳng dứt, nước là tôi, nhà là  
con, gò xưa làng cũ dựng tân từ.

Rồng bay mùa xuân năm Đinh Dậu (1897)

Mộc ân đệ tử Trần Thọ Trợ, Trần Phạm Chính lạy dâng lên.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

國有人焉賓館能施和尚禮  
君之靈也御船猶記會稽詩

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Quốc hữu nhân yên, tân quán năng thi hoà thượng lễ  
Quân chi linh dã, ngự thuyền do ký Cối Kê thi.*

DỊCH NGHĨA:

Tiếp khách nước có tôi hiền, thi tài đáp lễ xưng  
hoà thượng  
Ngự lâu thuyền ơn vua sáng, vịnh lại câu thơ việc  
Cối Kê.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

忠於國孝於家皇越第一流宗臣迥出  
李以前黎以後南岳五百年名世間生

成泰八年春

沐恩第子陳日飼阮文義同拜

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Trung ư quốc, hiếu ư gia, hoàng Việt đệ nhất lưu tôn  
thần quỳnh xuất

Lý dĩ tiền, Lê dĩ hậu, Nam Nhạc ngũ bách niên danh  
thế gian sinh.

Thành Thái bát niên xuân

Mộc ân đệ tử Trần Nhật Tự, Nguyễn Văn Nghĩa đồng bái.

DỊCH NGHĨA:

Trung với nước, hiếu với nhà, nước Việt làm tôi  
người hiếm thấy

Lý thời qua, Lê thời tới, núi Nam sinh thánh  
chuyện nhiều đâu.

Mùa xuân năm thứ 8 (1896) niên hiệu Thành Thái

Mộc ân đệ tử là Trần Nhật Tự và Nguyễn Văn Nghĩa cùng  
lạy dâng lên.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

王錫山川大啟爾宇  
天旌忠孝謂治其祠

龍飛己酉秋譜系學生匡拜撰

善譜幹陳輝延譜行陳武榜拜撰

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Vương tích sơn xuyên đại khải nhĩ vũ  
Thiên tinh trung hiếu vị trí kỳ tú.

Long phi Kỷ Dậu thu.

Phả hệ học sinh Khuông bái soạn.

Thiện phả cán Trần Huy Diên, phả hàng Trần Vũ Bảng bái soạn.

DỊCH NGHĨA:

Vương hết lòng giữ gìn non sông, để cho ta vậy!

Trời khen ngợi con người trung hiếu sửa lại đền đây!

Rồng bay mùa thu năm Kỷ Tỵ

Phả hệ học sinh Khuông lạy soạn lời văn.

Nhân viên cán sự trong Thiện phả là Trần Huy Diên, nhân  
viên trong hội Thiện phả Trần Vũ Bảng lạy dâng lên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

王曰友帝曰恭南山喬仰樓葩萼  
子能忠孫能孝東水豐貽牒玉金  
成泰戊戌冬  
沐邑弟子太平同知府原領扶寧縣尹阮如追  
奉題

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Vương viết hữu để viết cung, nam sơn kiều ngưỡng lâu  
ba ngạc

Tử nǎng trung tôn nǎng hiếu, đồng thuỷ phong di  
diệp ngọc kim.

Thành Thái Mậu Tuất đông

Mộc ấp đệ tử Thái Bình đồng tri phủ nguyên linh Phù Ninh  
huyện doãn Nguyễn Như Truy phụng đề.

#### DỊCH NGHĨA:

Với bạn phải hoà hợp, với vua phải cung kính, núi  
phía Nam kính cẩn trước tình anh em tôn quý  
thuận hoà

Làm con hãy dốc lòng, làm cháu nên hiếu thảo,  
nước phương Đông in đậm sự tốt lành của dòng  
dõi ngọc vàng.

Mùa đông năm Mậu Tuất (1898) niên hiệu Thành Thái

Đệ tử mộc ân Thái Bình cùng Nguyễn Như Truy tri phủ  
nguyên huyện doãn Phù Ninh kính cẩn đề.

### 2.3. Văn bia

Văn bia (bi văn) là thuật ngữ dùng chỉ văn từ được trình bày trên bia đá. Xét về nguồn gốc, *bia* vốn là phiến đá, trụ đá, hoặc tấm gỗ dựng trước cung thất, hay tông miếu để đo bóng mặt trời, từ đó xác định thời gian, có khi được dùng để buộc các con vật tế. Văn bia có thể được định danh bằng nhiều cách khác nhau như *bi kí*, *bi chí*, *bi minh* *tính tự*... Ở quần thể đền Trần, phần lớn các bia đều trên đá, có niên đại từ thời Nguyễn, các bia đều có chữ viết chân phương, trán bia chạm khắc hình lưỡng long chầu nguyệt cùng các con vật linh, mây tảo, tuy không cầu kỳ nhưng cũng không kém phần tao nhã.

Tại đền Cố Trạch có một tấm bia có nhan đề:

"Trùng kiến Hưng Đạo thân vương cố trạch bi ký"  
viết năm Đinh Dậu niên hiệu Thành Thái năm thứ 9  
(1897) do Tổng đốc Cao Xuân Dục soạn lời.

Tấm bia nói về việc trùng tu đền Cố Trạch, đồng thời ca ngợi tài cao đức trọng của Hưng Đạo Đại Vương... Nhưng tấm bia này chưa được khắc vào đá, nó đang trong hiện trạng viết trên ván. Hai tấm ván mỏng hình vuông có cạnh chừng một mét, đóng nẹp và sơn trắng, viết chữ Hán bằng sơn màu đen theo cách dân gian (lưu tại bảo tàng tỉnh Nam Định). Mặc dù chưa được khắc trên đá, nhưng nội dung văn bia là di sản có giá trị lớn góp phần cho người đời hiểu thêm về ngôi đền Cố Trạch, liên quan đến đức Thánh Trần, anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu đã và đang ngự trị trong lòng mỗi người dân cũng như toàn thể cộng đồng dân tộc.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

### 重建興道親王故宅碑記

天地間無不壞之基而有不沒之跡無其可尋  
毀之物而有不可朽之名循以其名之大德古墨陳有甲午年  
物之可毀者不於其親王故宅動鬼邊掘傳鄧公嗣年廟銀五百  
壞者不壞吾於誠貫日月陳故六時轉志及泰先費捐  
之將陳也忠誠省憲修廟於東字制未成六帝捐  
十一年戊辰興道親王故宅矣升所降筆示  
破石額篆此得之宇未蒙月寢宅成費捐  
王誕降地擬摺建舉之禱焉蒙月寢宅成費捐  
飭誌處震謀伊伊禱焉蒙月寢宅成費捐  
紳鄉士與謀伊伊禱焉蒙月寢宅成費捐  
其鄉與之謀伊伊禱焉蒙月寢宅成費捐  
八月帝廟成今年六月寢宅成費捐

大元有奇請壽之石余惟夫以勞定國則祀  
之禦大蓄捍大患則祀之法也過廬而懷  
主賭物而思人義也我宗翼有皇帝詠王謀  
股肱骨肉兩無間幹父之股忠孝殫有云後  
來北虜猶惊遁白晝風雲時惟大王則深有所  
取者功與德懋大王之後無大王廟而享之可也  
前無大王大王之後無大王而享之可也  
宅而沒之可乎?

萬劫別墅也而廟焉帝鄉地獨無祠乎保  
祿采邑也而廟焉降祥地獨無祠乎頽然一  
片石遺此六文地改而宅不改石磨而字不  
磨其靈氣而不散乎宅不見得見石焉如見  
宅矣王不見而見宅焉如見王矣夫朝市之  
改易者其時也陵谷之變遷者其貳也地以  
人傳耶人以宅傳耶王宅與帝廟相終始

贊曰

青僊降祥兮銀潢演派  
文武才优兮嬰雄氣蓋  
強元為仇貳甚張湧  
於斯辰兮人情惟优  
不有大王誰其屹砥柱於中流  
強未挫勞形石馬  
於斯辰兮乘輿遠播  
不有大王誰其支一木於大廈  
白空翼分赤盡藤江兮宜其號君王

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

***Trùng kiến Hưng Đạo thân vương cố trạch bi ký***

Thiên địa gian vô bất hoại chi cơ nhi hữu bất một chi tích, vô bất huỷ chi vật nhi hữu bất khả hủ chi danh. Tuần kỳ danh dī tầm kỳ tích, vật chi khả huỷ giả bất huỷ, án kỳ tích dī chứng kỳ danh, cơ chi khả hoại giả bất hoại, ngô ư Hưng Đạo thân vương cố trạch đắc chi ý Đại vương chi tướng Trần dã, trung thành quán nhật nguyệt, khí tiết động quỷ thần. Tự Đức nhị thập nhất niên Mậu Thìn tinh hiến tu Trần miếu, ư Đông biên quật đắc cổ bi phá thạch, ngạch triện "Hưng Đạo thân vương cố trạch" lục tự. Tương truyền Tức Mặc vi Vương đản giáng dã, thủ đắc chi cổ trạch hỹ. Thời chế quân Đặng công Trần chuyên sức chí xứ nghĩ tập kiến vũ, tầm dī thăng chuyển vị cập thỉnh tự, hữu Hương thân Trần Sĩ chấn mưu cử chi, vị tốt sở chí. Thành Thái lục niên Giáp Ngọ kỳ hương dữ chi mưu y đảo yên, mông giáng bút thị tiên đế miếu, khách niêm bát nguyệt đế miếu thành kim niêm lục nguyệt tẩm trạch thành, phí quyên ngân ngũ bách đại nguyên hữu cơ, thỉnh thọ chi thạch.

Dư duy phù dī lao định quốc tắc tự chi, ngự đại truy hăn đại hoạn tắc tự chi, tế pháp dã. Quá lư nhi hoài chủ, đồ vật nhi tư nhân nghĩa dã. Ngā Dực Tông Anh hoàng đế vịnh Vương mưu. Cổ quăng cốt nhục lưỡng vô gian, cán phụ chi cổ trung hiếu đàn. Hữu vân: "Hậu lai Bắc lỗ do kinh độn, bạch trú phong vân hạp kiếm minh". Cái thâm hữu sở thủ giả, công dữ đức

mận, Đại Vương chi thì duy Đại Vương, tắc Đại Vương chi tiền vô Đại Vương. Đại Vương chi hậu vô Đại Vương, miếu nhi hưởng chi khả dã, trạch nhi một chi khả hồ.

Vạn kiếp biệt thự dã nhi miếu yên, đế hương địa độc vô từ hồ, Bảo Lộc thái ấp dã nhi miếu yên, giáng tường địa độc vô từ hồ? Đồi nhiên nhất phiến thạch di thủ lục tự văn, địa cải nhi trạch bất cải, thạch ma nhi tự bất ma kỳ linh khí nhi bất tán hồ. Trạch bất kiến đắc kiến thạch yên như kiến trạch hý, Vương bất kiến đắc kiến trạch yên như kiến Vương hý. Phù triều thị chi cải dịch giả kỳ thời dã, lăng cốc chi biến thiên giả kỳ thế dã. Địa dĩ nhân truyền da, nhân dĩ trạch truyền da, Vương trạch dữ đế miếu tương chung thuỷ.

Tán viết:

Thanh tiên giáng tường hế ngân hoàng diễn phái  
Văn vũ tài ưu hế anh hùng khí cái  
Cường Nguyên vi cùu thế thậm trương khưu  
Ư tư thìn hế nhân tình duy ưu  
Bất hữu Đại Vương thuỷ kỳ ngặt chỉ trụ ư trung lưu  
Cường vị toả lao hình thạch mã  
Ư tư thìn hế thừa dư viễn bá  
Bất hữu Đại Vương thuỷ kỳ chi nhất mộc ư đại hạ  
Bạch không Dực phận, xích tận Đằng giang hế nghi  
kỳ kiệu quân vương chi thượng phụ, hô Bắc sứ chi Đại  
Vương.

Trừu thuần hộ chủ, minh kiếm trợ quân hề nghi kỳ  
tích chi trung hưng lương tướng, kim chi thượng đẳng  
linh thần.

Hữu cơ vật hoại hề vạn cổ như tân!

Thành Thái cửu niên Đinh Dậu tiểu dương nguyệt  
chi cát.

Cáo thụ vinh lộc đại phu thự hiệp biện đại học sĩ lĩnh  
Định Ninh Tổng đốc tấn phong An Xuân nam Cổ Hoan  
Đông Long Cương Cao Xuân Dục Tử Phát bái soạn.

Phụng phái đốc công Trần Trọng Hoàng bái thư.

Thừa phái khuyến biện viên nhân quyền cửu Trần  
Thanh Chấn Hải Phòng thương chính nha thông sự  
Vương Sơn nhất.

Vị Xuyên Trần Thọ Trợ.

DỊCH NGHĨA:

*Văn bia ghi việc dựng lại nhà cũ  
của Hưng Đạo thân vương*

Trong khoảng trời đất, không có cơ đồ gì không đổ  
sụp mà cũng có dấu vết không mất đi, không có vật  
thể gì không tan nát mà cũng có thanh danh không  
huỷ hoại. Lần lại thanh danh, tìm đến dấu vết thì vật  
thể có thể tan nát lại không tan, nền có thể đổ sụp lại  
không đổ, nhà cũ của Hưng Đạo thân vương ta có điều  
tốt ấy.

Đại Vương làm tướng nhà Trần, trung thành sáng  
suốt mặt trời mặt trăng, khí tiết cảm động ý quý ý  
thần. Năm Mậu Thìn niên hiệu Tự Đức thứ 21 (1868),

khi quan tỉnh sửa lại miếu nhà Trần đào thấy ở bên  
đông có mảnh bia vỡ trên trán có sáu chữ "Nhà cũ  
Hưng Đạo thân vương". Tương truyền Túc Mắc là nơi  
giáng sinh ra vương, đất này chính là nhà cũ. Bấy giờ  
có chế quân Đặng Công Trần Chuyên thông báo công  
việc xây dựng, sau vì thăng chức chuyển đi chưa tìm  
người thừa kế, rồi có vị hương thân trong làng là Trần  
Sỹ Chấn lo việc khởi sự nhưng chưa xong. Niên hiệu  
Thành Thái thứ 6 (1894) năm Giáp Ngọ, trong làng  
cùng nhau tính việc đến cầu đảo, xin được giáng bút  
cho, nên vì miếu tiên đế đã, tháng 8 năm tới thì xong.  
Đến tháng 6 năm này nơi nhà ở cũng xong chi phí tiền  
quyên được tới hơn 500 đồng to rồi xin chép vào đá.

Tôi nghĩ rằng do có khó nhọc để làm cho yên dân,  
vững vàng cho nước thì thò. Ngoài sai trái ngăn tai vạ  
lớn mà thò chính là phép tắc phải coi trọng. Qua nhà  
nhớ đến chủ, thấy vật tưởng đến người là điều nghĩa  
vậy. Dực Tông Anh hoàng đế ta có thơ nói về Vương:

"Vết đùi xương thịt đều không xa,  
Giữ điều trung hiếu vẹn cho cha".

Hay câu:

"Giặc Bắc sau này còn sợ trốn.  
Gió mây kiếm thét giữa ban ngày".

Đó là điều rất đáng nêu lên vậy. Công và đức của Đại  
Vương đều tốt. Thời đại của Vương chỉ có Đại Vương,  
trước không ai bằng Đại Vương, dựng miếu thờ là có  
thể. Vậy ngôi nhà cũ của Đại Vương sao lại để mất.

Vạn Kiếp là nơi biệt thự có miếu, nơi quê hương không có đền sao? Bảo Lộc là nơi thái ấp có miếu, nơi sinh ra không có đền sao? Một mảnh bia vỡ còn lại 6 chữ (Hưng Đạo Thân Vương cố trạch). Đất thay đổi nhưng nhà không đổi, đá mòn nhưng chữ không mòn, phải chăng khí thiêng đã chẳng nát, nhà không thấy nhưng còn bia đá như còn thấy nhà vậy. Vương không thấy nhưng thấy dấu cũ như thấy Vương vậy. Kìa như trong triều đình ngoài dân gian thay đổi là do thời, nơi hang sâu núi cao thay đổi là do thế. Đặt lấy người mà truyền lại người đem nhà mà nêu lên. Nhà của Vương, miếu của Vua là lẽ dĩ nhiên phải chung thuỷ vậy.

Bài tán rằng:

Điềm lành vị tiên áo xanh chờ, ngân hoàng tông phái.

Võ văn đều giỏi chờ anh hùng khí phái.

Quân Nguyên vào cướp chờ thế như bẻ cây khô.

Trong giai đoạn ấy chờ, lấy chi làm cột đá giữa sóng to.

Thế mạnh chưa bẻ được ngựa đá cũng vất vả, chính bây giờ cưỡi xe đi xa mới hiểu rõ:

Nếu không có Đại Vương thì ai lo việc chống giữ vệt trảng lâm vào phận sao Dực, sắc đỏ nước sông Đăk chờ rất đáng hiệu thượng phụ của quân vương và khiến sứ Tàu phải gọi Đại Vương.

Bỏ mũi nhọn đâu gậy lo bảo vệ chủ, gươm thép giúp vua là tướng giỏi lúc Trùng Hưng thuở trước, thần thiêng thượng đẳng thời nay.

Cơ đồ không thể sụp đổ chờ, muôn thuở khó thay!

Ngày tốt tháng Tiểu dương năm Đinh Dậu, niên hiệu Thành Thái thứ 9 (1897).

Cáo thụ Vinh Lộc đại phu, Hiệp biện Đại học sĩ chức  
tổng đốc Định Ninh tước An Xuân Nam Cổ Hoan Đông  
Long Cương, Cao Xuân Dục, Tử Phát lạy soạn lời văn.

Đốc công Trần Trọng Hùng lạy viết.

Thừa phái khuyến biện, quyền cửu Trần Thanh Chấn.

Thông sự nha Thương chính Hải Phòng Vương  
Sơn Nhất.

Người thôn Vị Xuyên: Trần Thọ Trợ

#### NAM MẶC MIẾU TRẠCH BI KÝ

Bia hai mặt, khổ 1,77 x 1,15m, trên trán bia chạm  
lưỡng long chầu mặt nguyệt, diềm chạm hoa dây.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

#### 南墨廟宅碑記

即墨帝鄉也陳廟在焉天應年間馮王董  
造因舊陽址也廟之東有故宅我興道親王  
生時所居也皇成泰六年譜系陳仲杭具稟  
省堂派屬司員人荔沐邑善譜等奉修十四  
帝廟工竣始即宅建為祠焉前惟有正寢中  
堂二座存經壇與外祭堂姑且一時就簡蓋  
造化乘除以待夫能者經十餘年協辨大學  
士嶺總督范文算奉署名善人奉蒞南州得

近耿光投成拜謁遍觀廟宅毅然謀欲新之  
禱于宅奉我大王降示先修帝廟次及故宅  
大王生平忠孝之心終始弗渝也

既得命爰擇日以是年十月三日併工迄  
十二月二十一日告竣規模神敏體格森嚴  
赫煥然在人耳目前有馮王後有善人並堪  
千古矣尤可怪者我陳有廟以來無慮六百  
六十八年而安子塔太堂陵即墨廟獨以名  
于我南者何謙常說萬劫祕書錄然後知我  
大王見事之明宅心之厚不惟砥柱于當時  
實且宗彝於萬世王之功顧不韙歟祀之典  
有報焉有祈焉廟於斯宅亦於斯宜也

若夫顯應靈聲活人功德是在眾君子依光  
所共樂道者謙無得名焉不必敘第是役也  
范善人謀始之而眾君子力贊成之可謂傳  
不朽矣爰奉命以記其事後有作者亦視夫  
斯文

贊曰：

天長即墨  
古號名鄉  
眾山朝拱  
四水微茫  
我陳受命  
世有哲王  
皇皇仁武

青衣應祥  
威除北寇  
再奠南疆  
懿親姬宰  
名將汾陽  
為英為靈  
化神莫測  
護國救民  
在人功德  
俎豆千秋  
廟庭翼翼  
渭水洋洋  
瑰山巒巒  
沒世不忘  
與天無極  
有為之前  
後人是式  
橘國留芳  
竹宮賁色  
盛彰美傳  
貞岷永勒

皇南維新二年歲在戊申二月初一日古  
庵狀元白雲先生程國公奉乩題

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nam Mặc miếu trạch bi ký*

Tức Mặc đế hương dã, Trần miếu tại yên. Thiên  
Úng niên gian Phùng Vương đồng tạo nhân cựu dương  
chỉ dã. Miếu chi đông hữu cố trạch, ngã Hưng Đạo  
thân vương sinh thời sở cư dã. Hoàng Thành Thái lục  
niên, phả hệ Trần Trọng Hàng cụ bẩm tinh đường  
phái thuộc ty viên nhân hiệp mộc ấp thiện phả Đẳng  
phụng tu thập tứ đế miếu công thoan, thuỷ tức trạch  
kiến vi từ yên, tiền duy hữu chính tẩm trung đường  
nhi toạ, tồn kinh đàn dữ ngoại tế đường cô thả nhất  
thì tựu giản. Cái tạo hoá thừa trừ dĩ đãi phù năng giả,  
kinh thập dư niên Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh tổng đốc  
Phạm Văn Toán (phụng thự danh Thiện Nhân) phụng  
ly Nam châu đắc cận cảnh quang đầu thành bái yết,  
biến quan miếu trạch, nghị nhiên mưu dục tân chi,  
đảo vu trạch, phụng ngã Đại Vương giáng thị tiên tu  
đế miếu thứ cập cố trạch. Đại Vương sinh bình trung  
hiếu chi tâm, chung thuỷ phát du dã!

Ký đắc mệnh viên trạch nhật dĩ thị niên thập  
nguyệt tam nhật tính công, nhất thập nhị nguyệt nhị  
thập nhất nhật cáo thoan, quy mô thần mẫn, thể cách  
sâm nghiêm, hách vĩ nhiên tại nhân nhĩ mục. Tiền  
hữu Phùng Vương, hậu hữu Thiện Nhân tịnh kham  
thiên cổ hý. Vưu khả quái giả, ngã Trần hữu miếu dĩ  
lai vô lự lục bách lục thập bát niên nhi An Tử tháp,  
Thái Đường lăng, Tức Mặc miếu, độc dĩ danh vu ngã  
Nam giả hà? Khiêm thường duyệt Vạn Kiếp bí thư lục,

nhiên hậu tri ngã Đại Vương kiến sự chi minh, trách  
tâm chi hậu, bất duy chỉ trụ vu đương thì, thực thả  
tông di ư vạn thế Vương chi công cố bất vĩ dư. Tự chi  
diễn hữu báo yên hữu kỳ yên, miếu ư tư, trách diệc ư  
tư nghi dã!

Nhuộc phù hiển ứng linh thanh, hoạt nhân công  
đức thị tại chúng quân tử y quang sở cộng lạc đạo giả,  
Khiêm vô đắc danh yên, bất tất tự. Đệ thị dịch dã  
Phạm Thiện Nhân mưu thuỷ chi nhi chúng quân tử  
lực tán thành chi, khả vị tịnh truyền bất hủ hý. Viên  
phụng mạnh dī ký kỳ sự, hậu hữu tác giả diệc thị phù  
tư văn.

Tán viết:

Thiên Trường Tức Mặc  
Cổ hiệu danh hương  
Chúng sơn triều củng  
Tứ thuỷ vi mang  
Ngā Trần thụ mạnh  
Thế hữu triết vương  
Hoàng hoàng nhân vũ  
Thanh y ứng tường  
Uy trù Bắc khấu  
Tái điện Nam cương  
Ý thân cơ thể  
Danh tướng Phàn Dương  
Vi anh vi linh

Hoá thần mạc trắc  
Hộ quốc cứu dân  
Tại nhân công đức  
Trở đậu thiên thu  
Miếu đình dực dực  
Vị thuỷ dương dương  
Côi sơn súc súc  
Một thế bất vong  
Dữ thiên vô cực  
Hữu vi chi tiền  
Hậu nhân thị thức  
Quất quốc lưu phương  
Trúc cung bí sắc  
Thịnh chương mỹ truyền  
Trinh mân vĩnh lặc  
Hoàng Nam Duy Tân nhị niên tuế tại Mậu Thân nhì nguyệt  
sơ nhất nhật.  
Cổ Am Trạng nguyên, Bạch Vân tiên sinh Trinh Quốc công  
phụng kê đê.

DỊCH NGHĨA:

*Văn bia ghi việc ngôi miếu  
trên nền nhà cũ tại đất Tức Mặc*

Đất Tức Mặc vốn là quê hương của các vua Trần, có  
miếu thờ tự ở đó. Vào khoảng niên hiệu Thiên Ứng  
(1232-1250) đời vua Trần Thái Tông, Phùng Vương đốc

trách công việc xây dựng ngay trên nền nhà ở lúc bình sinh. Phía đông miếu có ngôi nhà cũ nơi Hưng Đạo thân vương lúc sống cư trú.

Năm thứ 6 niên hiệu Thành Thái (1894), người trong họ là Trần Trọng Hàng bẩm lên cấp trên tỉnh đường công việc tại Trần Miếu. Tỉnh bèn phái người xuống cùng với thôn ấp và hội thiện kính lo việc tu sửa miếu thờ 14 vị vua. Xong công việc ở miếu thờ vua, thấy trên nền nhà cũ trước chỉ có hai toà là chính tẩm và trung đường, còn kinh đài cũng như tiền tế bên ngoài thì châm chước chưa làm, phải chăng tạo hoá thừa trừ để đợi người tài năng kế tục.

Trải qua hơn 10 năm, Hiệp biện Đại học sĩ giữ chức Tổng đốc là Phạm Văn Toán (được suy tôn là Thiện Nhân) trấn giữ Nam châu, được gần bóng cả bày tỏ tâm thành, xem qua nơi miếu trên nền nhà cũ bèn quyết định việc sửa mới.

Lúc làm lễ thì Vương chỉ giáo tu sửa miếu thờ vua trước đã, rồi mới đến việc nơi nhà cũ. Thứ tự ấy vốn là bản tâm trung hiếu của Đại Vương ta từ lúc bình sinh sau trước không đổi.

Xin phép được rồi, bèn chọn ngày 13 tháng Mười năm ấy khởi công, đến ngày 21 tháng Chạp thì xong công việc. Công trình có quy mô trong sáng, hình dáng trang nghiêm, rực rỡ bề thế hợp với ý nguyện của mọi người.

Xưa kia có Phùng Vương đốc trách công việc, ngày nay có Thiện Nhân nên ghi để về sau.

Nhưng lạ thay, từ khi nhà Trần ta có miếu đền thờ tự đến giờ, không hiểu trong 668 năm ở nước Nam ta sao chỉ có tháp Yên Tử, lăng Thái Đường, miếu Tức Mặc là có danh tiếng? Khiêm tôi từng duyệt qua sách "Vạn Kiếp bí thư lục" biết Đại Vương xét công việc rất minh, tấm lòng rất hậu, không những là cột đá cho thời bấy giờ, mà còn là gương sáng cho đời sau. Nếu thế thì công đức của Đại Vương càng thêm lớn lao!

Còn về thờ tự hoặc là để báo lại ân thâm hoặc là để cầu đảo Thánh miếu chẳng càng thêm ý nghĩa lắm sao?

Kia như sự hiển ứng thiêng liêng, công cứu sống người đã tỏ tường qua việc các bậc quân tử nương bóng Thánh, cũng như vui đạo. Khiêm tôi không được phép nói nhiều, mà bất tất phải nhắc tới.

Việc xây dựng này chính là do Phạm Thiện Nhân nêu lên trước, sau các bậc quân tử ra sức ủng hộ vun đắp. Có thể nói là lưu truyền bất hủ. Nay kính mệnh ghi chép sự việc sau này có ai nối tiếp thì trông đó mà noi theo.

Bài tán rằng:

Đất Tức Mặc chốn Thiên Trường  
Vốn xưa là đất danh hương lưu truyền  
Núi non chầu lại bốn bên  
Mênh mang nước biếc Châu Tiên tuyệt vời  
Nhà Trần ta chịu mệnh trời  
Kế thừa ngôi báu nối đời hiền vương  
Sắc phong Nhân Vũ đường đường

Áo xanh trong mộng đêm trường năm xưa  
Oai trù giặc Bắc có thừa  
Giúp cho cõi Việt ngàn xưa vững vàng  
Chu công thân thích ngang hàng  
Tướng tài so Quách Phản Dương kém gì  
Thiêng liêng hiển ứng dị kỳ  
Thánh thần ảo hoá khó suy cho cùng  
Cứu dân giết giặc anh hùng  
Công cao đức hậu điệp trùng sử xanh  
Ngàn thu nơi chốn miếu đình  
Ngạt ngào hương khói lung linh kính thờ  
Non Côi sông Vị nên thơ  
Núi chon von đứng sông lờ đờ trôi  
Lòng người chiêm bái không rời  
Chẳng vì biến cố đời đời trước sau  
Quy mô lấy trước làm đầu  
Dựng nên phép tắc cùng nhau giữ gìn  
Vẫn còn Quất quốc thơm nguyên  
Trúc xanh toả bóng cung Tiên vẫn còn  
Khen ai với tấm lòng son  
Khắc vào bia đá lâu bền làm gương.

Ngày 1 tháng 2 năm Mậu Thân, niên hiệu vua Duy Tân  
nước Nam năm thứ 2 (1908).

Trạng nguyên Cổ Am, tiên sinh Bạch Vân,  
Trình Quốc công giáng bút viết nên lời.

### 3. TẠI ĐỀN TRÙNG HOA (NƠI ĐẶT TƯỢNG ĐỒNG CỦA 14 VỊ VUA NHÀ TRẦN)

#### 3.1. Đại tự

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

居定家居

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Cư định gia cư*

DỊCH NGHĨA:

Định cư nên nhà ở

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

闕帝成後

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Khuyết để thành hậu*

DỊCH NGHĨA:

Sau thành cung xưa

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

才育德尚

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tài duc đức thương*

DỊCH NGHĨA:

Nuôi dưỡng và vun đắp đức lớn

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

宅 地 可 居

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trạch địa khả cư*

DỊCH NGHĨA:

Chọn được đất đẹp làm nơi để ở

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

即 墨 帝 鄉

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Túc Mặc đế hương*

DỊCH NGHĨA:

Túc Mặc là quê hương các vua

### 3.2. Câu đối

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

先 帝 退 初 居 猶 勸 皇 圖 當 革 固  
嗣 君 登 寶 位 每 臨 大 事 卽 尋 歸

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tiên để thoái sơ cư, do khuyến hoàng đồ đương  
củng cố*

*Tự quân đăng bảo vị, mỗi lâm đại sự tức tầm quy.*

DỊCH NGHĨA:

Tiên để thoái vị rồi, vẫn dặn giữ gìn cơ nghiệp vững  
Tự quân lên ngôi báu, việc to khi gặp lại tìm về.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

安樂四民歌報本

清平萬世捕心香

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*An lạc tứ dân, ca báo bản  
Thanh bình vạn thế, thắp tâm hương*

DỊCH NGHĨA:

Bốn dân yên ổn làm ăn, ca ngợi báo ơn công đức tổ  
Muôn thuở thái bình vui vẻ, đua nhau bày tỏ nén  
hương thành.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

月網雲船昔日往來尋宅處

樹花池水故鄉風物記皇都

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nguyệt vōng vân thuyền, tích nhật vāng lai tầm  
trạch xứ*

*Thụ hoa trì thuỷ cổ hương phong vật ký hoàng đô.*

DỊCH NGHĨA:

Lưới nguyệt thuyền mây thuở trước lại qua tìm về  
đất ở

Cây hoa ao nước làng xưa cảnh vật chốn quê nhà.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

禮樂依冠今自昔  
敬誠望重昔而今

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Lễ nhạc y quan kim tự tích*

*Kính thành vọng trọng tích nhi kim*

DỊCH NGHĨA:

Lễ nhạc áo mũ ngày nay đều bắt đầu từ xưa

Thành kính tôn sùng thuở trước không khác hôm  
nay.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

十四帝傳陳代史  
百千記載壯村居

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thập tứ đế truyền Trần đại sứ  
Bách niên ký tái tráng thôn cư*

DỊCH NGHĨA:

Mười bốn vị vua kể truyền trong kỷ Trần gia ghi  
chép rõ  
Trăm năm nêu tường thứ tự tại làng Tráng Kiện  
phái chi dài.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

楊舍舊文明杞事  
康村古邑定初居

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Dương Xá cựu phần minh tự sự  
Khang thôn cổ ấp định sơ cư*

DỊCH NGHĨA:

Dương Xá có mồ xưa, việc thờ tự khôi hương nghi  
ngút  
Khang thôn nơi làng cũ đến định cư tộc phả còn  
truyền.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

思分明安國法自古傳  
以悅和睦人民如今在

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tư phân minh an quốc pháp tự cổ truyền  
Dĩ duyệt hoà mục nhân dân như kim tại*

DỊCH NGHĨA:

Suy nghĩ sáng suốt làm yên nước là phép tắc từ xưa  
truyền  
Lấy sự hoà thuận với nhân dân đến nay vẫn tiếp nối

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

善用眾心保國泰山有鏡  
好崇佛法撫民平水無分

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiện dụng chúng tâm, bảo quốc Thái sơn hữu kính  
Hảo sùng phật pháp, phủ dân bình thuỷ vô phân*

DỊCH NGHĨA:

Giỏi dùng tâm của mọi người, giữ nước vững như  
Thái Sơn tấm gương vẫn còn đó.  
Khéo chuộng đạo Phật, vỗ yên dân như con nước  
lặng không.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

安子太堂前後墓  
文林墨邑往來室

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Yên Tử Thái Đường tiền hậu mộ  
Văn Lâm Mặc Ấp vãng lai gia*

DỊCH NGHĨA:

Ở Yên Tử, ở Thái Đường phần mộ trước sau còn để đó  
Tại Văn Lâm, tại Mắc Ấp hành cung cư ngụ chốn đi về.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

三破元兵彤史錄  
萬年德 裸 碟 朝尊

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tam phá Nguyên binh đồng sử lục  
Vạn niên đức quán lịch triều tôn*

DỊCH NGHĨA:

Ba lần phá giặc Nguyên, sứ hồng chép rõ  
Ngàn năm đức độ, công danh xứng với triều đại cao quý

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

七百年前陳帝室  
億千載後故鄉祠

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thát bách niên tiền Trần đế thát  
Úc thiên tài hậu cố hương từ*

DỊCH NGHĨA:

Bảy trăm năm ngôi nhà của vua Trần thuở trước  
Ngàn năm sau dựng nên đền thờ ở cố hương

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

義處和居先帝儀容成寶鑑  
樹花池水故鄉風物認僊洲

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nghĩa xử hoà cư tiên để nghi dung thành bảo giám.  
Thụ hoa trì thuỷ, cổ hương phong vật nhận tiên châu.*

DỊCH NGHĨA:

Lấy nghĩa ở, lấy hoà ăn, lời nói việc làm tiên để  
thuở xưa gương sáng mãi.

Có cây hoa, có ao nước, cảnh nhà lối ngõ, quê hương  
ngày ấy chốn châu tiên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

仁好相傳古帝今王皆望重  
溫良以治外安內盛德遵從

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nhân hiếu tương truyền, cổ để kim vương giai vọng trọng.  
Ôn lương dì trị ngoại an nội thịnh tổng tuân tòng.*

DỊCH NGHĨA:

Nhân hiếu truyền đời, vua xưa để nay đều trọng vọng  
Ôn hoà cư xử, trong ngoài buổi ấy được an ninh.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

基址重新龍象左排孚仰望  
江山依舊龜坼右列壯觀瞻

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Cơ chỉ trọng tân, long tượng tả bài phu ngưỡng vọng.  
Giang sơn y cựu, quy kỳ hữu liệt tráng quan chiêm.*

DỊCH NGHĨA:

Nền móng mới mẻ, rồng voi chầu bên trái đáng là  
nơi ngưỡng vọng.  
Non sông như cũ, đất thiêng bày bên phải làm hùng  
vĩ cảnh quan.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

洮水源深留益達  
今歐永典守山河

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thao thuỷ nguyên thâm lưu ích đạt  
Kim Âu vĩnh điển thủ sơn hà.*

DỊCH NGHĨA:

Sông Thao nguồn sâu lưu phồn thịnh  
Âu Vàng là phép tắc vĩnh viễn giữ sơn hà.

## 4. ĐỀN LƯU PHỐ

Đền Lưu Phố thuộc thôn Lưu Phố, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, thuận lợi để phát huy tốt các giá trị lịch sử - văn hóa trong quần thể di tích đền Trần ở Nam Định.

Đền Lưu Phố thờ Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ (1194 - 1264).

### 4.1. Đại tự

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

**陳朝名將**

乙亥年仲夏月造榴園全民大小恭進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trần triều danh tướng*

Ất Hợi niên trọng hạ nguyệt tạo, Lưu Phố đồng dân đại tiểu  
cung tiến.

DỊCH NGHĨA:

Vị tướng có danh tiếng dưới triều Trần  
Giữa mùa hè năm Ất Hợi, toàn dân già trẻ ở Lưu Phố kính  
dâng lên.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

一代宗臣  
維新王子造

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nhất đại tông thần*  
Duy Tân Nhâm Tý tạo

DỊCH NGHĨA:

Người bê tôi trong dòng dõi nhà vua nổi tiếng một thời.

Chế tạo niên hiệu Duy Tân năm Nhâm Tý (1912)

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

開國功臣

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Khai quốc công thần*

DỊCH NGHĨA:

Vị tướng thần có công trong thời kỳ mở nước

## 4.2. Câu đối

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

才略過人南史記  
力謀輔政國基光

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Tài lược quá nhân Nam sử ký  
Lực mưu phụ chính Quốc cơ quang.*

DỊCH NGHĨA:

Tài trí hơn người, việc ghi Nam sử  
Hết lòng giúp chúa, sáng nếp quốc gia.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

皇 叔 生 祠 芳 萬 古  
探 花 遺 團 協 三 靈

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Hoàng thúc sinh từ phương vạn cổ  
Thám hoa di phố hiệp tam linh.*

DỊCH NGHĨA:

Ngôi đền Hoàng thúc sinh thời, tiếng thơm muôn thuở  
Mảnh vườn Thám hoa còn lại, hàng thứ ba thiêng.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

太 師 舊 宅 千 年 在  
榴 團 新 祠 萬 古 芳

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thái sư cựu trạch thiên niên tại  
Lưu Phố tân từ vạn cổ phương*

DỊCH NGHĨA:

Nên cũ nhà Thái Sư ngàn năm vẫn thế  
Đền mới nơi Lựu Phố, muôn thuở thơm tho.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

運啟東阿留國典  
祚承李後顯神謀

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Vận khai Đông A lưu quốc điển*  
*Tộ thừa Lý hậu, hiển thần mưu*

DỊCH NGHĨA:

Mở vận nhà Trần, nêu sử nước  
Nối ngôi họ Lý, rõ mưu thần.

## 5. ĐÌNH CAO ĐÀI

(ĐÌNH CAO, THÔN CAO ĐÀI, XÃ MỸ THÀNH,  
HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH)

### 5.1. Đại tự

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

萬代仰

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Vạn đại ngưỡng

DỊCH NGHĨA:

Muôn đời trông đợi chiêm ngưỡng

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

有高臺

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Hữu Cao Đài

DỊCH NGHĨA:

Có lâu đài cao

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

大王上等神祠

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đại vương thượng đẳng thần từ*

DỊCH NGHĨA:

Đền thờ vị đại vương thượng đẳng thần

## 5.2. Câu đối

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

文武兩全江山氣骨  
孝忠一鼓日月精華

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Văn vũ lưỡng toàn, giang sơn khí cốt,  
Hiếu trung nhất cổ, nhật Nguyệt tinh hoa.*

DỊCH NGHĨA:

Văn võ gồm tài, khí cốt non sông tụ lại,  
Một niềm trung hiếu, tinh hoa nhật Nguyệt tạo nên.

◊ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

兩度戎功勞石馬  
四朝將業奠金甌

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Lưỡng độ nhung công lao thạch mã,  
Tứ triều tướng nghiệp điện kim âu.*

DỊCH NGHĨA:

Hai độ quân công chồn ngựa đá,  
Bốn triều tướng nghiệp vững âu vàng.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

奪槊章陽清北寇  
名齊興道振南邦

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đoạt sáo Chương Dương thanh Bắc khấu,  
Danh tề Hưng Đạo chấn Nam bang.*

DỊCH NGHĨA:

Cướp sáo Chương Dương trừ giặc Bắc,  
Danh ngang Hưng Đạo dưới trời Nam.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

過此細思兩回社稷元功洋洋如在  
瞻者起敬萬古江山勝跡赫赫於前

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Quá thử tế tư lưỡng hồi xã tắc nguyên công, dương  
dương như tại,  
Chiêm giả khởi kính, vạn cổ giang sơn thắng tích,  
hách hách như tiền.*

DỊCH NGHĨA:

Hai lần giữ yên xã tắc lập công đầu, tướng đâu vẫn đó,  
Muôn thuở nghiêng mình ngắm trông hình thế đẹp,  
chừng có non xa.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

高堂美景文物依然秀異  
独立王家樓臺儼若清高

PHIÊN ÂM:

*Cao Đường mĩ cảnh văn vật y nhiên tú di,  
Độc Lập vương gia lâu đài nghiêm nhược thanh cao.*

DỊCH NGHĨA:

Cảnh đẹp Cao Đường văn vật như xưa rực rỡ,  
Nhà Vương Độc Lập lâu đài vẫn thế thanh cao.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

民為國本千年策  
功在人心萬世長

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Dân vi quốc bản thiên niên sách,  
Công tại nhân tâm vạn thế trường.*

DỊCH NGHĨA:

Dân là gốc nước, ngàn năm nêu sách lược,  
Công ở lòng người, muôn thuở báo dài lâu.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

為將為神獨立萬劫山遙遙相對  
之鍾之毓高臺太堂地世世長存

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Vi tướng vi thần Độc Lập, Vạn Kiếp sơn dao dao  
tương đối,  
Chi chung chi dục Cao Đài, Thái Đường địa thế thế  
trường tồn.*

DỊCH NGHĨA:

Là tướng là thần, thôn Độc Lập, núi Vạn Kiếp xa xa  
tương đối,  
Do hun do đúc, nơi Cao Đài, đất Thái Đường mãi  
mãi ngang nhau.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

功高殺韃陳名將  
德顯安民粵上神  
龍飛成泰己亥年  
中富甲奉事

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Công cao sát Thát Trần danh tướng,  
Đức hiển an dân Việt thương thần.  
Long phi Thành Thái Kỷ Hợi niên  
Trung Phú giáp phụng sự*

DỊCH NGHĨA:

Danh tướng triều Trần công to sát Thát,  
Thượng thần đất Việt đức bởi yên dân.  
Rồng bay năm Kỷ Hợi (1899), niên hiệu Thành Thái  
Giáp Trung Phú dâng lên

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

武在平元文在史  
功於護國德於民

皇朝明命刑部尚書三法書吏阮致和進供  
阮文刊全家復制拜進

PHIỂN ÂM HÁN - VIỆT:

Vũ tại bình Nguyễn văn tại sử,  
Công ư hộ quốc đức ư dân.

Hoàng triều Minh Mệnh Hình bộ tam pháp  
Thư lại Nguyễn Trí Hoà tiến cung.  
Nguyễn Văn San đồng gia phục chế bái tiến.

DỊCH NGHĨA:

Võ dẹp giặc Nguyễn văn nên sử ký,  
Công vì cứu nước đức vì nhân dân.  
Triều vua Minh Mệnh, Hình bộ tam pháp  
Thư lại Nguyễn Trí Hoà dâng lên.  
Nguyễn Văn San và gia đình chế tạo lại, lạy dâng lên.

### 5.3. Văn bia

#### 奉陽公主神道碑銘并序

是姓也名也奉陽公主壽命也相國太師  
皇耆也慧真夫人慈妣也幼年柔嘉淑明太  
宗皇帝愛之義為子未幾上將太師詔賜王妃  
車服此公主良配也。

時太師有嬖與公主少不諧相國慧真御之將奪其志公主不可曰：妾辱奉太師巾栉諧不諧命也父母之命道不違其奈長則從夫之義何相國慧真乃止此公主之貞節也。

事夫以敬順待媵以惠和一一或遭太師遣怒者曲折微解母令見聲色雖老烈婦弗如也至於太師詮品朝廷人物自非垂內事未嘗以藜近為投置此公主之賢德也。

相國太師有疾親侍湯藥左飧右粥衣不解帶卧不安席者期年此公主侍親疾也。

相國太師葬斬衰盡哀殷性謹減國人見之無不掩涕此公主居喪禮也。

慧真嫠居二十餘年晨夕侍側問安侍膳罔有少怠設遇一訓一責則匍服罪不敢以榮貴而自高自大此公主事親孝也。

逮慧真葬柰心柴骨亦有聞父母所有送遺產業皆散諸昆弟一毫不取但傾家貲財施僧供佛食飢衣寒用資二天冥福此公主慎終追遠也。

太師親都相位日勞萬机不皇家事一一委付區處長幼整頓貲產凡所施為如出一意此公主治家法也。

針線補助袞鹽梅資調羹內助之道尤多殊非常兒女之比此公主相成道也。

其馭婢使不大聲以色設有竊盜則隨便追之不露其醜惡此公主仁心也。

平居暇日小小臧獲每如劳问不曾以筆捷為事故有過惡者咸自懾服此公主用心寬恕也。

年少归于相門身營多事未暇學問歲晚尤愛佛書雖隻言片字不能句改然大覺之心粗有識者其有微小教所不拘滯此公主通於心性也。

甲申冬北虜南寇太師上船避賊夜半舟中失火時太師睡寢公主疑是賊來微警授之以牌且以身蔽古之馮妇夢以加此公主明於義勇也。

天資慈愛一視嫡庶有小善者則稱揚於太師之前有小惡則提耳微誨隱惡揚善有古君子之風此公主心無妒忌也。

撫字族大小靡遺其有不才者寧以財物予之不敢尸諸重責此公主無私謁也。

病篤不問子孫唯以愛夫為念太師遺書手中言來生之日願為夫妇如初此公主純於愛敬也。

有子七人長早亡追悼不忘自己乃養關內侯國令所以代之此工主之義子也。

次文肅王道載文可禪時政武可以撥國歸三  
亂娶靖國大王寶姿公主長女瓊輝公瑞歸于人  
瑞勗兩適人俱不諧次瓊姿公主諱瑞歸于人  
于檢校太尉次瓊寶公主諱瑞歸于人  
王長子仁國王次瓊姿公主諱瑞歸于人  
檢校太尉瓊輝瓊姿武肅皆先亡孫十

男七女六真慈公主諱美瑞適判上位武寧  
侯之子昭餘皆尚幼此公主之嫡孫子也。

甲子二百八十二公主所享年也重興辛  
卯三月二十二日葬之年月也天長府獨立  
村公主所喪也興隆元年四月十一日葬之  
年月日也公主之喪而請銘以喪者文肅  
王也論其次所得於上將太師而為之銘者  
少保黎拱垣也。

銘曰：

為善必福兮人之常程  
謂仁必壽兮天乎不靈  
生有賢行兮沒有令名  
嬪于相門兮世襲歷聲  
村名獨立兮高處是塋  
文非寒君忝為之銘  
翰林院侍講阮士林書  
翰林校書郎載冕周众善鐫。

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Phụng Dương công chúa thân đạo bi minh tinh tự*

Thị tính dã. Danh dã. Phụng Dương công chúa thọ  
mệnh dã. Tướng quốc Thái sư hoàng kỳ dã, Tuệ Chân  
phu nhân từ tử dã. Ấu niên nhu gia thực minh. Thái  
Tông hoàng đế ái chi, nghĩa vi tử vị cơ Thượng tướng  
Thái sư chiếu tú Vương phi xa phục. Thủ Công chúa  
lương phổi dã.

Thời Thái sư hữu bế, dù Công chúa thiếu bất hài, Tướng quốc, Tuệ Chân ngự chi tương đoạt kì chí. Công chúa bất khả viết: Thiếp nhục phung Thái sư cân trắt, hài bất hài, mệnh dã, phụ mẫu chi mệnh đạo bất vi kì nại trưởng tác tòng phu chi nghĩa hà? Tướng quốc Tuệ Chân nãi chỉ. Thủ Công chúa chi trình tiết dã.

Sự phu dī kính thuận, dāi dǎng dī huệ hoà nhất  
nhất hoặc tao Thái sư khiển nộ giả, khúc chiết vi giải  
vô lệnh kiến thanh sắc, tuy lão liệt phụ phất như dã.  
Chí ư Thái sư thuyên phẩm triều đình nhân vật, tự  
phi thuỷ nội sự vị thường dī tiết cận đàn vi đầu trí.  
Thủ Công chúa chi hiền đức dã.

Tướng quốc Thái sư hữu tật, thân thị thang dược,  
tả xan hữu chúc, y bất giải đái, ngọa bất an tịch giả ky  
niên. Thủ Công chúa thị thân tật dã.

Tướng quốc Thái sư táng, trảm thôi tận suy, ân  
tính cận giảm, quốc nhân kiến chi vô bất yêm thế. Thủ  
Công chúa cư tang lễ dã.

Tuệ Chân ly cư nhị thập dư niên, thần tịch thị trắc  
vấn an thị thiện vōng hưu dāi thiết ngộ nhất huấn  
nhất trách tắc bồ phục phục tội, bất cảm dī vinh dī quý  
nhi tự cao tự đại. Thủ Công chúa sự thân hiếu dã.

Dāi Tuệ Chân táng loan tâm sài cốt diệc hữu văn  
phụ mẫu sở hữu tổng di sản nghiệp giai tán chư côn  
đệ, nhất hào bất thủ. Đān khuynh gia ti tài thí tăng  
cúng Phật thực cơ, y hàn dụng tư nhị thiên minh phúc.  
Thủ Công chúa thận chung truy viễn dã.

Thái sư thân đô tướng vị nhật lao vạn cơ bất hoảng  
gian sự, nhất nhất uỷ phó khu xử trưởng ấu, chỉnh  
đốn ti sản, phàm sở thí vi như xuất nhật ý. Thủ Công  
chúa trị gia pháp dã.

Châm tuyến bổ trợ cỗn diêm mai tư điêu canh nội  
trợ chi đạo vưu đa thù phi thường nhi nữ chi tỉ. Thủ  
Công chúa tương thành đạo dã.

Kì ngự tì sử bất đại thanh dī sắc thiết hữu, thiết  
đạo tắc tuỳ tiện truy chi, bất lộ kì xú ố. Thủ Công chúa  
nhân tâm dã.

Bình cư hạ nhật tiểu tiểu tang hoạch mỗi như lao  
vấn bất tầng dī chuỷ thát vi sự. Cố hữu quá ố giả  
thành tự nghiệp phục. Thủ Công chúa dụng tâm khoan  
thứ dã.

Niên thiểu quy vu tướng môn, thân doanh đà sự vị  
hạ học vấn, tuế vân vưu ái Phật thư tuy chích ngôn  
phiến tự bất năng câu cải đại giác chi tâm thô hữu  
thức giả kì hữu vi tiểu cố sở bất câu trệ. Thủ Công  
chúa thông tâm tính dã.

Giáp Thân đông bắc lỗ Nam khâu, Thái sư thượng  
thuyền tị tắc, dạ bán chu trung thất hoả thời Thái sư  
thuỷ tâm, Công chúa nghi thị tắc lai vi kinh thụ chi dī  
bài, đán dī thân tế. Cổ chi Phùng phụ dī gia. Thủ Công  
chúa minh nghĩa dũng dã.

Thiên tư từ ái nhất thị đích thứ hữu tiểu thiện giả  
tắc xưng dương ư Thái sư chi tiền, hữu tiểu ố tắc đê  
nhĩ vi hối, ẩn ố dương thiện hữu cổ quân tử chi phong.  
Thủ Công chúa tâm vô đố ky dã.

Phủ tự tộc đại tiểu mī di kì hữu bất tài giả ninh dī tài vật dư chi bất cảm thi chư trọng trách. Thủ Công chúa vô tư yết dā.

Bệnh đốc bất vấn tử tôn duy dī ái phu vi niệm, Thái sư di thư thủ trung ngôn lai sinh chi nhật nguyện vi phu phụ như sơ. Thủ Công chúa thuần ái kính dā.

Hữu tử thất nhân: trưởng tảo vong, truy điệu bất vong tự dī nái dường Quan nội hầu Quốc lệnh sở dī đại chi. Thủ Công chúa chi nghĩa tử dā; Thứ Văn Túc Vương Đạo Tái, văn khả thiền thời chính, vũ khả dī bát quốc loạn, thú Tĩnh Quốc đại vương Bảo Tư công chúa; Trưởng nữ Quỳnh Huy công chúa, huý Thuy Húc, lưỡng thích nhân câu bất hài; Thứ Quỳnh Tư công chúa, huý Thuy Nhu quy vu Kiểm hiệu Thái úy; Thứ Quỳnh Bảo công chúa, huý Thuy Ngư thích Tĩnh Quốc đại vương trưởng tử Nhân Quốc Vương; Thứ Quỳnh Thái công chúa, huý Thuy Tư kế quy vu Kiểm hiệu Thái úy. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư Vũ Túc giai tiên vong. Tôn thập tam nhân, nam thất, nữ lục. Chân Từ công chúa, huý Mỹ Thuy thích Phán thượng vị Vũ Ninh hầu chi tử Chiểu, dư giai thượng ấu. Thủ Công chúa chi đích tôn tử dā.

Giáp Tý nhị bách bát thập nhị, công chúa sở hưởng niên dā. Trùng Hưng Tân Mão, tam nguyệt, nhị thập nhị nhật táng chi niên nguyệt dā. Thiên Trường phủ, Độc Lập thôn, Công chúa sở tang dā. Hưng Long nguyên niên, tứ nguyệt thập nhật nhật táng chi niên

nguyệt nhật dã. Chủ Công chúa chi tang nhi thỉnh  
minh dĩ tang giả Văn Túc Vương dã. Luận kỳ thứ sở  
đắc Thượng tướng Thái sư nhi vi chi minh giả Thiếu  
bảo Lê Củng Viên dã.

Minh viết:

Vi thiện tất phúc hế, nhân chi thường tình.

Vị nhân tất thọ hế, thiên hồ bất linh.

Sinh hữu hiền hạnh hế, thiết hữu lệnh danh.

Tần vu tướng môn hế, thế tập lịch thanh.

Thôn danh Độc Lập hế, cao xứ thị doanh.

Văn phi Hàn quân Thiểm vi chi minh.

Hàn lâm viện thị giảng Nguyễn Sĩ Liêm thư.

Hàn lâm hiệu thư lang đái miện Chu Chúng Thiện tuyễn.

Kim tử Quang lộc đại phu Thiếu bảo kiêm tri kiểm định  
thiên hạ tụng trạng ty Lê Củng Viên soạn.

Hưng Long nguyên niên Quý Tỵ, tứ nguyệt, thập nhị nhật  
Nghĩa phu tứ triều Nguyên lão Bình Chương Quân quốc  
trọng sự lập.

Mặt sau:

Minh Mệnh tam niên, tuế thứ Nhâm Ngọ, lục  
nguyệt, sơ nhất nhật, tuân y cổ tự trùng san.

DỊCH NGHĨA:

### *Bia Thần đạo Công chúa Phụng Dương*

Công chúa họ Trần tên thụy là Phụng Dương. Cha  
là Tướng quốc Thái sư, mẹ là Tuệ Chân phu nhân. Khi

còn bé, gia đình khen là hiền hậu thông minh. Vua Thái Tông yêu lắm, nhận nuôi làm con.

Khi gả cho Thượng tướng Thái sư, vua xuống chiếu ban cho xe và quần áo như con gái vua. Đó là việc Công chúa đi lấy chồng.

Lúc bấy giờ Thái sư yêu người khác, nên đối với Công chúa không được hòa hợp lắm. Quan Tướng quốc và Tuệ Chân phu nhân lấy làm giận, muốn đem Công chúa gả cho người khác, nhưng Công chúa cho là không nên, nói rằng: "Thiếp đã lấy Thái sư, có hòa hợp hay không, đó là mệnh trời. Còn lệnh của cha mẹ, thiếp vốn không thể trái được, nhưng cái nghĩa "lớn phải theo chồng" thì làm thế nào?". Quan Tướng quốc và Tuệ Chân phu nhân bèn thôi. Đó là lòng trinh tiết của Công chúa.

Công chúa một lòng kính thuận, đối đãi vợ lẽ của chồng với một lòng khoan thứ. Nếu có người thiếp nào làm cho Thái sư phạt ý thì Công chúa lấy lời lẽ nhẹ nhàng giảng giải cho nghe, không để Thái sư phải giận mắng, dù các bậc phụ nữ, lão thành giỏi giang cũng không thể bằng được.

Đến như việc Thái sư lựa chọn người để cho ra làm quan hay thăng phẩm trật cho các nhân vật trong triều đình, Công chúa tự coi đó không phải là việc của phụ nữ, nên chưa từng lấy cớ là gần gũi mà dám tự tiện xen vào những việc quan trọng. Đó là đức tốt của Công chúa.

Khi Tướng quốc Thái sư ốm, Công chúa hầu hạ thuốc thang, phụng dưỡng cơm cháo suốt một năm trời, đến nỗi áo chẳng kịp cởi, nằm không yên giấc. Đó là việc Công chúa hầu hạ phụ thân khi ốm.

Khi Tướng quốc Thái sư mất, Công chúa để tang hết sức thương xót, hầu hạ như muốn chết người, trong nước trông thấy, không ai cầm được nước mắt. Đó là khi Công chúa để tang.

Tuệ Chân phu nhân ở góa hơn hai mươi năm, Công chúa sớm hôm hầu hạ bên cạnh, trông nom cơm nước không phút nào trễ nải. Gặp khi Tuệ Chân phu nhân có điều gì quở trách, Công chúa khum núm nhận lỗi, không dám cho mình là vinh là quý mà tự cao tự đại. Đó là Công chúa thờ mẹ một lòng hiếu thảo.

Khi Tuệ Chân phu nhân mất, Công chúa héo hon gầy guộc ai ai cũng biết.

Những sản nghiệp cha mẹ để lại cho, Công chúa đều chia cho anh em, không lấy một chút gì, lại đem hết cả gia tài bố thí cho sư và cúng Phật, ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho mặc, đem của cải để cầu lấy hạnh phúc cho cha mẹ. Đó là Công chúa đối với việc sau, nhớ ơn những người trước.

Quan Thái sư ở chức vị Tướng quốc, hàng ngày rất bận, chẳng có thì giờ nghỉ đến việc nhà, đều ủy thác cho Công chúa khu xử đối với người trẻ, người già,

chỉnh đốn tài sản, mọi việc làm đều hợp với ý của Thái sư. Đó là cách Công chúa trông nom việc nhà.

Việc thêu thùa vá may, cơm ngon canh ngọt, tài nội trợ của Công chúa càng giỏi, một người đàn bà tầm thường thật không thể nào sánh được. Đây là cái đạo của Công chúa giúp chồng vậy.

Khi sai khiến con đói, Công chúa không nói to mà chỉ dùng nét mặt. Nếu chúng nó có ăn trộm, ăn cắp Công chúa cũng không tùy tiện đuổi ra, không nỡ để lộ điều xấu xa của chúng. Đó là lòng nhân của Công chúa.

Ngày thường trong khi rỗi rã, đối với những kẻ nô lệ, Công chúa thường thăm hỏi, an ủi, chưa từng dùng roi vọt, cho nên những kẻ rất xấu cũng đều cảm phục. Đó là lòng khoan thứ của Công chúa.

Từ khi còn ít tuổi, Công chúa đã về cửa tướng thần, bận trăm công ngàn việc, chưa từng lúc nào rảnh rỗi để học hỏi, cho nên đến lúc tuổi già, Công chúa càng thích đọc kinh Phật, tuy từng câu từng chữ còn chưa hiểu rõ nhưng cũng hiểu đại khái cái tâm của Phật, còn giới luật lặt vặt thì không câu nệ. Đó là Công chúa đã thông suốt tâm và tính vậy.

Mùa đông năm Giáp Thân (1284), giặc Nguyên sang cướp nước Nam, Thái sư xuống thuyền lánh giặc. Nửa đêm trong thuyền xảy ra thất hỏa, lúc đó Thái sư đang ngủ say, Công chúa tưởng là giặc đến, khẽ đánh thức Thái sư dậy đưa cho ngài cái mộc, rồi lấy thân mình che

cho ngài. Bà Phùng đời xưa cũng không hơn được. Đó là Công chúa sáng suốt, dũng cảm làm việc nghĩa.

Công chúa vốn có lòng nhân từ, bác ái, coi con vợ cả hay con vợ lẽ như nhau, ai làm được việc tốt, dù nhỏ cũng đem khen trước mặt Thái sư, ai làm điều xấu, dù nhỏ cũng rỉ tai răn dạy. Công chúa có tác phong của người quân tử thời xưa là che giấu việc xấu, biểu dương việc tốt. Đó là Công chúa không có lòng ghen ghét.

Nuôi nấng thương yêu họ hàng nội ngoại, không kể lớn nhỏ, ai không có tài thì Công chúa thà cho tiền của chứ không dám trao cho trọng trách. Đó là lòng Công chúa không có riêng tư.

Khi ốm nặng, Công chúa không hỏi gì đến con cháu, chỉ một lòng nghĩ đến chồng. Thái sư đưa thư vào trong tay Công chúa nói: "Kiếp sau nguyện được làm chồng vợ như xưa". Đó là vì Công chúa một lòng kính yêu Thái sư.

Con cái có bảy người: Người con trưởng mất sớm, Công chúa thương xót khôn nguôi, bèn nuôi con Nội hâu Quốc Đông thay cho người đó. Người ấy là con nuôi của Công chúa. Con thứ là Văn Túc Vương Đạo Tái, về văn có thể giúp cho chính trị lúc bấy giờ, về võ có thể dẹp được loạn nước, lấy con gái Tĩnh Quốc đại vương là Công chúa Bảo Tư. Thứ nữa là Vũ Túc Vương Đạo... lấy Công chúa Bảo Chân - con gái thứ tư của vua Thánh Tông. Con gái lớn là Công chúa Quỳnh

Huy, huý là Thuy Húc, hai lần gả chồng đều không hoà hợp. Thứ nữa là Công chúa Quỳnh Tư, huý là Thuy Nhu, gả cho Kiểm nghiệm Thái uý. Thứ nữa là Công chúa Quỳnh Bảo, huý là Thuy Ân, lấy con trưởng Tĩnh quốc Đại vương là Nhân Quốc Vương. Thứ nữa là Công chúa Quỳnh Thái, huý là Thuy Tư, làm vợ kế Kiểm nghiệm Hiệu uý. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ Túc đều mất trước.

Cháu có mười ba người, bảy nam sáu nữ. Công chúa Chân Từ huý là Mỹ Thuy lấy con trai Phán thư Thượng vị Vũ Ninh hầu là Chiểu.

Công chúa thọ được hai trăm tám mươi hai ngày Giáp Tý. Ngày 22 tháng 3 năm Tân Mão, niên hiệu Trùng Hưng (1291) là ngày Công chúa mất, táng tại thôn Độc Lập, phủ Thiên Trường, ngày táng là 11 tháng 4, niên hiệu Hưng Long năm đầu (1293). Người chủ tang Công chúa và đến xin bài minh để táng là Văn Túc Vương. Người cùng với Thượng tướng Thái sư bàn luận và cân nhắc những điều biết được về Công chúa để viết bài minh là Thiếu bảo Lê Củng Viên.

Bài minh rằng:

Làm thiện tất được phúc hồn, làm điều thường tình.

Nói nhân tất được thọ hồn, trời sao chẳng linh.

Sống có nết na hồn, chết được thanh danh.

Làm vợ cửa tướng hồn, để lại tiếng lành.

Thôn là Độc Lập hê, xứ cao mồ xanh.

Không phải hàn quân hê, Thiểm làm bài minh.

Hàn lâm thị giảng Nguyễn Sĩ Liêm viết.

Hàn lâm hiệu thư lang đái niệm Chu Thiện Chứng khắc.

Kim tử Vinh lộc đại phu Thiếu bảo kiêm tri kiểm định thiên  
hạ tụng trạng ty Lê Củng Viên soạn.

Ngày 12 tháng 4 năm Quý Tỵ (19-5-1293) niên hiệu Hưng  
Long năm đầu, chồng là Nguyễn lão bốn triều Bình chương  
quân quốc trọng sự lập bia.

Mặt sau:

Ngày 1 tháng 6 năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh  
Mệnh 3 (1822) khắc lại theo chữ cũ.

## 6. ĐỀN CHÙA MIÊU (THỜ TRẦN NHẬT DUẬT)

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

南岳降神職列千秋之上將  
東阿佐聖名标萬古之天星

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Nam nhạc giáng thần chức liệt thiên thu chi  
Thượng tướng  
Đông A tá thánh, danh tiêu vạn cổ chi thiên tinh.*

DỊCH NGHĨA:

Núi Nam vị thần giáng sinh, chức trong hạng  
ngàn thu Thượng tướng

Cõi Đông giúp cho thánh đế, tên nêu lên muôn  
thuở sao trời.

◆ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

對母孝事君忠萬古英靈赫濯  
福址前望盈後千秋香火勳高

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đối mẫu hiếu, sự quân trung, vạn cổ anh linh  
hách trạc*

*Phúc Chỉ tiền, Vọng Doanh hậu, thiên thu hương  
hỏa huân cao.*

DỊCH NGHĨA:

Đôi mẹ hiếu, thờ vua trung, muôn thuở oai danh lừng lẫy,  
Phúc Chỉ trước, Vọng Doanh sau, ngàn thu hương khói thơm tho.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

過此齊思兩回社稷元功洋洋如在  
瞻者起敬萬古江山勝跡赫赫如前

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Quá thử tề tư, lưỡng hồi xã tắc nguyên công  
dương dương như tại,  
Chiêm giả khởi kính, vạn cổ giang sơn thăng tích  
hách hách như tiền.

DỊCH NGHĨA:

Ai qua đều nhớ ông, hai phen với xã tắc công đầu,  
còn tưởng đâu đây ngồi đứng đó  
Người trông tỏ lòng kính mến, muôn thuở cùng  
non sông tươi đẹp vẫn như nghi vệ lúc bình sinh.

❖ NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN:

才略武兼文迄今讀陳史猶覺正氣  
英雄南以北令人過鹹關則思戰功

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

Tài lược võ kiêm văn, hất kim đọc Trần sử do giác  
chính khí,  
Anh hùng Nam dĩ Bắc, linh nhán quá Hàm quan  
tắc tư chiến công.

DỊCH NGHĨA:

Tài nghệ võ kiêm văn, đọc sử nhà Trần càng kính mến,  
Anh hùng Nam như Bắc, qua nơi Hàm Tử nhớ  
công xưa.

◆ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

簪笏四朝韓魏國于今再見  
東西百戰郭汾陽之後一人

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Trâm hốt tú triều, Hàn Nguy quốc vu kim tái kiến,  
Đông Tây bách chiến, Quách Phàn Dương chi hậu  
nhất nhân.*

DỊCH NGHĨA:

Phò giúp bốn triều vua, Hàn Nguy quốc năm xưa  
lại thấy,  
Bôn ba trăm trận đánh, Quách Phàn Dương sau đó  
đến ông.

## 7. CHÙA HỒ SƠN

(XÃ TAM THANH, HUYỆN VŨ BẢN)  
THỜ CÔNG CHÚA HUYỀN TRÂN

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

東 阿 雙 顯 仙 跡 舊  
南 向 重 明 廟 宇 新  
龍 飛 王 子 舊 副 里 黃 如 鳥 供 進

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Đông A song hiển tiên tích cựu,  
Nam hướng trùng minh miếu vũ tân.*

Long phi Nhâm Tý, cựu Phó lý Hoàng Như Diêm cung tiến.

DỊCH NGHĨA:

Nhà Trần thánh thánh linh thiêng, dấu tiên xưa  
đã cũ,  
Núi Hồ tầng tầng rực rõ, đền miếu nay mới nguyên.  
Rồng bay năm Nhâm Tý (1912), cựu Phó lý Hoàng Như  
Diêm dâng lên.

❖ NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN:

千 秋 正 氣 存 天 地  
一 片 舟 心 貫 日 星

PHIÊN ÂM HÁN - VIỆT:

*Thiên thu chính khí tồn thiên địa,  
Nhất phiến chu tâm quán nhật tinh.*

DỊCH NGHĨA:

Nghìn thu khí lớn song hành cùng sông núi,  
Một tấm lòng son thông thấu suốt trời cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Dai Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1961.
- *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
- *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002.
- *Di tích và danh thắng Quảng Ninh*, Ban quản lý di tích  
thắng cảnh Quảng Ninh.
  - *Văn miếu Quốc Tử Giám Thăng Long*, Hà Nội, Trung tâm hoạt  
động văn hoá khoa học Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội, 1998.
  - *Ngọc phả nhà Trần* - bản chữ Hán.
  - *Thế thứ các triều vua Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
  - *Danh nhân văn hoá Nam Định*, tập 1, Sở Văn hoá - Thông  
tin Nam Định, 2000.
  - *Chùa Tháp Phổ Minh*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam Định, 2002.
  - *Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn*, Sở Văn hoá - Thông  
tin Nam Định, 2000.
  - *Thuyết Trần*, Nxb Hải Phòng.
  - *Di tích lịch sử - văn hoá đền Trần, chùa Tháp tỉnh Nam  
Định*, Nxb Văn hoá Dân tộc, 2009.
  - *Thành Nam xưa*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam Định, 1997.
  - *Tân biên Nam Định tinh địa dư chí lược*, Tể tửu Quốc Tử  
Giám Khiếu Năng Tỉnh.
  - *Kỷ yếu hội thảo thời Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần  
Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*, Sở Văn hoá - Thông tin Nam  
Hà, 1996.

- *Tư liệu Hán Nôm đền Thiên Trường - Nam Định*, Bản chép tay - dịch giả Dương Văn Vượng.
- *Tư liệu Hán Nôm đền Cố Trạch*, Bản chép tay - dịch giả Dương Văn Vượng.
- *Tư liệu Hán Nôm chùa Phổ Minh, phường Lộc Vượng, Nam Định*, Bản chép tay - dịch giả Dương Văn Vượng.
- *Tư liệu Hán Nôm đền Lụu Phố, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc*, Bản chép tay - dịch giả Dương Văn Vượng.
- *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, Nxb Bộ Giáo dục trung tâm học liệu, 1968.
- *Trần Thị Đại Tông từ đường*, Bản chép tay họ Trần, Túc Mặc.
- *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2006*, Nxb Khoa học xã hội.
- *Hưng Đạo Đại vương*, Phan Kế Bính, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	5
Lời nói đầu	7
<i>Phần I</i>	
KHỞI NGUỒN ĐÔNG A	
	9
I. Truyền thuyết và sự thật	11
Ghi theo Trần Thị gia huấn	11
Truyền thuyết về ngôi mộ kết phát	14
Lăng mộ nhà Trần	17
II. Nguồn gốc vương triều Trần	21
<i>Phần II</i>	
ĐÔNG A HOÀNG ĐẾ	
	25
I. Các minh quân Hoàng đế	27
- Trần Thái Tông	27
- Trần Thánh Tông	40
- Trần Nhân Tông	54
- Trần Anh Tông	62
- Trần Minh Tông	76

II. Các vua kế nghiệp	90
- Trần Hiến Tông	90
- Trần Dụ Tông	91
- Trần Nghệ Tông	93
- Trần Duệ Tông	96
- Trần Phế Đế	98
- Trần Thuận Tông	100
- Trần Thiếu Đế	102
III. Các vua hậu Trần	104
- Giản Định Đế	104
- Trùng Quang Đế	106

*Phần III*

CÁC THÁI SƯ ĐÔNG A MÃN TIỆP	109
1. Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ	112
2. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải	121
3. Thượng phụ thượng quốc Thái sư Trần Quốc Tuấn	136
4. Tá thánh Thái sư Trần Nhật Duật	149

*Phần IV*

MỘT SỐ HOÀNG HẬU, CÔNG CHÚA TRẦN TỘC	163
1. Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung	166
2. Phụng Dương công chúa	169
3. An Tư công chúa	173
4. Huyền Trân công chúa	175
5. Thiên Ninh công chúa	184

<i>Phần V</i>	
DI SẢN HÁN NÔM	191
1. Đền Thiên Trường	194
2. Tại đền Cố Trạch	219
3. Tại đền Trùng Hoa	253
4. Đền Lựu Phố	262
5. Đinh Cao Dài	266
6. Đền chùa Miếu	285
7. Chùa Hồ Sơn	288